

**Biểu mẫu 18**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, năm học 2022-2023**

**A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại**

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	<b>Tổng số</b>	<b>07</b>	<b>131</b>	<b>2193</b>	<b>1592</b>				
1	Khối ngành I			963	1265				
2	Khối ngành II			100	00				
3	Khối ngành III			189	101				
4	Khối ngành IV			0	00				
5	Khối ngành V			0	00				
6	Khối ngành VI			0	00				
7	Khối ngành VII	07	131	941	226				

**B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm**

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	<b>Tổng số</b>	<b>1084</b>	<b>11</b>	<b>193</b>	<b>861</b>	71,68%
1	Khối ngành I	753	10	171	567	75,17%
2	Khối ngành II	17	0	0	17	76,47%
3	Khối ngành III	4	0	0	4	75%
4	Khối ngành IV					

5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	310	1	22	273	62,9%

(\* Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)\* 100

### C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ		Phương pháp đánh giá sinh viên
			LT	TH	
<b>I</b>	<b>Bộ môn lý luận chính trị</b>				
1.	Triết học Mác - Lênin	Học phần cấu trúc gồm những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên, liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp người học có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
2.	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; về kinh tế hàng hóa; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó, người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng với thái độ khách quan, trung thực và tin tưởng; đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái về chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	2	0	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu	2	0	

		Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.			
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Giúp sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, qua đó từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành.</p> <p>Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Hồ Chí Minh đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Các nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển gắn với các thời kì hoạt động của Hồ Chí Minh trong phong trào cách mạng Việt Nam và quốc tế vào đầu và giữa thế kỷ 20. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh nhận định Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh của văn hóa dân tộc Việt Nam, tư tưởng cách mạng Pháp, tư tưởng tự do của Hoa Kỳ, lý tưởng cộng sản Mác-Lênin, tư tưởng văn hóa phương Đông, văn hóa phương Tây và phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.</p>	2	0	
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần gồm có 4 chương (kể cả chương nhập môn), bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng thông qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ từ năm 1945 đến năm 1975 cũng như lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quản chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...).	2	0	

6.	Chính trị học đại cương	Học phần trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam.	3	0	
7.	Logic học	Học phần cung cấp một số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện những đúng, sai, tráo trở, nguy hiểm trong tư duy, lập luận của người khác.... Cung cấp một số tình huống, đặc biệt là các tình huống liên quan đến pháp luật (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và một số tình huống đời thường để người học vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.	2	0	
<b>II Bộ môn Giáo dục mầm non</b>					
8.	Giáo dục học	Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản về giáo dục học như những vấn đề chung về giáo dục học (Đối tượng, nhiệm vụ, khái niệm cơ bản, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học; Sự phát triển nhân cách và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Mục đích, nhiệm vụ giáo dục; Hệ thống giáo dục quốc dân); lý luận dạy học (Quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung và phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập) và lý luận giáo dục (Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục, môi trường giáo dục). Từ đó, làm cơ sở cho việc rèn luyện tư duy và kỹ năng sư phạm, hình thành, phát triển tình cảm, đạo đức, lý tưởng và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản của người giáo viên.	04	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
9.	Quản lý hành chính nhà nước và quản	Học phần cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức lý luận cơ bản về Nhà nước và quản lý hành chính nhà nước như: Bản chất của	03	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó

	lí ngành giáo dục	Nhà nước CHXHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước, cơ cấu bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam, quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật cán bộ, công chức; Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo và các giải pháp phát triển Giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay; Luật Giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT; Thực tiễn giáo dục ở Việt Nam và nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay.			gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
10.	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Học phần tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Sư phạm Âm nhạc. Học phần tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản có hệ thống về khoa học tâm lý như: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người; đặc điểm tâm - sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học, lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; đạo đức và hành vi đạo đức, tiêu chuẩn để đánh giá hành vi đạo đức, cấu trúc, nhân cách của hành vi đạo đức; đặc điểm lao động sư phạm, những phẩm chất, năng lực và uy tín của người giáo viên. Người học có nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở thành người giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.	04	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
11.	Tâm lý học lứa tuổi mầm non	Học phần Tâm lý học lứa tuổi mầm non là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, gồm các lĩnh vực kiến thức: Lĩnh vực kiến thức về tâm lý học: Bản chất, 1. Chức năng phân loại các hiện tượng tâm lý, hoạt động; giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, hoạt động	04	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng

		<p>nhận thức (Cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng), nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách (khái niệm, cấu trúc nhân cách, các thuộc tính và các phẩm chất của nhân cách, các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách).</p> <p>2. Lĩnh vực kiến thức tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non: Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ (phát triển ngôn ngữ, chú ý, phát triển hoạt động nhận thức, phát triển nhân cách); vai trò quyết định của hoạt động chủ đạo trong từng giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em từ 0-6 tuổi; bước ngoặt 6 tuổi và sự chuẩn bị tâm lý cho trẻ bước vào lớp 1.</p>			<p>số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
12.	Giáo dục học mầm non	<p>Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học mầm non: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non; nguyên tắc và phương pháp giáo dục trẻ mầm non; các nhiệm vụ giáo dục trẻ ở trường mầm non; tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non; tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập) của trẻ ở trường mầm non; tổ chức lễ hội, tham quan ở trường mầm non.</p>	03	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
13.	Sinh lý học trẻ em	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo và chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; Các quá trình sinh lí, trao đổi chất, sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ mầm non, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và đề xuất được các biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non một cách khoa học, phù hợp với lứa tuổi.</p>	03	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
14.	Âm nhạc cơ bản	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết âm nhạc cơ bản. Những khái niệm về âm thanh, âm nhạc. Về cao độ, trường độ, nhịp, quãng, xác định giọng và đọc nhạc. Từ đó ứng dụng vào đọc nhạc, đàn và hát trong chương trình mầm non.	01	02	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
15.	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	Học phần Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo các ngành Giáo dục Mầm non với những kiến thức về dinh dưỡng và vệ sinh cho trẻ em như: Vai trò, nguồn gốc và nhu cầu của các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể trẻ em theo từng độ tuổi để xác định khẩu phần, thực đơn và đánh giá khẩu phần ăn cho trẻ; thực hiện vệ sinh ăn uống và vệ sinh thực phẩm ở Trường mầm non; nghiên cứu ảnh hưởng vệ sinh môi trường bên ngoài đến sự phát triển của trẻ em từ đó lựa chọn, vận dụng các kiến thức đã lĩnh hội để có biện pháp chăm sóc sức khỏe, phát triển cơ thể trẻ một cách toàn diện nhất trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục trẻ mầm non	03	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
16.	Bệnh học trẻ em	Học phần Bệnh học trẻ em là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, gồm các lĩnh vực kiến thức: Những vấn đề chung về chăm sóc sức khỏe trẻ em, Vệ sinh chăm sóc trẻ tại trường mầm non, Phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch, một số chương trình y tế triển khai ở trường học, Phòng chống các bệnh thường gặp ở trẻ, Một số cấp cứu ban đầu ở trường học, thuốc dùng cho trẻ em	03	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> </ul> </li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
17.	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khoa học, hiện đại về phương pháp dạy nói cho trẻ từ 0-6 tuổi.</p> <p>Giúp người học hiểu và vận dụng được những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non như: Phương pháp phát âm, phương pháp xây dựng vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ và dạy trẻ làm quen với chữ cái.</p>	02	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
18.	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	<p>Học phần Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học</li> <li>- Các phương pháp cho trẻ làm với tác phẩm văn học.</li> <li>- Các loại bài, loại tiết cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học</li> <li>- Biết cách soạn giáo án cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.</li> <li>- Biết tổ chức, hình thành kỹ năng cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.</li> </ul> <p>Giúp người học nắm vững nội dung, kết cấu chương trình của môn cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học hiện nay ở trường mầm non.</p>	02	01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng</li> </ul> </li> </ul>

					số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
19.	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non như khái niệm, vai trò của giáo dục thể chất, nguyên tắc giáo dục thể chất, phương pháp giáo dục thể chất, văn hoá và môi trường của tổ chức, biên soạn và tổ chức tập luyện... Hình thành kỹ năng giáo dục thể chất, xử lý trong từng tình huống cụ thể.	01	02	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
20.	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mầm non bao gồm những hiểu biết đại cương về phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ. Những kiến thức cơ bản về quy luật, đặc điểm phát triển các biểu tượng toán học như: Đặc điểm phát triển những biểu tượng về số, kích thước, hình dạng, định hướng không gian, định hướng thời gian của trẻ em lứa tuổi mầm non. Môn học còn cung cấp những kiến thức cơ bản về mục đích, nội dung, nguyên tắc và phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ. Trên cơ sở đó hướng dẫn thiết kế giáo án toán, lập kế hoạch cho việc hình thành các biểu tượng toán, kế hoạch chuẩn bị và tiến hành cho từng tiết dạy.	01	02	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
21.	Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	Học phần Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, gồm các lĩnh vực kiến thức: Những vấn đề chung về phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh(Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, cơ sở khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu), Các nguyên tắc, nội dung cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; Các phương pháp và các hình thức tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; Phương tiện điều kiện hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	02	01	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b>

					(trọng số 50%).
22.	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	Học phần bao gồm các khái niệm cơ bản về hoạt động tạo hình nói chung, khái niệm các phương pháp dạy học tạo hình, chương trình hoạt động tạo hình ở trường mầm non, vai trò của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển của trẻ ở các độ tuổi mẫu giáo khác nhau. Từ đó giúp người học có được kiến thức và bước đầu hình thành kỹ năng tổ chức, đánh giá và vận dụng được những kiến thức đã lĩnh hội vào việc tổ chức các hoạt động như: Vẽ, nặn, xé - cắt dán.	01	02	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
23.	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non thông qua phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc như: - Hát - Vận động theo nhạc - Nghe nhạc - Trò chơi âm nhạc Từ đó biết thiết kế giáo án và thực hành tập dạy các hoạt động âm nhạc. Ngoài ra còn giúp sinh viên biết xây dựng kế hoạch hoạt động âm nhạc trong các ngày lễ, hội. Góp phần hình thành kỹ năng nghề nghiệp	01	02	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
24.	Giáo dục hoà nhập	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập (khái niệm cơ bản của giáo dục hòa nhập; các dạng khuyết tật thường gặp ở trẻ và dấu hiệu nhận diện), đồng thời gợi ý một số yếu tố cơ bản khi tiến hành giáo dục hòa nhập trong trường, lớp mầm non có trẻ khuyết tật theo học (Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non, Quy trình giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, Tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường mầm non)	03	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).

25.	Nghề giáo viên mầm non	Học phần Nghề Giáo viên mầm non cung cấp cho người học có những kiến thức về giáo dục mầm non và nghề giáo viên mầm non như: Khái niệm nghề giáo viên mầm non, những phẩm chất, kiến thức, kỹ năng về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; Kiến thức về chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo qui định của Bộ GD&ĐT; Qui định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp của GVMN; Các yêu cầu về phẩm chất và năng lực sư phạm của GVMN; Từ đó hình thành ý thức rèn luyện nhân cách đáp ứng chuẩn nghề nghiệp;	03	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
26.	Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	Học phần gồm 7 nội dung, là các kiến thức cơ bản về: - Khái niệm đồ chơi. - Đặc điểm đặc trưng của đồ chơi; Quan hệ giữa đồ chơi và trò chơi; Ý nghĩa giáo dục của đồ chơi đối với trẻ Mầm non; Các nguyên tắc của làm đồ chơi; Phân loại đồ chơi; Nguyên tắc phân bố và bảo quản đồ chơi trong trường mầm non. - Các nguyên liệu và kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên liệu khác nhau. - Thực hành làm một số loại đồ chơi học tập, đồ chơi mô tả hình tượng, đồ chơi sân khấu âm nhạc, đồ chơi trang trí, đồ chơi xây dựng và một số đồ chơi từ những loại vật liệu dễ tìm kiếm, vật liệu thiên nhiên.	0	03	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
27.	Múa và phương pháp biên đạo múa	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa và phương pháp biên-dạy các động tác múa cho trẻ mầm non, đồng thời giới thiệu một số chất liệu múa dân gian Việt Nam cơ bản, từ đó hướng dẫn sinh viên thực hành múa và biên - dạy các động tác múa cho trẻ mầm non theo tinh thần của chương trình giáo dục mầm non hiện hành.	0	03	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
28.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường	Học phần giúp sinh viên thực hành các phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ, xử lý tình huống sư phạm trong quá trình lên lớp, nâng cao tay nghề	0	04	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm

	xuyên	sư phạm.			trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
29.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	Học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục mầm non (GDMN) là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non gồm 06 lĩnh vực kiến thức về Tổng quan về ứng dụng CNTT trong dạy học; Giới thiệu về Internet và cách sử dụng một số dịch vụ của Internet như Email, Web, tìm kiếm vào tài thông tin; Tạo trình diễn với Microsoft Powerpoint như các nguyên tắc thiết kế trên PowerPoint, thao tác với slide, thiết lập hiệu ứng cho Slide, kỹ thuật Trigger; Xây dựng bài giảng với phần mềm Violet bao gồm cài đặt phần mềm Violet, tạo bài giảng cơ bản và bổ sung tính năng cho bài giảng; Xử lý âm thanh và phim gồm cài đặt và sử dụng phần mềm xử lý âm thanh, cài đặt và sử dụng phần mềm xử lý phim; và Hướng dẫn sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong dạy học ở mầm non như: Kidsmart, Nutrikids, Happy Kid.	0	02	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
30.	Mỹ thuật ứng dụng (Cắt dán, xé dán, nặn, gấp giấy)	Học phần bao gồm các kiến thức lý luận chung về các kiểu chữ cơ bản; nghệ thuật điêu khắc; nghệ thuật xếp, xé, cắt dán tranh minh họa, tranh tĩnh vật, con vật, tranh phong cảnh; các bài tập trang trí giúp SV phát triển các khả năng tư duy sáng tạo, biết vận dụng kiến thức về nghệ thuật tạo hình để ứng dụng vào trang trí, xây dựng môi trường giáo dục ở trường lớp mầm non theo các chủ đề. Cung cấp cho người học có kỹ năng xé, cắt dán để trang trí lớp học có giá trị thẩm mỹ cao, khoa học, phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của trẻ. Biết hướng dẫn các kỹ năng nặn, vẽ, xếp dán cho trẻ trong các giờ tổ chức hoạt động tạo hình một cách chính xác, phù hợp và dễ hiểu.	0	02	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
31.	Quản lý trường mầm non	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý giáo dục như khái niệm, mục tiêu, bản chất, đặc trưng và chức năng của quản lý giáo dục. Ngoài ra còn giúp người học có kiến thức sâu về quản lý giáo dục mầm non như: Những cơ sở phương pháp luận và khái niệm cơ bản về công tác quản lý giáo dục và quản lý trường mầm non; đối tượng, mục đích, chức năng, nguyên tắc, phương pháp và quản lý trường mầm non; vị trí, tính chất và nhiệm vụ của trường mầm	02	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;

		non. Từ đó giúp người học có được kiến thức và bước đầu hình thành kỹ năng trong quản lý giáo dục nói chung, quản lý giáo dục mầm non nói riêng như: vận dụng được các kiến thức đã lĩnh hội vào việc lựa chọn và vận dụng có hiệu quả nội dung, hình thức và phương pháp trong quản lý giáo dục mầm non.			+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
32.	Giáo dục trẻ tự kỉ	Học phần Giáo dục trẻ tự kỉ cung cấp cho sinh viên các vấn đề: Khái niệm, đặc điểm trẻ tự kỉ, những khó khăn, nguyên nhân gây tự kỉ, phân loại tự kỉ; Những công cụ hiện đại, thực tế nhằm đánh giá, chẩn đoán tự kỉ; Nguyên tắc, phương pháp và quy trình tiến hành can thiệp trẻ nhằm giúp trẻ cải thiện được tình trạng và hòa nhập với cộng đồng; Đặc điểm và các nhu cầu bảo trợ xã hội của gia đình có trẻ tự kỉ; Ý nghĩa và nội dung của sự phối hợp giữa gia đình và các lực lượng trong việc can thiệp cho trẻ tự kỉ vô cùng quan trọng nhằm phối hợp một cách toàn diện tất cả các lực lượng để tạo nên hiệu quả cao trong quá trình giáo dục và trị liệu cho trẻ tự kỉ.	03	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
33.	Phương pháp kể chuyện cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khoa học về phương pháp kể chuyện cho trẻ từ 0-6 tuổi. Giúp người học hiểu và vận dụng được những kỹ thuật cơ bản về luyện thanh, luyện giọng nói, giọng kể chuyện, biết phân tích tác phẩm, biết chuyển dịch từ ngôn ngữ văn học thành ngôn ngữ hành động.	0	02	
34.	Giao tiếp sư phạm mầm non	Học phần Giao tiếp sư phạm mầm non là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Giáo dục mầm non cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận giao tiếp sư phạm như: khái niệm, chức năng, vai trò, hình thức của giao tiếp sư phạm, nguyên tắc, phong cách giao tiếp, phương tiện và quy trình giao tiếp sư phạm, đặc điểm, kỹ năng giao tiếp sư phạm giữa giáo viên với trẻ mầm non...	02	01	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng

		Hình thành kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.			số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
35.	Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục mầm non	Học phần này trang bị cho người học cơ sở lý luận và phương pháp lựa chọn tác phẩm âm nhạc trong giáo dục âm nhạc cho trẻ trên cơ sở nắm bắt đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng hoạt động âm nhạc của trẻ theo nhóm tuổi. Từ đó giúp người học có kiến thức âm nhạc để lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc dưới nhiều hình thức khác nhau, góp phần hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non.	0	02	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
36.	Giáo dục học đại cương	Học phần cung cấp cho người học hệ thống những tri thức cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ, khái niệm cơ bản, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học; Sự phát triển nhân cách và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Mục đích, nhiệm vụ giáo dục và nguyên lý giáo dục; Hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta hiện nay; Con đường, nguyên tắc, phương pháp giáo dục; Môi trường giáo dục. Từ đó hình thành, phát triển tình cảm, đạo đức, lý tưởng và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản của người giáo viên	03	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
37.	Kiến tập sư phạm	Học phần giúp người học: - Sinh viên được tham quan, kiến tập ở trường mầm non và tập dượt tổ chức một số hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non. - Tìm hiểu chương trình thực hiện chương trình giáo dục trẻ mầm non	0	03	

		<p>hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nắm và lập kế hoạch hoạt động thực hành tập giảng của cá nhân trên cơ sở phân công điều phối chung của giảng viên bộ môn.</li> <li>- Tìm hiểu cách thức tổ chức hoạt động, soạn giáo án chuẩn bị đồ dùng, phương tiện hỗ trợ bài dạy thuộc các lĩnh vực phát triển: phát triển nhận thức, phát triển vận động, phát triển ngôn ngữ, phát triển thẩm mỹ, phát triển tình cảm xã hội cho trẻ mầm non.</li> </ul>			
38.	Thực tập sư phạm	<p>Sinh viên thực tập tổ chức tất cả các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non, có kiến thức thực tiễn chăm sóc giáo dục trẻ, sinh viên có kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp.</li> <li>+ Có thêm những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức đó vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non các độ tuổi.</li> </ul>	0	05	
39.	Báo cáo thực tập	<p>Báo cáo tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề về giáo dục mầm non trong thực tiễn giáo dục hiện nay. Đây là kết quả của quá trình sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần rèn luyện và nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của sinh viên.</p>	0	05	
<b>III</b>	<b>Bộ môn Sư phạm Âm nhạc</b>				
40.	Phân tích tác phẩm âm nhạc	<p>Phân tích tác phẩm âm nhạc là một trong những môn học cơ bản của âm nhạc, có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục âm nhạc, giúp hình thành khả năng tư duy âm nhạc, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển tri thức và trí nhớ âm nhạc cho tất cả các sinh viên thuộc các lĩnh vực: biểu diễn, sáng tác, chỉ huy, nghiên cứu, giảng dạy. Từ thế kỷ 16, 17 đến nay, ở châu Âu đã hình thành môn Phân tích tác phẩm âm nhạc. Hiện nay trên thế giới và Việt Nam môn Phân tích tác phẩm âm nhạc được bố trí dạy ở tất cả các hệ đào tạo từ Trung cấp, Cao đẳng, Đại học thuộc lĩnh vực âm nhạc.</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> </ul>

		Đối với ngành đào tạo Thanh nhạc và Sư phạm âm nhạc trình độ Đại học, học phần Phân tích tác phẩm âm nhạc sẽ giúp sinh viên nắm vững kiến thức về các hình thức âm nhạc (Một đoạn đơn, Hai đoạn đơn, Ba đoạn đơn, Ba đoạn phức, Biên tấu, Rông đô, Xô nát) và một số thể loại Thanh nhạc, Khí nhạc; trong đó trọng tâm đi sâu rèn luyện kỹ năng phân tích các tác phẩm âm nhạc được viết ở hình thức Một đoạn đơn, Hai đoạn đơn và Ba đoạn đơn.			+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
41.	Lý thuyết âm nhạc 1	Học phần Lý thuyết âm nhạc 1 cung cấp những kiến thức âm nhạc cơ bản về âm thanh, tiết tấu, quãng, điệu thức, hợp âm. Thông qua lý thuyết và các bài tập thực hành, sinh viên sẽ nắm vững về các vấn đề cơ bản của âm nhạc.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
42.	Lý thuyết âm nhạc 2	Học phần Lý thuyết âm nhạc 2 cung cấp những kiến thức âm nhạc cơ bản về phân loại họ hàng giữa các giọng, Điệu thức và giọng, Một số điệu thức cổ bảy bậc tự nhiên. Điệu thức năm âm; Xác định giọng - Dịch giọng - Chuyển giọng; Giai điệu; Ký hiệu cách diễn tấu - các dạng âm tô điểm. Giới thiệu sơ lược về lý thuyết âm nhạc truyền thống Việt Nam.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b>

					(trọng số 50%).
43.	Hoà âm	<p>Đây là học phần lý thuyết căn bản then chốt, là cơ sở cho thể loại âm nhạc có điệu tính gồm các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hợp âm năm chính và hòa âm bốn bè. Các thể đảo của hợp âm năm và hợp âm bảy át</li> <li>- Các hợp âm phụ</li> <li>- Cách viết phần đệm đơn giản cho ca khúc.</li> </ul>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
44.	Nhạc khí phổ thông	<p>Học phần Nhạc khí phổ thông gồm 2 tín chỉ, tín chỉ thứ nhất tập trung giới thiệu các nhạc khí thuộc dàn nhạc giao hưởng: Bộ dây (Viôlông, Viôla, Viôlôngxen, Côngtơbatx). Bộ Gỗ (Fluýt, Ôboa, Clarinét, Pha gôt). Bộ Đồng (Kèn Cor, kèn Trôngpét, kèn Trôngbôn, kèn Tuba). Bộ Gỗ (Nhóm có cao độ, nhóm không có cao độ); Tín chỉ thứ hai giới thiệu các nhạc khí trong dàn nhạc dân tộc Việt Nam: Bộ nhạc khí kéo dây (Nhị, Hồ). Bộ nhạc khí gảy dây (Nguyệt, Đáy, Tỳ bà, Tam, Tứ, Tính tầu, Bầu, Thập lục). Bộ nhạc khí thổi hơi (Sáo ngang, Tiêu, Sáo Mèo, Khèn, kèn Loa, Klôngpút). Bộ nhạc khí gõ (Đàn Tam thập lục, Đàn Torung, Trống cái, Trống đế, Trống com, Phách, Cồng, Chiêng, Sinh tiền). Khi giới thiệu mỗi loại nhạc khí, tập trung giới thiệu khái lược về hình dáng, âm vực, tên dây, màu âm và tính năng sử dụng trong dàn nhạc để từ đó sinh viên có thể áp dụng vào việc học chuyên ngành hoặc giảng dạy phân môn âm nhạc thường thức tại các trường THCS.</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
45.	Ký xướng âm 1	<p>Ký xướng âm 1 trang bị cho sinh viên kỹ năng xướng âm qua đọc gam-quãng; thực hành đọc các bài giọng trưởng và thứ không có dấu hóa; có 1 dấu thăng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện tập kỹ năng ghi nhanh cao độ, ghi tiết tấu; nghe, ghi nhạc bằng trí nhớ; ghi giai điệu các loại giọng từ giọng trưởng và thứ không có dấu</li> </ul>	0	3	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là</p>

		hóa, 1dấu thăng.			điểm của học phần thực hành.
46.	Ký xướng âm 2	Ký xướng âm 2 trang bị cho sinh viên kỹ năng xướng âm qua đọc gam-quãng; thực hành đọc các bài giọng trưởng và thứ có 1 dấu giáng; 2 dấu giáng; 2 dấu thăng. - Luyện tập kỹ năng ghi nhanh cao độ, ghi tiết tấu; nghe, ghi nhạc bằng trí nhớ; ghi giai điệu các loại giọng từ giọng trưởng và thứ không có 1 dấu giáng; 2 dấu giáng; 2 dấu thăng.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
47.	Ký xướng âm 3	Ký xướng âm 3 trang bị cho sinh viên kỹ năng xướng âm qua đọc gam-quãng; thực hành đọc các bài giọng trưởng và thứ có 3 dấu giáng; 4 dấu thăng. Luyện tập kỹ năng ghi nhanh cao độ, ghi tiết tấu; nghe, ghi nhạc bằng trí nhớ; ghi tốc ký; ghi 2 bè trên khóa Sol và Pha; ghi giai điệu các loại giọng từ giọng trưởng và thứ 2, 3 dấu giáng; 3, 4 dấu thăng.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
48.	Ký xướng âm 4	Ký xướng âm 4 trang bị cho sinh viên kỹ năng xướng âm qua đọc gam-quãng; thực hành đọc các bài giọng trưởng và thứ có 5 dấu giáng; 5 dấu thăng. - Luyện tập kỹ năng ghi nhanh cao độ, ghi tiết tấu; nghe, ghi nhạc bằng trí nhớ; ghi tốc ký; ghi 2 bè trên khóa Sol và Pha; ghi giai điệu các loại giọng từ giọng trưởng và thứ 5 dấu giáng; 5 dấu thăng.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
49.	Ký xướng âm 5		0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
50.	Tin học chuyên ngành	Học phần Tin học chuyên ngành giới thiệu về chương trình, các thanh công cụ và trình đơn có trong chương trình theo thứ tự; Hướng dẫn sử dụng chương trình chép nhạc trên máy tính; Hướng dẫn xử lý kỹ thuật một số trường hợp đơn giản thường gặp trong quá trình chép nhạc. SV thực hành soạn các ca khúc, tác phẩm âm nhạc trên phần mềm chép nhạc Encore 4.5.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
51.	Lịch sử Âm nhạc Thế giới	Học phần Lịch sử âm nhạc thế giới là học phần thuộc nhóm kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Kiến thức cơ sở ngành) áp dụng trong chương	4	0	<b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó

		<p>trình đào tạo các ngành Thanh nhạc và Sư phạm âm nhạc. Là một trong những học phần đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân âm nhạc. Học phần nằm ở kỳ học thứ 3 nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiến trình hình thành và phát triển nền âm nhạc thế giới (Phương Tây + Phương Đông) và hình thành phong cách cũng như định hướng nghiên cứu cho người học các chuyên ngành âm nhạc khác về các phương diện như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát chung về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội.</li> <li>- Đặc điểm âm nhạc điển hình của từng trường phái âm nhạc và từng tác giả sáng tác âm nhạc.</li> <li>- Nội dung tư tưởng, phương pháp nghệ thuật từng thời kỳ, trường phái âm nhạc.</li> <li>- Thành tựu âm nhạc từng thời kỳ, trường phái âm nhạc</li> <li>- Tác giả, tác phẩm âm nhạc tiêu biểu điển hình.</li> </ul>			<p>gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
52.	Lịch sử Âm nhạc Việt Nam	<p>Học phần nghiên cứu các vấn đề về âm nhạc Việt Nam từ thời đại Hùng Vương đến nay trong đó có khái quát đại cương về sự hình thành và phát triển của âm nhạc Việt Nam bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Âm nhạc dân gian.</li> <li>- Âm nhạc truyền thống Bắc học.</li> <li>- Âm nhạc phổ thông, âm nhạc phương Tây ở Việt Nam.</li> <li>- Âm nhạc dân gian, âm nhạc truyền thống.</li> <li>- Các thể loại âm nhạc cơ bản, những đặc trưng cơ bản của âm nhạc.</li> </ul>	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</li> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
53.	Múa dân gian	<p>Múa dân gian là học phần thực hành giới thiệu, hướng dẫn người học về những động tác múa của các dân tộc Việt Nam như: Kinh, Tày, Mông, Thái, Các dân tộc Tây Nguyên, Khome. Từ đó có thể tổ chức tốt các hoạt động văn nghệ trong nhà trường phổ thông và trong hoạt động nghệ thuật.</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>

54.	Phương pháp dàn dựng chương trình Ca – Múa – Nhạc	Học phần Phương pháp dàn dựng chương trình Ca- múa – Nhạc hướng dẫn cho SV các phương pháp dàn dựng các tiết mục đơn ca không có phụ họa, đơn ca có phụ họa; song ca không có phụ họa, song ca có phụ họa; tốp ca không có phụ họa, tốp ca có phụ họa. Riêng tín chỉ 3 tập trung vào hướng dẫn cách biết tập chương trình nghệ thuật, viết lời dẫn cho chương trình nghệ thuật.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
55.	Nhập môn sáng tác	Nhập môn sáng tác là một trong những môn học cơ bản của âm nhạc, có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục âm nhạc, giúp hình thành khả năng tư duy âm nhạc, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển tri thức và trí nhớ âm nhạc cho tất cả các sinh viên thuộc các lĩnh vực: sáng tác, lý luận phê bình, chỉ huy, biểu diễn, sư phạm âm nhạc. Từ thế kỷ XVI-XVII đến nay, ở châu Âu đã hình thành môn Phân tích tác phẩm âm nhạc. Hiện nay trên thế giới và Việt Nam môn Phân tích tác phẩm âm nhạc được bố trí dạy ở tất cả các hệ đào tạo từ Trung cấp, Cao đẳng, Đại học thuộc lĩnh vực âm nhạc; là tiền đề cho sự phát triển của môn học “Nhập môn sáng tác”. Học phần “Nhập môn sáng tác” góp phần phát triển năng lực cảm thụ, trí tưởng tượng, sự sáng tạo, chuyên hóa và diễn đạt bằng ngôn ngữ của âm thanh kết hợp với ca từ thành bài hát cụ thể; giúp phát triển kỹ năng thực hành biểu diễn, kỹ năng tổ chức trình bày tác phẩm âm nhạc; sinh viên có khả năng tiếp cận mềm dẻo, năng động và sáng tạo đối với các vấn đề nghệ thuật đương đại trong và ngoài nước.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
56.	Phương pháp dạy học âm nhạc	Thông qua môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Những vấn đề cơ bản của giáo dục âm nhạc trong trường phổ thông; Phương pháp dạy học âm nhạc và thực hành tập giảng các tiết học chuyên đề, phân môn âm nhạc...qua đó làm cơ sở cho việc thực hành nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm nhằm rèn luyện kỹ năng dạy học Âm nhạc cho giáo sinh trong tương lai và đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.	0	4	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
57.	Nghiệp vụ sư phạm (SPAN)	- Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung về rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học để giải quyết các tình huống dạy học, giáo dục. Vận dụng kiến thức về tâm lý lứa tuổi học sinh, lý luận dạy học và lý luận giáo dục, các phương pháp dạy học tích cực để thiết kế bài giảng và rèn luyện các kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục (Kỹ năng đọc, kỹ năng thuyết trình một đề tài, kỹ	0	4	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		năng lắng nghe; kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng viết bảng; thực hành kỹ năng tiếp cận giáo dục phổ thông). Vai trò, ý nghĩa, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Đồng thời có thể thực hành ứng dụng nhằm rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm phù hợp yêu cầu thực tiễn, kỹ năng thiết kế và đánh giá kế hoạch bài học môn âm nhạc; kỹ năng thiết kế đồ dùng dạy môn âm nhạc; kỹ năng thi công bài giảng.			
58.	Công tác Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	Cung cấp cho người học hiểu biết khái quát những nguyên tắc và phương pháp hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh. Đồng thời trong học phần cũng đề cập đến nội dung và hình thức hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
59.	Chỉ huy hợp xướng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý luận chung về vai trò và nhiệm vụ của người chỉ huy dàn hợp xướng.</li> <li>- Lý luận chung về hướng chuyên động và đường nhịp cơ bản chỉ huy các loại nhịp từ 2 đến 6 phách.</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên chỉ huy tác phẩm hợp xướng từ 2 bè đến 4 bè đơn giản.</li> <li>- Lý luận chung về kỹ thuật sử lý sắc thái trong các tác phẩm âm nhạc.</li> <li>- Cách đánh legato, staccto, bortato; Cách sử lý nốt ngân dài, chấm dôi, đảo phách, nghịch phách; Cách xử lý cường độ; Cách xử lý dấu miễn nhịp; Các cách lấy đà, kiểu bè và kết đoạn, kết bài.</li> </ul>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
60.	Kiến tập sư phạm	Kiến tập sư phạm là một học phần thuộc chương trình đào tạo, có giá trị giống như các học phần khác, được thực hiện ở kỳ học số VI của khoá học. Điều đáng chú ý là học phần này mang tính chất thực hành sư phạm được thực hiện tại trường THCS với sự chứng kiến, giám sát, đánh giá của tập thể giáo viên và học sinh trường THCS. Chính vì thế, trong khi thực hiện, mỗi giáo sinh sẽ nhận thức được sâu sắc hơn mối quan hệ biện chứng giữa lí luận và thực tiễn trong chương trình đào tạo. Thông qua việc thực hiện các hoạt động trong nội dung thực tập sư phạm, giáo sinh sẽ từng bước có được những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết góp phần phát triển năng lực sư phạm của người giáo viên. Vì vậy, càng tích	0	3	

		cực tham gia vào các hoạt động thực tập sư phạm bao nhiêu thì giáo sinh càng nhanh chóng hình thành và phát triển tâm lí, ý thức, nhân cách người giáo viên bấy nhiêu.			
61.	Thực tập sư phạm	Thực tập sư phạm là một học phần được thực hiện ở kỳ học số VIII của khoá học, là một bộ phận quan trọng trong chức năng đào tạo nghề dạy học cho giáo sinh, là một mắt xích không thể thiếu trong quy trình đào tạo ĐHSP. Có thể nói, kết quả của hoạt động thực tập sư phạm sẽ góp phần tạo nên nền móng vững chắc cho giáo sinh thực sự bước vào nghề, có nhiều cống hiến tốt hơn cho xã hội. Thông qua hoạt động thực tiễn trong đợt thực tập sư phạm, giáo sinh sẽ thực sự hiểu rõ lí luận về quy trình công nghệ dạy học, giáo dục của người thầy giáo một cách sâu sắc, tự nhiên, cụ thể và sinh động. Đó cũng là con đường tốt nhất, một phương thức hay nhất để giáo sinh biến lí luận dạy học, lí luận giáo dục thành năng lực thực tiễn của bản thân.	0	5	
62.	Thực hành Sư phạm Âm nhạc tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp dạy học âm nhạc</li> <li>Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận, về phương pháp dạy học và giáo dục âm nhạc hoạt động dạy học âm nhạc ở trường phổ thông. Tiếp thu Chương trình Giáo dục phổ thông môn âm nhạc năm 2018...</li> <li>- Xướng âm (Nhóm 10 bài quy định trong chương trình tốt nghiệp)</li> <li>Xác định giọng, nhịp; Đọc lên xuống các loại quãng từ đơn giản đến phức tạp; đọc, gõ các mẫu câu tiết tấu trong bài; đọc tiết tấu riêng, cao độ riêng, sử lý phân sắc thái của từng câu, sau đó cho ghép hoàn chỉnh bài.</li> <li>- Phân tích tác phẩm (Nhóm 10 bài quy định trong chương trình tốt nghiệp)</li> <li>Phân tích tác phẩm âm nhạc được viết ở hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn (Hoặc ở một số hình thức âm nhạc khác) thông qua bản nhạc, qua nghe âm thanh, từ đó áp dụng vào việc thể hiện các tác phẩm một cách chính xác hoặc có khả năng trong việc phê bình âm nhạc. Nâng cao phương pháp phân tích ca khúc có cùng chủ đề; Các ca khúc của cùng tác giả.</li> <li>- Thanh nhạc (Nhóm 10 bài quy định trong chương trình tốt nghiệp)</li> <li>Vận dụng các kỹ thuật thanh nhạc vào các bài luyện thanh (Vocalise),</li> </ul>	0	8	

		<p>các tác phẩm thanh nhạc trong chương trình tốt nghiệp.</p> <p>- Nhạc cụ (Nhóm 10 bài quy định trong chương trình tốt nghiệp)</p> <p>Rèn luyện kỹ năng luyện ngón; Kỹ năng nghe tiết tấu, lấy âm sắc; Kỹ năng đệm và trình diễn các tác phẩm thanh nhạc trong chương trình tốt nghiệp.</p>			
<b>IV</b>	<b>Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật</b>				
63.	Nghệ thuật học đại cương		2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
64.	Trang trí ứng dụng	<p>- Học phần Trang trí ứng dụng 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trang trí và dạy học trang trí. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng về trang trí ứng dụng từ đơn giản đến phức tạp. Gồm có 4 bài tập: Trang trí Bìa sách; Tranh Phong cảnh trang trí; Tranh Cổ động; Trang trí Hội trường.</p> <p>- Học phần đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đó là xây dựng một trong những kỹ năng trang trí ứng dụng, được phát triển từ học phần trang trí cơ bản và làm nền tảng cho vận dụng vào quá trình dạy học của ngành Sư phạm Mỹ thuật.</p> <p>- Thông qua học phần Trang trí ứng dụng 1 sinh viên hiểu và thực hiện thuần thục các bài tập về trang trí ứng dụng, cũng như triển khai và đánh giá được các bài tập ứng dụng, để từ đó vận dụng vào quá trình dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông.</p>	0	4	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
65.	Lịch sử mỹ thuật	Tín chỉ 1 và 2 giới thiệu cho sinh viên về mỹ thuật thế giới từ thời cổ đại	4	0	<b>- Điểm đánh giá quá trình</b>

		<p>Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, mỹ thuật của thời kỳ Phục Hưng, Phương Tây cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 với nhiều phong cách, trường phái như Ấn tượng, Dã thú, Lập thể. Khái quát về một số nền mỹ thuật Châu Á.</p> <p>Tín chỉ 3 và 4 giới thiệu cho sinh viên về mỹ thuật Việt Nam qua các thời kỳ. Mỹ thuật gian Việt Nam; Tìm hiểu sơ lược về mỹ thuật các dân tộc ít người ở Việt Nam. Mỹ thuật đương đại Việt Nam, các trào lưu mỹ thuật mới ở Việt Nam.</p>			<p>(trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
66.	Mỹ thuật cơ bản (GDMN)	<p>Học phần Mỹ thuật cơ bản gồm 3 nội dung, bao gồm kiến thức về những bài hình họa vẽ khối cơ bản, trang trí họa tiết cơ bản và tranh bố cục chủ đề mầm non, kiến thức về màu sắc, cách pha và tô màu; kiến thức và kỹ năng cơ bản về vẽ hình họa; vẽ trang trí; vẽ tranh bố cục. Đây là những kiến thức, kỹ năng cơ bản, góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ, hình thành một số kỹ năng cơ bản làm cơ sở để người học tiếp thu các kiến thức Mỹ thuật, vận dụng vào việc làm đồ dùng dạy học, đồ chơi và tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
67.	Giải phẫu tạo hình	<p>Tín chỉ 1 sinh viên tìm hiểu các lý thuyết về cấu trúc tỷ lệ xương và cơ toàn thân người gồm: Cấu trúc xương và cơ đầu người, Cấu trúc xương và cơ thân người, Cấu trúc xương và cơ chi trên, Cấu trúc xương và cơ chi dưới.</p> <p>Tín chỉ 2 sinh viên thực hành các bài vẽ về Cấu trúc xương và cơ đầu người trưởng thành, Cấu trúc xương và cơ thân người, Cấu trúc xương và cơ chi trên, Cấu trúc xương và cơ chi dưới</p>	1	1	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
68.	Luật xa gần	<p>- Môn Luật xa gần được hình thành từ thời Hy Lạp (Thế kỷ V trước Công nguyên)..Môn học còn có tên gọi là “Không gian thâu thị” hay “Không gian Phục Hưng”. Việc ứng dụng môn học này trong học tập và trong sáng tác mỹ thuật, được xem như một bước tiến nhảy vọt trong nghệ thuật tạo hình. Nhờ vậy, các họa sĩ và các nhà điêu khắc đã xây dựng được nhiều hình ảnh đẹp và sinh động về không gian, về con người</p>	1	1	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>

		<p>trong các tác phẩm hội họa và điêu khắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học giúp sinh viên hiểu biết một cách hệ thống, cơ bản về quy luật của tự nhiên, về sự xuất hiện hình ảnh xa, gần, màu sắc, ánh sáng, của các vật thể trong không gian ba chiều. Thông qua những hiểu biết về không gian, sinh viên có điều kiện ứng dụng tốt hơn trong học tập chuyên ngành và trong sáng tác mỹ thuật.</li> </ul>			
69.	Hình họa 1: Tượng chân dung và tượng bán thân nam, nữ (Chất liệu chì đen)	<p>Học phần Hình họa 1 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài tượng chân dung và tượng bán thân bằng chất liệu chì đen trên giấy Croqui. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu chì đen trên giấy Croqui.</p> <p>3.29.2.Kiến thức cốt lõi cần đạt được</p> <p>Sinh viên được trang bị những kiến thức lý luận, thực hành như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức cơ bản về luật xa gần, sơ lược tỷ lệ người để vận dụng vào hình họa</li> <li>- Kiến thức cơ bản về vẽ hình họa nghiên cứu tượng chân dung và tượng bán thân</li> </ul>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
70.	Hình họa 2: Chân dung và bán thân nam, nữ (Chất liệu chì đen)	<p>Học phần Hình họa 2 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài dung và bán thân nam nữ bằng chất liệu chì đen trên giấy Croqui. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu chì đen trên giấy Croqui.</p> <p>3.30.2.Kiến thức cốt lõi cần đạt được</p> <p>Sinh viên được trang bị những kiến thức lý luận, thực hành như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức cơ bản về luật xa gần, sơ lược tỷ lệ người để vận dụng vào hình họa</li> <li>- Kiến thức cơ bản về vẽ hình họa nghiên cứu chân dung và bán thân nam nữ</li> </ul>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
71.	Hình họa 3: Toàn thân nam, nữ khỏa (Chất liệu than vẽ)	<p>Học phần Hình họa 3 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài toàn thân nam, nữ khỏa thân bằng chất liệu than vẽ trên giấy Croqui. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu chì đen trên giấy Croqui.</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

72.	Hình họa 4: Tĩnh vật phức hợp và bán thân bán thân nam, nữ (Chất liệu sơn dầu)	Học phần Hình họa 3 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài Tĩnh vật phức hợp và bán thân bán thân nam, nữ bằng chất liệu sơn dầu trên toan. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu sơn dầu trên toan.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
73.	Hình họa 5: Toàn thân nam nữ khóa thân 2 (Chất liệu than, sơn dầu)	Học phần Hình họa 3 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài Toàn thân nam, nữ khóa thân, nữ bằng chất liệu sơn dầu trên toan. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu than vẽ, sơn dầu. 3.33.2.Kiến thức cốt lõi cần đạt được Sinh viên được trang bị những kiến thức lý luận, thực hành như: - Kiến thức cơ bản về luật xa gần, sơ lược tỷ lệ người để vận dụng vào hình họa - Kiến thức cơ bản về vẽ hình họa nghiên cứu Tĩnh vật phức hợp và Toàn thân nam, nữ khóa thân	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
74.	Bố cục 1: Chủ đề thiếu nhi và lao động (chất liệu Bột màu)	Học phần Bố cục 1 Giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu bột màu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh bố cục có chủ đề bằng chất liệu bột màu. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
75.	Bố cục 2: Chủ đề sinh hoạt và lễ hội (chất liệu Sơn dầu)	Học phần Bố cục 2 giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn dầu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh bố cục có chủ đề bằng chất liệu sơn dầu. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
76.	Bố cục 3: Chủ đề phong cảnh và tự chọn 1 (chất liệu Lụa)	Học phần Bố cục 3 giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu lụa. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu lụa. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là

		phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.			điểm của học phần thực hành.
77.	Bố cục 4: Chủ đề phong cảnh và tự chọn (2 chất liệu Khắc gỗ)	Học phần này sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Đồ họa với chất liệu khắc gỗ. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, sáng tác được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu khắc gỗ. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Đồ họa.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
78.	Bố cục 5: Chủ đề chép tranh dân gian và tự chọn (chất liệu Sơn mài)	Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn mài. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, chép được tranh dân gian và sáng tác được tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu sơn mài. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
79.	Phương pháp dạy học mỹ thuật	- Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật. Thông qua phương pháp dạy học Mỹ thuật, hình thức dạy học Mỹ thuật, xây dựng kế hoạch và đánh giá việc quá trình dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông. - Học phần Phương pháp dạy học Mỹ thuật cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở lý luận, phương pháp dạy học và dạy học Mỹ thuật, các kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học Mỹ thuật, kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn mỹ thuật và kỹ năng thiết kế đồ dùng dạy học cũng như các kỹ năng thực hành dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông. Học phần đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đó là xây dựng một trong những kỹ năng nghề cho sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật	0	4	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
80.	Nghiên cứu mỹ thuật truyền thống Việt Nam	Học phần giúp SV nghiên cứu các công trình mỹ thuật truyền thống Việt Nam trong các tư liệu lý luận và kết hợp tác nghiệp ghi chép thực tiễn tại công trình để lấy tư liệu bổ sung cho các học phần khác như lịch sử mỹ thuật hay học phần trang trí vì vậy cần phải được tổ chức tốt cả hai khâu nghiên cứu trên tư liệu và nghiên cứu trên thực tiễn: Nghiên cứu khái quát lý luận mỹ thuật của các thời kỳ qua sách báo, tạp chí và các	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		thư tịch cổ; Nghiên cứu ghi chép hiện vật, cổ vật ở các công trình, di tích truyền thống.			
81.	Vẽ phong cảnh ngoài trời	<p>- Học phần Vẽ tranh Phong Cảnh ngoài trời cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vẽ tranh phong cảnh. Học phần đóng vai trò nền tảng, làm cơ sở hỗ trợ cho các học phần vẽ bố cục, vẽ hình họa và vẽ trang trí. nội dung của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về cắt cảnh, quan sát cảnh vật và màu sắc làm nền tảng cho việc vận dụng thực hành các bài tập chuyên ngành chuyên sâu và phục vụ cho dạy học sau này của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật.</p> <p>- Học phần gồm 2 nội dung, là các kiến thức cơ bản về nghiên cứu và tập sáng tạo tranh phong cảnh ngoài trời bằng ngôn ngữ Hội họa với các chất liệu Chì đen, Chì than, Mực nho, Màu nước, Bột màu, Sơn dầu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh ngoài trời bằng ngôn ngữ Hội họa với các chất liệu Chì đen, Chì than, Mực nho, Màu nước, Bột màu, Sơn dầu. Trọng tâm của học phần là kỹ năng sử dụng chất liệu.</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
82.	Nghệ thuật sắp đặt	<p>Nghệ thuật Sắp đặt là một sáng tạo trong không gian gian ba chiều và một trong những đặc điểm của nó là đòi hỏi phải có tính tổng thể, phải có mối liên hệ với thế giới. Có lẽ được nhìn thấy một cách dễ dàng nhất trong nghệ thuật sắp đặt là địa điểm đặc trưng. Địa điểm và tác phẩm là không thể tách rời.</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
83.	Phân tích tác phẩm mỹ thuật	<p>Tín chỉ 1 sinh viên tìm hiểu về các tác phẩm mỹ thuật thế giới từ thời cổ đại Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, phân tích các tác phẩm mỹ thuật của thời kỳ Phục Hưng cực thịnh; nghiên cứu các tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Phương Tây cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 với nhiều phong cách, trường phái như Ấn tượng, Dã thú, Lập thể. Cuối tín chỉ 1, SV học khái quát về một số nền mỹ thuật Châu Á.</p> <p>Tín chỉ 2 sinh viên nghiên cứu sơ lược về mỹ thuật Việt Nam thời cổ đại đến thời Nguyễn qua các tác phẩm tiêu biểu. Tiếp theo SV tập phân tích một số tranh dân gian Việt Nam; các hình chạm khắc gỗ đình làng tiêu biểu và tìm hiểu sơ lược về mỹ thuật các dân tộc ít người ở Việt Nam. SV tìm hiểu về mỹ thuật Hiện đại Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 đến năm 1975 nghiên cứu và phân tích để SV hiểu thêm sau khi trải nghiệm</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul>

		nhiều phong cách tạo hình của các nghệ sỹ.			<b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
84.	Mỹ thuật đa phương tiện	<p>Học phần Mỹ thuật đa phương tiện giúp SV biết được những kỹ thuật chụp ảnh cơ bản và các loại như: máy ảnh cơ, máy ảnh bán tự động, máy ảnh kỹ thuật số đến những yếu tố, dụng cụ, linh kiện phục vụ tốt cho ngành nhiếp ảnh, Kỹ thuật chụp ảnh, Kỹ thuật chụp ảnh ngoài trời và trong phòng, Kỹ thuật chụp ảnh chân dung phục vụ cho chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch;</p> <p>Ngoài ra Sinh viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được đặc điểm của thể loại nhiếp ảnh.</li> <li>- Biết sử dụng phương tiện sẵn có để thực hành, sáng tạo. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</li> <li>- Thực hiện được thao tác với phương tiện sẵn có để chụp và xử lý ảnh.</li> <li>- Xác định được đối tượng, khuôn hình và nguồn sáng.</li> <li>- Thể hiện được ý tưởng nội dung chủ đề. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</li> <li>- Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm nhiếp ảnh.</li> <li>- Nhận định được vai trò của nhiếp ảnh trong đời sống thực tiễn.</li> </ul>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
85.	Điều khắc	<p>Điều khắc là một trong những môn học cơ bản của nghệ thuật tạo hình. Với yêu cầu của nghệ thuật, việc nghiên cứu không đi sâu vào phần sinh lý mà chủ yếu chú trọng vào hình thái, tỉ lệ, cấu trúc các bộ phận của cơ thể để vận dụng diễn tả con người trong việc học tập và sáng tác nghệ thuật tạo hình</p> <p>Với nghệ thuật tạo hình, việc nghiên cứu cơ thể người giúp cho sinh viên có thể thể hiện chính xác những hoạt động của nhân vật, những dáng đi, dáng đứng, dáng ngồi để diễn tả lên tác phẩm của mình</p> <p>Trên cơ sở đó không những trang bị kiến thức để giải quyết trực tiếp cho bộ môn hình họa mà còn giúp người học có những hiểu biết căn bản trong việc xây dựng hình tượng con người ở các môn học khác như kí họa, bố cục, trang trí Điều khắc là một loại hình của ngành Mỹ thuật. mang đặc trưng ngôn ngữ, hình thức phản ánh riêng, bởi giá trị của hình, khối, đường, nét. Đối với các chuyên ngành Hội họa, Đồ họa, Sư phạm mỹ thuật thì điều khắc xem như một môn cơ sở ngành, cung cấp phương</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		pháp, kỹ thuật thực hành điêu khắc cơ bản thông qua các bài tập từ dễ đến khó. Rèn luyện kỹ năng xây dựng hình và diễn tả sinh động các hình khối của các vật thể. Có được sự nhận thức về giá trị nghệ thuật của các tác phẩm điêu khắc trong không gian kiến trúc và trong môi trường. Giúp sinh viên học tốt hơn các môn hình họa, bố cục, vẽ tranh đề tài...Bồi dưỡng tình cảm, thẩm mỹ, cảm quan nghệ thuật, định hướng trong học tập và sáng tạo trong tương lai.			
86.	Trang trí cơ bản	Trang trí cơ bản là phương pháp sắp xếp các yếu tố trang trí như đường nét, hình mảng, màu sắc, theo các nguyên tắc trang trí để tạo nên một bố cục hợp lý, thống nhất về mọi mặt, trong một hình cơ bản có giới hạn và diện tích cụ thể 3.20.2.Kiến thức cốt lõi cần đạt được - Cung cấp kiến thức từ cơ bản đến nâng cao trong nghiên cứu các thể kiểu chữ bằng ngôn ngữ của đường nét, mảng, khối. - Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các kỹ thuật, các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học trang trí, mô tả được các mẫu cấu trúc hình dáng chữ ở tư thế tĩnh và động. Qua đó hiểu về cấu trúc tỷ lệ để ứng dụng trong các bài tập.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
87.	Nghiệp vụ sư phạm (SPMT)	- Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để ứng dụng, rèn luyện, thực hành, hình thành các kỹ năng cơ bản của người giáo viên: đọc, nói, kỹ năng giao tiếp; kỹ năng tìm hiểu học sinh; kỹ năng xử lý tình huống sư phạm. + Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chủ điểm và chủ đề cho học sinh ở trường phổ thông. + Rèn luyện kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm thuần thục: Biết tổ chức các buổi sinh hoạt lớp cuối tuần; các buổi họp phụ huynh; tìm hiểu, phân loại học sinh và thực hiện các công tác giáo dục khác. - Thông qua học phần sinh viên thực hành ứng dụng nhằm hình thành hệ thống kỹ năng cơ bản về hoạt động dạy học nói chung và hoạt động dạy học môn Mỹ thuật nói riêng ở trường cơ sở, gồm: Thiết kế kế hoạch bài học; Đánh giá kế hoạch bài học; Thiết kế đồ dùng dạy học môn Mỹ thuật ; Thi công bài học môn Mỹ thuật ở mức độ cơ bản.	1	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
88.	Kiến tập sư phạm	- Học phần trang bị cho sinh viên đầy đủ, chi tiết, hiểu biết toàn diện, sâu sắc về	0	3	

		<p>tất cả nội dung, chương trình kiến tập sư phạm ở trường phổ thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Qua đợt kiến tập sư phạm, giáo sinh phải có được những tiến bộ rõ rệt trong nhận thức chức năng: “dạy chữ, dạy nghề, dạy người” trong đào tạo ĐHSP và chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông, của người giáo viên phổ thông.</li> <li>- Thực hiện xong học phần kiến tập sư phạm, giáo sinh phải hình thành được những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản trong dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề cho sự phát triển năng lực sư phạm của người giáo viên tương lai.</li> <li>- Cùng với hệ thống kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, giáo sinh cần tập luyện để có một số kỹ năng quan trọng trong việc tổ chức cuộc sống hàng ngày.</li> </ul>			
89.	Thực tập sư phạm	<p>- Học phần Thực tập sư phạm là một học phần được thực hiện ở kỳ học số VIII của khoá học, là một bộ phận quan trọng trong chức năng đào tạo nghề dạy học cho giáo sinh, là một mắt xích không thể thiếu trong quy trình đào tạo ĐHSP. Có thể nói, kết quả của hoạt động thực tập sư phạm sẽ góp phần tạo nên nền móng vững chắc cho giáo sinh thực sự bước vào nghề, có nhiều cống hiến tốt hơn cho xã hội. Thông qua hoạt động thực tiễn trong đợt thực tập sư phạm 2, giáo sinh sẽ thực sự hiểu rõ lí luận về quy trình công nghệ dạy học, giáo dục của người thầy giáo một cách sâu sắc, tự nhiên, cụ thể và sinh động. Đó cũng là con đường tốt nhất, một phương thức hay nhất để giáo sinh biến lí luận dạy học, lí luận giáo dục thành năng lực thực tiễn của bản thân.</p>	0	5	
90.	Thực tế chuyên ngành	<p>Học phần gồm 2 nội dung, là các kiến thức cơ bản về nghiên cứu và tập sáng tạo tranh phong cảnh ngoài trời, tranh bố cục, ký họa bằng ngôn ngữ Hội họa với các chất liệu Chì đen, Chì than, Mực nho, Màu nước, Bột màu, Sơn dầu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh ngoài trời, bố cục, ký họa bằng ngôn ngữ Hội họa với các chất liệu Chì đen, Chì than, Mực nho, Màu nước, Bột màu, Sơn dầu. Trọng tâm của học phần là kỹ năng sử dụng chất liệu.</p>	0	2	
91.	Thực hành sư phạm mỹ thuật tổng hợp	<p>Học phần này sinh viên nghiên cứu làm bài luận, thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa, Đồ họa với đề tài tự chọn và chất liệu tự chọn. Sinh viên được trang bị kiến</p>	2	6	

		thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, sáng tác được các tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu tự chọn. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.. kỹ năng viết bài luận và kỹ năng thuyết trình ý tưởng của đề tài.			
<b>V</b>	<b>Bộ môn Thanh nhạc – Nhạc cụ</b>				
92.	Thanh nhạc 1 (TN)	Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: Khái quát chung về kỹ thuật thanh nhạc, Bộ máy phát âm - Chức năng và phương pháp bảo vệ chúng. Tư thế trong ca hát, khẩu hình và cách mở khẩu hình, hơi thở trong thanh nhạc, phương pháp rèn luyện hơi thở trong ca hát. Chức năng khoảng vang - Vị trí âm thanh. Luyện tập hơi thở kết hợp khẩu hình áp dụng trong ca khúc Việt Nam. Khẩu hình, sự kết hợp hơi thở và khẩu hình. Luyện tập vị trí âm thanh kết hợp hơi thở và khẩu hình áp dụng trong ca khúc Việt Nam hoặc dân ca Việt Nam. Vị trí âm thanh cộng minh, vị trí âm thanh cộng minh, giới thiệu chế độ luyện tập bảo vệ cổ họng, bảo vệ giọng hát, chế độ luyện tập bảo vệ cổ họng, bảo vệ giọng hát. Kỹ thuật hát liền giọng, kỹ thuật hát chuyển giọng, kỹ thuật hát nảy	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
93.	Thanh nhạc 2 (TN)	Học phần 2 cung cấp cho người học những kỹ thuật cơ bản gồm: Ngôn ngữ trong ca hát, cách xử lý ngôn ngữ, cộng minh - Sự thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau. Kỹ thuật hát bật âm thanh (actaca), kỹ thuật hát lướt (passage). Luyện tập mở rộng âm vực tự nhiên của giọng hát, chuyển giọng, sử lý sắc thái to, nhỏ. Áp dụng kỹ thuật vào tác phẩm thanh nhạc.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
94.	Thanh nhạc 3 (TN)	Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Giới thiệu sự hình thành và phát triển của Ca khúc Việt Nam. Đặc điểm giọng hát trẻ em lứa tuổi phổ thông. Phương pháp giữ gìn và phát triển giọng hát của trẻ. Giới thiệu năng khiếu ca hát của lứa tuổi phổ thông. Cách phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu. Âm khu của giọng hát. Âm khu của giọng nam, âm khu của giọng nữ. Luyện tập kỹ thuật mở âm thanh, đóng âm thanh, chuyển giọng. Phát triển kỹ thuật hát Legato kết hợp với sự thống nhất của âm thanh và hơi thở. Luyện tập các kỹ thuật đã học áp dụng trong các tác phẩm thanh nhạc. Sơ lược Lịch sử	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		Thanh nhạc tiêu biểu Thế giới. Phương pháp phát âm tiếng nước ngoài. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc thính phòng trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc âm hưởng dân gian trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc nhẹ trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Kỹ thuật hát có sự thay đổi về sắc thái, tốc độ. Luyện tập các kỹ thuật đã học áp dụng trong các tác phẩm thanh nhạc			
95.	Thanh nhạc 4 (TN)	Thông qua học phần giúp cho người học nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc bao gồm phương pháp hát các nốt chuyên giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau. Được áp dụng kỹ thuật vào các tác phẩm thanh nhạc với yêu cầu thuần thực, linh hoạt và hiệu quả cao.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
96.	Thanh nhạc 5 (TN)	Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về phương pháp nâng cao giải quyết các kỹ thuật cơ bản để trở thành thói quen đúng như hơi thở, vị trí âm thanh. Củng cố và nâng cao giải quyết về thống nhất âm thanh ở các âm khu của giọng. Phát triển kỹ thuật hơi thở kết hợp mở khẩu hình, âm thanh mềm và sáng, đầy đặn. Nâng cao kỹ thuật âm vị trí âm thanh đẹp, kết hợp phát âm chuẩn xác trong các tác phẩm nước ngoài. Tiếp tục nâng cao các kỹ thuật hát Legato, Staccato, Passage. Nâng cao kỹ thuật hát liền giọng với yêu cầu cơ quan phát âm hoạt động đúng và phù hợp. Nâng cao kỹ thuật hát âm nảy với cách bật âm thanh. Tập kỹ thuật hát âm nảy với yêu cầu âm thanh nhẹ nhàng, linh hoạt, gọn gàng trong sáng. Nâng cao và phát triển kỹ thuật hát lướt nhanh. Tập nâng cao kỹ thuật hát lướt nhanh với những yêu cầu hơi thở sâu, nhanh, âm thanh nhẹ nhàng, dứt khoát, cao độ chuẩn xác.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
97.	Thanh nhạc 6 (TN)	Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về phương pháp nâng cao phát triển mở rộng âm vực, kỹ thuật âm thanh đóng tiếng của giọng nam ở các âm khu cao của giọng hát. Nâng cao phát triển mở rộng âm vực, nâng cao kỹ thuật thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm trên âm vực đã mở rộng. Luyện tập nâng cao phương pháp hát chuyển giọng nằm ở âm khu thấp với âm thanh đều đặn, hơi thở sâu, đầy đặn. Phương pháp hát với âm thanh mở và âm	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		<p>thanh đong của nam. Luyện tập phương pháp hát ở âm khu ngực bằng âm thanh mở với yêu cầu yêu cầu phải thanh thoát, gọn gàng, thoải mái, vị trí không sâu. Thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau Phương pháp luyện tập để thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau. Xây dựng tác phẩm với nhiều phong cách khác nhau, hình thành thẩm mỹ nghệ thuật; tăng cường khả năng tự rèn luyện của Sinh viên. Vận dụng kỹ thuật hát đã học để xây dựng tác phẩm thanh nhạc với các phong cách khác nhau. Luyện tập nâng cao kỹ thuật hát liền giọng với yêu cầu hơi thở đầy, sâu, và vị trí âm thanh đúng áp dụng trong tác phẩm Thanh nhạc với các phong cách khác nhau. Phát triển màu sắc cá tính, phong cách và hình thành thẩm mỹ nghệ thuật cho từng giọng hát theo đúng hướng phát triển tự nhiên của từng sinh viên. Luyện tập nâng cao các kỹ năng, phương pháp với các yêu cầu về hơi thở, khẩu hình, thống nhất vị trí âm thanh âm sắc để diễn tả sắc thái tình cảm áp dụng trong các tác phẩm Thanh nhạc.</p>			
98.	Thanh nhạc 7 (TN)	<p>Thông qua học phân giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về nâng cao và hoàn thiện các kỹ thuật thanh nhạc. Nâng cao và hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản, vị trí cộng minh và các khoảng vang, rèn luyện và nâng cao về hơi thở, âm vũng điểm tựa âm thanh và thói quen hát đúng. Nâng cao và hoàn thiện âm thanh ở âm khu cao của giọng hát, vị trí chuyển giọng ở âm khu cao của giọng nữ, âm thanh đong tiếng ở âm khu cao của giọng nam, mở rộng âm vực và tính chất linh hoạt của giọng hát. Nâng cao kỹ thuật thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm trên âm vực đã mở rộng. Nâng cao vận dụng kỹ thuật âm thanh vào tác phẩm Thanh nhạc: Nhả chữ rõ ràng, trong sáng, uyển chuyển, có sức biểu cảm . Nâng cao và phát triển các kỹ thuật hát, rèn luyện nâng cao và phát triển về kỹ thuật hát liền giọng (Cantilena), rèn luyện nâng cao và phát triển về kỹ thuật hát hát nảy (Staccato), rèn luyện nâng cao và phát triển về kỹ thuật hát lướt nhanh (Passage). Nâng cao và hoàn thiện kỹ thuật xử lý sắc thái, rèn luyện nâng cao và phát triển sự kết hợp giữa các kỹ thuật hát với nhau, nâng cao và hoàn thiện kỹ thuật Crescendo (Hát nhỏ tới to- to dần), nâng cao và hoàn thiện kỹ thuật Diminuendo (Hát sắc thái to- nhỏ- nhỏ dần), nâng cao và hoàn thiện kỹ thuật Decrescendo (Hát nhỏ dần).</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>

99.	Thanh nhạc 8 (TN)	<p>Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về nâng cao và hoàn thiện về kỹ thuật xử lý tác phẩm, phân tích cấu trúc tác phẩm, tốc độ, tính chất của tác phẩm, tìm hiểu và phân tích nội dung tác phẩm. Nâng cao kỹ thuật xử lý ngôn ngữ trong tác phẩm, nâng cao cách phát âm tiếng Ý, Đức, Nga... chuẩn xác, nâng cao kỹ thuật nhả chữ, đóng chữ chuẩn xác. Hoàn thiện xử lý tác phẩm với sự nhuần nhuyễn của các kỹ thuật Thanh nhạc đã học để chuẩn bị chương trình thi Tốt nghiệp. Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các phong cách âm nhạc của các tác giả, phong cách âm nhạc của các nhạc sĩ tiền cổ điển, phong cách âm nhạc của các nhạc sĩ lãng mạn. Nâng cao về biểu hiện nghệ thuật trong tác phẩm, nâng cao phong cách biểu diễn tác phẩm với các kỹ thuật Thanh nhạc đã học, nghiên cứu nội dung tác phẩm, rèn luyện khả năng sáng tạo trong biểu diễn. Hoàn thiện xử lý sắc thái tình cảm một cách thuần thực, kỹ thuật nhuần nhuyễn qua các tác phẩm thanh nhạc với các phong cách khác nhau, cách thể hiện biểu diễn sâu sắc với sự sáng tạo của từng cá nhân.</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
100.	Hát hợp xướng 1	<p>Môn Hợp xướng được kết hợp kiến thức của các môn học khác như: nhạc lý, xướng âm, hòa âm, thanh nhạc... và rất gần với môn Phương pháp dàn dựng chương trình ca – múa – nhạc tổng hợp, nhưng nó không đi vào dàn dựng các động tác phụ trợ cho phần biểu diễn mà chủ yếu học kỹ thuật hòa giọng trong các bè của tác phẩm.</p> <p>Thông qua hát hợp xướng, người học củng cố thêm các kiến thức cơ bản về nâng cao kỹ thuật hơi thở, khẩu hình và vị trí âm thanh. Những vấn đề cơ bản về hơi thở, kiểu thở trong thanh nhạc, hình dáng của khẩu hình chuẩn, các hoạt động của hàm, các vị trí cộng minh của âm thanh (cộng minh đầu, cộng minh ngực, các khoang cộng minh). Biết kết hợp giữa hơi thở với khẩu hình và vị trí âm thanh.</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
101.	Hát hợp xướng 2	<p>Học phần hát Hợp xướng được kết hợp kiến thức của các môn học khác như: nhạc lý, xướng âm, hòa âm, thanh nhạc... và rất gần với môn Phương pháp dàn dựng chương trình ca – múa – nhạc tổng hợp, nhưng nó không đi vào dàn dựng các động tác phụ trợ cho phần biểu diễn mà chủ yếu học kỹ thuật hòa giọng trong các bè của tác phẩm.</p> <p>Hát hợp xướng là một phần học bổ trợ cho bộ môn thanh nhạc. Thông qua hát hợp xướng, người học củng cố thêm các kiến thức cơ bản về</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>

		nâng cao kỹ thuật hơi thở, khẩu hình và vị trí âm thanh. Những vấn đề cơ bản về hơi thở, kiểu thở trong thanh nhạc, hình dáng của khẩu hình chuẩn, các hoạt động của hàm, các vị trí cộng minh của âm thanh (cộng minh đầu, cộng minh ngực, các khoang cộng minh). Biết kết hợp giữa hơi thở với khẩu hình và vị trí âm thanh để áp dụng vào các bài luyện thanh.			
102.	Hát hợp xướng (SPAN)	Môn Hợp xướng được kết hợp kiến thức của các môn học khác như: nhạc lý, xướng âm, hòa âm, thanh nhạc... và rất gần với môn Phương pháp dàn dựng chương trình ca – múa – nhạc tổng hợp, nhưng nó không đi vào dàn dựng các động tác phụ trợ cho phần biểu diễn mà chủ yếu học kỹ thuật hòa giọng trong các bè của tác phẩm. Thông qua hát hợp xướng, người học củng cố thêm các kiến thức cơ bản về nâng cao kỹ thuật hơi thở, khẩu hình và vị trí âm thanh. Những vấn đề cơ bản về hơi thở, kiểu thở trong thanh nhạc, hình dáng của khẩu hình chuẩn, các hoạt động của hàm, các vị trí cộng minh của âm thanh (cộng minh đầu, cộng minh ngực, các khoang cộng minh). Biết kết hợp giữa hơi thở với khẩu hình và vị trí âm thanh.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
103.	Kỹ thuật diễn viên	Sinh viên biểu diễn thanh nhạc, nhạc kịch muốn có được sự tự tin trên sân khấu, trước hết phải học hệ thống các bài tập về tâm lý và hình thể, biết tập trung chú ý cao độ trên sân khấu, cải biến thái độ trước một hiện tượng – sự biến trong kịch, biết tưởng tượng sáng tạo, giao lưu và thích ứng tốt trên sân khấu, vận dụng kỹ thuật diễn viên đã học vào biểu diễn thanh nhạc. Luyện tập cho sinh viên những bài tập về kỹ thuật cơ bản về thể nghiệm tâm lý và tạo hình ( hình thể) trên sân khấu thông qua những tình huống kịch và biểu diễn thanh nhạc: Romance; Opera; Ca khúc Việt Nam.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
104.	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	Môn Phương pháp sư phạm Thanh nhạc cung cấp một cách có hệ thống những cơ sở lý luận về phương pháp dạy học thanh nhạc, phương pháp học hát trên cơ sở giải thích một cách khoa học và tương đối toàn diện nhiều vấn đề về kỹ thuật Thanh nhạc của các trường phái Thanh nhạc thế giới để vận dụng một cách phù hợp, có kết quả vào việc giảng dạy và học tập Thanh nhạc. Thông qua học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận phương pháp dạy học thanh nhạc, bao gồm; Hơi thở, khẩu hình,	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		<p>phân loại giọng, vị trí âm thanh; tiêu chuẩn âm thanh sau vị trí âm thanh. phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy; phương pháp tiếp cận từng đối tượng sinh viên và cách giải quyết cho từng trường hợp trong quá trình thực hiện giáo án; Phương pháp đánh giá sinh viên trong quá trình giảng dạy.</p> <p>Phương pháp sư phạm âm nhạc nói chung và phương pháp sư phạm Thanh nhạc nói riêng là hết sức đa dạng. Vì vậy, để giảng dạy môn học tốt, giảng viên phải thường xuyên cập nhật thông tin, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ, bổ sung, hoàn thiện nội dung dạy học nhằm đảm bảo trang bị cho người học hệ thống tri thức khoa học, phù hợp, cập nhật, hiện đại, tiên tiến.</p>			
105.	Lịch sử Nghệ thuật Thanh nhạc	<p>Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc được hình thành và phát triển dựa trên cơ sở của sự ra đời các trường phái âm nhạc chuyên nghiệp trên thế giới nhằm đúc kết, rút kinh nghiệm cũng như định hướng phát triển của nền âm nhạc của từng quốc gia, từng dân tộc cụ thể.</p> <p>Lịch sử Nghệ thuật Thanh nhạc trang bị cho sinh viên những kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử Nghệ thuật Thanh nhạc từ thời Trung cổ (giữa thế kỷ V-VI), thời kỳ Phục Hưng (thế kỷ XIV – XVI), thời kỳ Baroque (đầu thế kỷ XVII - cuối thế kỷ XVIII); thanh nhạc trào lưu cổ điển ( giữa thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX ); thanh nhạc thời kỳ cận đại ( cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX)</li> </ul>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
106.	Phát âm tiếng Ý - Đức- Nga	<p>Đây là môn học rất cần thiết cho cả giảng viên và Sinh viên học chuyên ngành Thanh nhạc. Trong suốt quá trình học tập, những ca khúc, romance hay aria được trích trong các vở nhạc kịch của Ý, Đức, Nga không thể thiếu trong giáo trình dạy và học Thanh nhạc. Ngoài tính hấp dẫn của các giai điệu đẹp, thì cách phát âm với nhiều âm tiết của tiếng Ý, hay Đức, Nga tạo ra những thuận lợi để ca sĩ phát huy được tối đa khả năng giọng hát của mình.</p> <p>Môn học phát âm tiếng Ý, Đức, Nga là môn học rèn luyện cho Sinh viên về kỹ năng phát âm cơ bản của tiếng Ý, Đức, Nga: phát âm nguyên âm, phụ âm; Cách nhấn trọng âm, diễn đạt ngữ điệu trong các loại câu: trần thuật, cảm thán, câu hỏi, câu nghi vấn,...</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
107.	Hát dân ca	Nội dung môn học gồm 2 phần:	0	2	Người học phải tham dự đầy

		<p>1/ Kiến thức cơ bản về dân ca Việt Nam; 2/ Kỹ năng hát và biểu diễn dân ca các vùng miền.</p> <p>Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận chung về dân ca Việt Nam như: Khái niệm về dân ca, cách phân loại, chức năng, bảo tồn và phát huy lối hát cổ truyền của dân ca Việt Nam. Giới thiệu các thể loại dân ca, kĩ thuật hát đặc trưng của các vùng, miền. Học hát một số một số bài/ làn điệu dân ca tiêu biểu vùng miền núi phía Bắc, đồng bằng trung du Bắc Bộ, Trung Bộ &amp; Tây Nguyên, Nam Bộ.</p>			đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
108.	Biểu diễn với dàn nhạc tổng hợp	Biểu diễn với dàn nhạc tổng hợp là môn học tự chọn đối với sinh viên thanh nhạc. Môn học giúp cho sinh viên có khả năng đón bắt được ý đồ của dàn nhạc đệm hát ở cả ba dòng nhạc: Thính phòng, dân gian và nhạc nhẹ. Giúp cho sinh viên có tâm lý thoải mái, tự tin trong quá trình biểu diễn, thể hiện rõ nội dung tác phẩm và hình tượng nghệ thuật của tác phẩm.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
109.	Hát	Thông qua học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ thuật hát và dạy những bài hát trong chương trình bậc Mầm non và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong tương lai	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
110.	Đàn Organ	Thông qua học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, cách sử dụng, trình tấu đàn organ các bài hát trong chương trình bậc Mầm non và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong tương lai.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
111.	Piano 1	Thông qua học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật chơi đàn và dạy những bài Gam, bài kỹ thuật, tác phẩm cũng như các bài đệm hát trong chương trình bậc Đại học Thanh nhạc và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong thời gian học cũng như trong tương lai.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
112.	Piano 2	- Học phần Piano 2 là học Thực hành trong chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc. Học phần nằm trong kỳ học thứ 4 và 5 của chương	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm

		<p>trình đào tạo, đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đó là cung cấp cho người học những kiến thức về các kỹ thuật chơi đàn, sử dụng thành thạo những bài Gam, bài kỹ thuật, tác phẩm trong chương trình bậc Đại học Thanh nhạc.</p> <p>- Học phần trang bị cho sinh viên hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong thời gian học cũng như trong tương lai.cho sinh viên ngành Thanh nhạc.</p>			<p>trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
113.	Thanh nhạc 1 (SPAN)	<p>Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: Khái quát chung về kỹ thuật thanh nhạc, Bộ máy phát âm - Chức năng và phương pháp bảo vệ chúng. Tư thế trong ca hát, khẩu hình và cách mở khẩu hình, hơi thở trong thanh nhạc, phương pháp rèn luyện hơi thở trong ca hát. Chức năng khoảng vang - Vị trí âm thanh. Luyện tập hơi thở kết hợp khẩu hình áp dụng trong ca khúc Việt Nam. Khẩu hình, sự kết hợp hơi thở và khẩu hình. Luyện tập vị trí âm thanh kết hợp hơi thở và khẩu hình áp dụng trong ca khúc Việt Nam hoặc dân ca Việt Nam. Vị trí âm thanh cộng minh, vị trí âm thanh cộng minh, giới thiệu chế độ luyện tập bảo vệ cổ họng, bảo vệ giọng hát, chế độ luyện tập bảo vệ cổ họng, bảo vệ giọng hát. Kỹ thuật hát liền giọng, kỹ thuật hát chuyển giọng, kỹ thuật hát nảy.</p>	0	1	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
114.	Thanh nhạc 2 (SPAN)	<p>Học phần 2 cung cấp cho người học những kỹ thuật cơ bản gồm: Ngôn ngữ trong ca hát, cách xử lý ngôn ngữ, cộng minh - Sự thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau. Kỹ thuật hát bật âm thanh (actaca), kỹ thuật hát lướt (passage). Luyện tập mở rộng âm vực tự nhiên của giọng hát, chuyển giọng, sử lý sắc thái to, nhỏ. Áp dụng kỹ thuật vào tác phẩm thanh nhạc.</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
115.	Thanh nhạc 3 (SPAN)	<p>Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Giới thiệu sự hình thành và phát triển của Ca khúc Việt Nam. Đặc điểm giọng hát trẻ em lứa tuổi phổ thông. Phương pháp giữ gìn và phát triển giọng hát của trẻ. Giới thiệu năng khiếu ca hát của lứa tuổi phổ thông.Cách phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu. Âm khu của giọng hát. Âm khu của giọng nam , âm khu của giọng nữ. Luyện tập kỹ thuật mở âm thanh , đóng âm thanh, chuyển giọng. Phát triển kỹ thuật hát Legato</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>

		<p>kết hợp với sự thống nhất của âm thanh và hơi thở. Luyện tập các kỹ thuật đã học áp dụng trong các tác phẩm thanh nhạc. Sơ lược Lịch sử Thanh nhạc tiêu biểu Thế giới. Phương pháp phát âm tiếng nước ngoài. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc thính phòng trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc âm hưởng dân gian trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc nhẹ trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Kỹ thuật hát có sự thay đổi về sắc thái, tốc độ. Luyện tập các kỹ thuật đã học áp dụng trong các tác phẩm thanh nhạc</p>			
116.	Đàn phím điện tử 1 (Sư phạm)	<p>Học phần Đàn phím điện tử 1 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Sư phạm Âm nhạc. Học phần Đàn phím điện tử 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tính năng nhạc cụ của đàn Organ, Phương pháp luyện tập thực hành và biểu diễn của nhạc cụ này. Bên cạnh đó cũng có thể tìm hiểu thêm về cấu trúc âm nhạc của bài hát; phân biệt được tiết tấu của các loại nhịp ; thực hành các bài tập Gam, các bài tập luyện ngón, các bài tác phẩm để ứng dụng vào thực hành và đệm được những bài hát trong chương trình giáo dục phổ thông. Hình thành ở người học năng lực diễn tấu bài Đàn và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong tương lai.</p>	0	1	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
117.	Đàn phím điện tử 2 (Sư phạm)	<p>Học phần Đàn phím điện tử 2 trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cũng như kiến thức cơ bản về đàn phím điện tử. Giúp cho sinh viên có thể vận dụng kiến thức để đệm và tự soạn đệm được cho ca khúc, đồng thời có thể độc tấu và hòa tấu được một số tác phẩm âm nhạc được nâng cao về kỹ thuật diễn tấu.</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
118.	Đàn phím điện tử 3 (Sư phạm)	<p>Thông qua học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật chơi đàn và dạy những bài Gam, bài kỹ thuật, tác phẩm cũng như các bài đệm hát trên đàn phím điện tử trong chương trình bậc Đại học Sư phạm âm nhạc và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong thời gian học cũng như trong tương lai.</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
119.	Đệm đàn	<p>Đệm đàn cho Thanh nhạc là môn học tự chọn đối với sinh viên thanh nhạc. Môn học giúp cho sinh viên có khả năng đón bắt được ý đồ của</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm</p>

		nhạc cụ Piano đệm cho hát ở các dòng nhạc: Thánh phòng, dân gian, nhạc nhẹ và nước ngoài. Giúp cho sinh viên có tâm lý thoải mái, tự tin trong quá trình biểu diễn, thể hiện rõ nội dung tác phẩm và hình tượng nghệ thuật của tác phẩm			trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
120.	Thực tập nghề nghiệp 1 (Thực hành nghề nghiệp thường xuyên trong trường)	Thực hành nghề nghiệp thường xuyên đối với sinh viên Thanh nhạc là thực hành tổng hợp các nội dung đào tạo của chuyên ngành. Sinh viên được dịp tổng hợp kiến thức và kỹ năng để thực hành biểu diễn dưới các hình thức đơn ca, tốp ca, trích đoạn, hợp xướng qua các tác phẩm Việt Nam, các Romance, Aria nước ngoài được trích trong các nhạc kịch (opera), ca kịch (operette) trong các chương trình biểu diễn thường xuyên tại trường.	0	6	
121.	Thực tập nghề nghiệp 2 (Thực tập nghề nghiệp ngoài trường)	Thực tập nghề nghiệp ngoài trường đối với sinh viên Thanh nhạc là thực hành tổng hợp các nội dung đào tạo của chuyên ngành. Sinh viên được dịp tổng hợp kiến thức và kỹ năng để thực tập thực hành biểu diễn dưới các hình thức đơn ca, tốp ca, tổ hợp trích đoạn, hợp xướng trong các chương trình biểu diễn tại các đoàn ca múa nhạc chuyên nghiệp.	0	4	
122.	Chương trình biểu diễn Báo cáo Tốt nghiệp	Đây là chương trình học ôn tập nâng cao hướng dẫn sinh viên hoàn thiện các tác phẩm Thanh nhạc nằm trong chương trình biểu diễn cuối khóa, giúp các em hoàn thiện các kỹ thuật Thanh nhạc, thể hiện các tác phẩm cùng với nhạc đệm một cách nhuần nhuyễn và chuyên nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học. Chương trình báo cáo tốt nghiệp cuối khóa gồm 8 tác phẩm - 4 tác phẩm nước ngoài: 2 Aria; 2 Romance - 4 tác phẩm Việt Nam: 3 ca khúc nghệ thuật Việt Nam; 1 Dân ca Việt Nam	0	8	
<b>VI</b>	<b>Bộ môn Thiết kế Thời trang</b>				
123.	Lịch sử thời trang	Học phần cung cấp cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quá trình phát triển trang phục thế giới và trang phục Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, sinh viên nhận biết được sự ảnh hưởng của các trào lưu nghệ thuật tới phong cách và thị hiếu thẩm mỹ thời trang qua các giai đoạn phát triển xã hội của nhân loại cũng như ở Việt Nam. Sinh viên nhận thức được quá trình hình thành phát triển và vẻ đẹp của trang phục qua các thời kỳ lịch sử phát triển của nghệ thuật làm cơ sở	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;

		sáng tạo trong quá trình thực hiện ý tưởng và thiết kế thời trang.			+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
124.	Vật liệu may mặc	Học phần Vật liệu may mặc nghiên cứu chung về những nguyên vật liệu sản xuất ra trang phục giới thiệu tổng quan về kỹ thuật công nghệ trong sản xuất sản phẩm thời trang, lựa chọn vật liệu may mặc; phân loại tính chất nguyên liệu dệt; tính chất lý, hóa của sợi dệt và vải; phụ liệu may mặc và ứng dụng trong gia công hàng may mặc. Môn học Vật liệu may mặc tổng hợp những kiến thức từ cuộc sống cũng như kỹ thuật, kỹ năng trong ngành dệt một cách có hệ thống và đầy đủ. Những vấn đề cốt lõi về kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng mà môn học đặt ra.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
125.	Nhân trắc học- Cơ sở may mặc	Nhân trắc học – cơ sở may mặc được coi là một môn khoa học mang tính thực tiễn cao. Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về Nhân trắc học, Nhân trắc học Ergonomic, giới thiệu tổng quan về cấu trúc cơ thể người, nghiên cứu hệ thống tỷ lệ cơ thể người ở các lứa tuổi. Cấu tạo của xương, cơ đầu và thân người từ toàn bộ, từng bộ phận riêng biệt cho đến những chi tiết nhỏ nhất, để biết rõ hình thái và cấu trúc cơ thể người, ứng dụng trong việc trắc đạc thông số, thống kê kích thước cơ thể người Việt Nam nói riêng và người Châu Âu nói chung. Học phần có ý nghĩa về khoa học, giúp sinh viên nắm vững được phương pháp, kỹ năng đo các kích thước trên cơ thể người, hình thành cho sinh viên có cái nhìn toàn diện, đúng đắn và khoa học về cơ sở may mặc trong sản xuất hàng may công nghiệp, đồng thời giúp sinh viên nhìn nhận về ưu, nhược điểm trên các dạng cơ thể người từ đó đưa ra các phương án thiết kế khả quan, thẩm mỹ nhất dành cho người mặc.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
126.	Nguyên lý thiết kế trang phục	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về thiết kế mỹ thuật ứng dụng và sáng tác thiết kế mỹ thuật thời trang; các nguyên lý cơ bản, các mối quan hệ về thẩm mỹ được hình thành trong quá trình từ nghiên cứu ý tưởng đến bố cục sáng tác mẫu trang phục Nắm vững được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật trang trí để phát	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là

		<p>huy và nâng cao dần năng lực sáng tạo, óc thẩm mỹ vốn có ở mỗi người và định hướng thị hiếu.</p> <p>Cung cấp cho sinh viên những nội dung nghiên về khái niệm và ý nghĩa của thiết kế thời trang.</p> <p>Hệ thống lý luận cơ bản về sáng tác mỹ thuật ứng dụng nói chung và trong lĩnh vực thiết kế thời trang nói riêng. Đặc biệt là các khái niệm, quan hệ tạo hình, chất liệu, bản chất của cái đẹp trong thiết kế thời trang</p> <p>Giúp sinh viên phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các hiện tượng thời trang trong đời sống xã hội.</p>			điểm của học phần thực hành.
127.	Thiết kế họa tiết trang trí vải và sản phẩm thời trang	<p>Thiết kế Họa tiết Trang trí vải và Sản phẩm Thời trang là môn học giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về cách bố trí họa tiết trang trí trên một tấm vải dài và xây dựng bố cục trang trí phù hợp với các sản phẩm thời trang.</p> <p>Đó là những khái niệm rất cần thiết liên quan tới chuyên ngành thời trang. Giúp sinh viên vận dụng được những nguyên vật liệu có sẵn một cách phù hợp nhất vào trong thiết kế của bản thân. Bên cạnh đó cũng là nền tảng cho sinh viên sáng tạo, tìm tòi ra những nguyên vật liệu, bề mặt mới đáp ứng được nhu cầu thiết kế thời trang.</p> <p>Môn học giới thiệu những kiến thức về nguyên lý cơ bản của nghệ thuật tạo hình, phong cách, phương pháp cách điệu, sáng tạo họa tiết, xây dựng bố cục trang trí trên các chủng loại vải phù hợp với các sản phẩm thời trang.</p> <p>Trang trí họa tiết vải dài giúp sinh viên nghiên cứu và rèn luyện khả năng bố cục với các thành tố tạo hình cơ bản như: điểm, đường (nét), hình (mảng), khối, không gian (nền), hiệu và biết vận dụng các nguyên lý trong bố cục như: hài hòa, sức căng, độ nhấn, tương phản, biến tấu, chuyển động, nhịp điệu, lặp lại... Trong phần đầu sinh viên chỉ dừng lại nghiên cứu với 2 sắc độ đen và trắng. Đồng thời nghiên cứu tính chất và khả năng tạo hình của 3 hình cơ bản nhất: tròn, vuông, tam giác đều.</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
128.	Đồ họa thời trang - Phương pháp phác thảo mẫu đơn chiếc		0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là

					điểm của học phần thực hành.
129.	Đồ họa thời trang - Phương pháp phác thảo nhóm mẫu	<p>Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần Đồ họa thời trang – Phương pháp phác thảo nhóm mẫu là một học phần gồm 03 tín chỉ, học phần không chỉ là tiền đề mà còn là định hướng cho sinh viên phát huy được khả năng sáng tác, hỗ trợ cho công việc thiết kế của các bạn sinh viên sau khi ra trường. Môn học mang lại cho sinh viên kỹ năng thể hiện nhóm mẫu phác thảo dựa trên nguồn cảm hứng từ thiên nhiên: động vật, hoa lá, phong cảnh,... thể hiện nhóm mẫu cho bộ sưu tập thời trang. Qua việc tìm hiểu đặc điểm, tâm sinh lý của từng lứa tuổi để từ đó tìm ra đặc điểm trang phục và tìm kiếm ý tưởng sáng tác phù hợp.</p> <p>Ngoài ra, học phần có ý nghĩa về khoa học và triển khai thành sản phẩm thật, góp phần hệ thống, bổ sung những vấn đề về lý thuyết và kỹ năng cần có đối với một nhà thiết kế thời trang.</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
130.	Nguyên lý tạo dáng trang phục 2D	<p>Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần nguyên lý tạo dáng trang phục 2D không chỉ đưa ra phương pháp xây dựng và phát triển cấu trúc cơ bản của trang phục mà còn mang lại cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về thiết kế thời trang, thúc đẩy và phát triển tư duy thiết kế thời trang từ đó có thể định hình phong cách thiết kế. Học phần đưa ra các khái niệm về hình dáng, cấu trúc trang phục, các khái niệm thẩm mỹ về trang phục, mối quan hệ giữa hình dáng cấu trúc cơ thể người với cấu trúc trang phục, từ đó giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về thiết kế thời trang. Xây dựng và phát triển các mẫu thiết kế dựa trên những kiến thức, công thức, kỹ thuật cắt may cơ bản trên bề mặt phẳng.</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
131.	Nguyên lý tạo dáng trang phục 3D	<p>Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần nguyên lý tạo dáng trang phục 3D là một học phần gồm 03 tín chỉ, học phần không chỉ đưa ra phương pháp xây dựng và phát triển cấu trúc cơ bản của trang phục trên không gian 3 chiều, mà học phần còn giới thiệu cho sinh viên kiến thức chung về ma nơ canh từ đó giúp sinh viên hiểu rõ kết cấu, ứng dụng của từng loại ma nơ canh để có sự lựa chọn</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		ma nơ canh phù hợp cho quy trình thiết kế. Hình thành cho sinh viên kỹ năng phát triển thiết kế từ mặt phẳng lên bố cục khối không gian 3 chiều; học phần giúp sinh viên nắm vững kết cấu khối biểu tượng trang phục trong tương quan với cấu trúc cơ thể người; cấu trúc cơ bản của cơ thể con người, vùng cử động của cơ thể và sự biến đổi của cấu trúc phù hợp; kỹ năng thiết kế trang phục từ cơ bản đến trang phục nghệ thuật theo từng chủ đề.			
132.	Thiết kế Thời trang cho hình ảnh cá nhân	Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu đánh giá mục tiêu thiết kế là một nhân vật cụ thể, phân tích đặc điểm nhân trắc học, cá tính, môi trường sinh hoạt, môi trường lao động, phong cách mặc, môi trường sử dụng sản phẩm của nhân vật qua chức năng thông tin trang phục. Thực hiện sản phẩm thiết kế thời trang dành cho nhân vật đã nghiên cứu. kỹ năng thể hiện đồ họa và gia công mẫu riêng biệt cho một hình ảnh cá nhân trên đồ án với một đối tượng cụ thể Xây dựng biểu tượng, nghiên cứu xu hướng mốt, xây dựng cấu trúc trang phục khả thi, thiết kế các phương án và lựa chọn chất liệu phù hợp với đối tượng đang nghiên cứu. Thực hiện sản phẩm thiết kế thời trang dành cho nhân vật đã nghiên cứu	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
133.	Thiết kế Thời trang trẻ em	Học phân cung cấp cho sinh viên kiến thức về sáng tác thiết kế trang phục trẻ em ngoài ra còn nghiên cứu đặc điểm cấu trúc trẻ em, hiểu rõ tâm lý lứa tuổi thanh thiếu niên để có thể tạo hình cho trang phục để phù hợp với các lứa tuổi cho trẻ em Nắm vững phương pháp nghiên cứu ý tưởng từ thiên nhiên từ thực vật, động vật, các chủ đề liên quan đến trẻ em, triển khai mẫu phác thảo, postor và thực hiện cắt may sản phẩm mẫu Rèn luyện kỹ năng sáng tác và quy trình thiết kế bộ đồng bộ trang phục theo chủ đề xác định. sinh viên nắm bắt được phương pháp nghiên cứu tâm sinh lý, đặc điểm hình thể trẻ em các lứa tuổi; phương pháp nghiên cứu thiên nhiên tìm các yếu tố tạo hình (cấu trúc, màu sắc, phom dáng,...) cho quá trình tạo dáng trang phục trẻ em; kỹ thuật cắt may quần áo trẻ em	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
134.	Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục công sở	Học phân cung cấp cho sinh viên kiến thức về sáng tác thiết kế trang phục sử dụng làm việc trong các công sở và các trang phục theo ngành nghề có yêu cầu đặc biệt; đặc điểm của trang phục công sở và những	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ

		<p>tiêu chí thiết kế; quá trình phát triển bộ trang phục công sở riêng rẽ thành đồng bộ trong các hoàn cảnh sử dụng khác nhau; xác định xu hướng thị trường mục tiêu và ảnh hưởng của xu hướng mốt trong thời trang công sở</p> <p>Nắm vững phương pháp nghiên cứu ý tưởng từ thiên nhiên, triển khai mẫu phác thảo, postor và thực hiện cắt may sản phẩm mẫu</p> <p>Rèn luyện kỹ năng sáng tác và quy trình thiết kế bộ đồng bộ trang phục theo chủ đề xác định.</p>			trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
135.	Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục dạ hội	<p>Học phần giới thiệu cho sinh viên nắm vững về đặc điểm, yêu cầu riêng biệt của sản phẩm may mặc; xu hướng mốt; bộ và đồng bộ trang phục dạ hội và đồ án sáng tác.</p> <p>Trang bị cho sinh viên khái niệm về thiết kế bộ và đồng bộ của trang phục dạ hội. Chức năng sử dụng của trang phục dạ hội so với các bộ trang phục khác.</p> <p>Cách nhận diện trang phục dạ hội trong hệ thống các bộ sưu tập trang phục khác để đưa ra được cách thức và tiêu chí thiết kế cho trang phục như :</p> <p>Giá trị sử dụng, không gian sử dụng, đối tượng sử dụng, kiểu dáng, màu sắc, chất liệu , trang trí, để phù hợp với đối tượng thiết kế và xu hướng thời trang hiện tại và tương lai.</p> <p>Các bước tiến hành quy trình của một sản phẩm từ mẫu thiết kế dựng lên thành mẫu thật.</p>	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
136.	Thiết kế thời trang với nghệ thuật thủ công truyền thống	<p>Học phần giúp sinh viên nghiên cứu và ứng dụng giá trị nghệ thuật thủ công của các làng nghề thủ công truyền thống vào thiết kế mẫu theo điều kiện sản xuất và gia công sản phẩm thời trang</p> <p>Khi chúng ta nghiên cứu về sự phát triển của trang phục chúng ta sẽ hiểu được sự hình thành của một sản phẩm với những chất liệu truyền thống và kỹ thuật truyền thống của mỗi người dân, mỗi dân tộc.</p> <p>Xây dựng biểu tượng, nghiên cứu xu hướng mốt, xây dựng cấu trúc trang phục khả thi, thiết kế các phương án và lựa chọn chất liệu phù hợp với đối tượng đang nghiên cứu.</p>	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
137.	Công nghệ sản xuất sản phẩm may công nghiệp	<p>Học phần Công nghệ sản xuất sản phẩm may công nghiệp được thiết kế theo modul bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về phương pháp xây dựng tài liệu chuẩn bị sản xuất.</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ

		<p>Phần thực hành hướng dẫn ôn luyện kỹ năng vẽ thiết kế các dạng trang phục; chuyển cỡ vóc sản phẩm; giác sơ đồ sản phẩm; tính tiêu hao nguyên liệu.</p> <p>Sinh viên nắm vững phương pháp xây dựng tài liệu chuẩn bị sản xuất cho mã hàng sản phẩm may công nghiệp.</p> <p>Sinh viên thành thạo kỹ năng thiết kế kỹ thuật các dạng trang phục; chuyển cỡ vóc sản phẩm; giác sơ đồ sản phẩm; tính tiêu hao nguyên liệu.</p>			trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
138.	Công nghệ cắt may sơ mi nam nữ	<p>Học phần cắt may áo sơ mi nam, nữ được thiết kế theo modul cung cấp kiến thức và phương pháp thiết kế sơ mi, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản, các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, vận hành trang thiết bị may mặc, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện áo sơ mi, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệu</p> <p>Cung cấp phương pháp thiết kế áo sơ mi</p> <p>Phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản</p> <p>Quy trình lắp ráp áo sơ mi nam nữ.</p> <p>Kiểm tra chất lượng sản phẩm</p> <p>Tính tiêu hao nguyên vật liệu.</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
139.	Công nghệ cắt may quần âu nam nữ	<p>Học phần cắt may quần âu nam nữ được thiết kế theo modul bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về phương pháp thiết kế quần âu, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản và quy trình lắp ráp quần âu nam nữ. Phần thực hành hướng dẫn các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện quần âu nam nữ. Ngoài ra còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng thiết bị ngành may, kỹ năng là sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệu.</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
140.	Công nghệ cắt may váy-áo dài	<p>Học phần công nghệ cắt may váy và áo dài được thiết kế theo modul bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về phương pháp thiết kế váy và áo dài, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản và quy trình lắp ráp váy và áo dài. Phần thực hành hướng dẫn các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện váy và áo dài. Ngoài ra còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng thiết bị ngành may, kỹ năng là sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệu.</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

141.	Công nghệ cắt may áo khoác ngoài nam nữ	Học phần cắt may áo khoác ngoài được thiết kế theo modun bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về phương pháp thiết kế áo khoác ngoài, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản và quy trình lắp ráp áo khoác ngoài. Phần thực hành hướng dẫn các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện áo khoác ngoài. Ngoài ra còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng thiết bị ngành may, kỹ năng là sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệu.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
142.	Công nghệ cắt may áo cưới	Học phần cắt may váy cưới được thiết kế theo modun cung cấp kiến thức và phương pháp thiết kế váy cưới, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản, các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, vận hành trang thiết bị may mặc, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện váy cưới, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệu. Cung cấp phương pháp thiết kế váy cưới Phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản Quy trình lắp ráp váy cưới Kiểm tra chất lượng sản phẩm Tính tiêu hao nguyên vật liệu..	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
143.	Thiết kế thời trang cơ bản		0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
144.	Lụa	Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu lụa. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu lụa, hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa vận dụng vào thiết kế thời trang.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
145.	Kinh doanh thời trang	Học phần Kinh doanh Thời trang là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Thiết kế thời trang. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về hoạt động Kinh doanh thời trang, phương pháp nghiên cứu thị trường, lựa chọn sản phẩm mới quyết định	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập,

		<p>chính sách sản phẩm, chính sách giá cả, chính sách phân phối sản phẩm, nghệ thuật bán hàng, trên cơ sở đó có thể đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ sản phẩm trên thị trường của doanh nghiệp thời trang.</p> <p>Những vấn đề cơ bản về kinh doanh sản phẩm thời trang;</p> <p>Nghiên cứu thị trường, chính sách giá cả, chính sách phân phối;</p> <p>Ứng dụng liền mạch vào quá trình thiết kế - sản xuất - kinh doanh sản phẩm thời trang;</p>			<p>chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
146.	Thực tế nghề nghiệp	<p>Tổ chức cho người học thâm nhập thực tế nhằm nâng cao chuyên môn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực may – thiết kế thời trang</p> <p>Qua đợt thực tập, người học được thu thập, tích lũy thêm tư liệu, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực may – thiết kế thời trang</p> <p>Củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học trong chương trình đào tạo.</p>	0	4	
147.	Thực tập cuối khóa	<p>Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước, bước đầu làm quen với quy trình hoạt động của bộ máy quản lý hành chính và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp ngành may – thiết kế thời trang. Bước đầu hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.</p> <p>Thông qua học phần sinh viên được trực tiếp tiếp cận, tìm hiểu, khám phá quy trình thiết kế từ việc nghiên cứu xu hướng thị trường thời trang, tới phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng từ đó đưa ra các chính sách phù hợp với sản phẩm và xúc tiến thương mại thời trang, thực hiện kinh doanh tiếp thị - marketing thời trang nhằm đạt hiệu quả cao nhất.</p> <p>Học phần mang lại cho sinh viên kiến thức tổng quát về công nghệ thời trang hiện đại, làm rõ vai trò, nhiệm vụ và tiến trình hoạch định tiếp thị cho các sản phẩm thời trang.</p>	0	4	
148.	Đồ án thiết kế thời trang tổng hợp	<p>Thông qua học phần sinh viên được trực tiếp tiếp cận, tìm hiểu, khám phá quy trình thiết kế từ việc nghiên cứu xu hướng thị trường thời trang, tới phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng từ đó đưa ra các chính sách phù hợp với sản phẩm và xúc tiến thương mại thời</p>	0	4	

		<p>trang, thực hiện kinh doanh tiếp thị - marketing thời trang nhằm đạt hiệu quả cao nhất.</p> <p>Học phần mang lại cho sinh viên kiến thức tổng quát về công nghệ thời trang hiện đại, làm rõ vai trò, nhiệm vụ và tiến trình hoạch định tiếp thị cho các sản phẩm thời trang.</p>			
<b>VII</b>	<b>Bộ môn Đồ họa</b>				
149.	Nghiên cứu thiên nhiên	<p>Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần NGHIÊN CỨU THIÊN NHIÊN, giới thiệu về thể góì xung quanh sự đa dạng của muôn hình, muôn vẻ của thiên nhiên. Từ hình dáng, cấu trúc, màu sắc, nhịp điệu .... đều mang những sắc thái riêng biệt. Ở mỗi sự vật (thực vật hay động vật, côn trùng) nó đều có linh hồn riêng, hòa hợp và kết lại thành một tổng thể tự nhiên tuyệt đẹp. Đây là lý do để chúng ta cần được bảo vệ, giữ gìn khai thác và nghiên cứu thiên nhiên thông qua phương pháp ghi chép thực tế và cô đọng thành biểu tượng, biểu trưng,... là nguồn dữ liệu phong phú hỗ trợ cho các học phần sáng tác đồ họa ứng dụng cũng như là tư liệu cho sáng tác tranh nói chung.</p> <p>Qua các bài học trang trí, sinh viên hiểu về cái đẹp của các mảng hình, đường nét và màu sắc phối hợp với nhau để tạo thành một tổng thể thống nhất trên một bề mặt không gian nhất định. Giúp SV thấy được thiên nhiên luôn là hình mẫu lý tưởng, là người thầy vĩ đại, trong đó ẩn chứa các khuynh hướng: thẩm mỹ - công năng,...có thể khai thác làm tư liệu để đưa vào nghệ thuật.</p> <p>Tìm hiểu và khai thác chọn lọc những đặc trưng nhất về đẹp của thiên nhiên về màu sắc và cấu trúc hình thể đưa vào sáng tạo mỹ thuật, đặc biệt mỹ thuật ứng dụng.</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
150.	Cơ sở tạo hình 1 <i>Nghiên cứu cơ sở</i>	<p>Học phần Cơ sở tạo hình 1 là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thành phần cơ bản để tạo hình nằm trong hệ thống nguyên lý nhận biết thị giác từ nhỏ nhất đến lớn nhất của những yếu tố: Điểm, Đường nét, hình khối, màu sắc, không gian...được kết hợp với nhau, theo những quy luật, trật</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		tư logic, hài hoà trong một tổng thể bố cục. Đó chính là những cơ sở cơ bản hay còn gọi là những yếu tố gốc để xây dựng nên một tác phẩm nghệ thuật, hoặc trong quá trình thiết kế một sản phẩm Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng.			
151.	Cơ sở tạo hình 2 <i>Bố cục tạo hình cơ bản</i>	Học phần Cơ sở tạo hình 2 là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thành phần cơ bản để tạo hình nằm trong hệ thống nguyên lý nhận biết thị giác từ nhỏ nhất đến lớn nhất của những yếu tố: Điểm, Đường nét, hình khối, màu sắc, không gian...được kết hợp với nhau, theo những quy luật, trật tự logic, hài hoà trong một tổng thể bố cục. Đó chính là những cơ sở cơ bản hay còn gọi là những yếu tố gốc để xây dựng nên một tác phẩm nghệ thuật, hoặc trong quá trình thiết kế một sản phẩm Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
152.	Cơ sở tạo hình 3 <i>Bố cục hình khối</i>	Học phần Cơ sở tạo hình 3 là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thành phần cơ bản để tạo hình nằm trong hệ thống nguyên lý nhận biết thị giác từ nhỏ nhất đến lớn nhất của những yếu tố: Điểm, Đường nét, hình khối, màu sắc, không gian...được kết hợp với nhau, theo những quy luật, trật tự logic, hài hoà trong một tổng thể bố cục. Đó chính là những cơ sở cơ bản hay còn gọi là những yếu tố	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
153.	Sáng tác Thiết kế 1 <i>- Tranh khắc</i>	Học phần Cung cấp kiến thức cơ bản về cách làm tranh khắc gỗ thể loại đen trắng, màu. Giúp sinh viên nắm bắt sơ lược lịch sử, đặc điểm, ngôn ngữ tạo hình, phương pháp sáng tác loại hình tranh khắc. Cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng nét, mảng trong thể loại tranh đồ họa. Giúp cho sinh viên kỹ năng xử lý bố cục về mảng, nét nhằm ứng dụng trong thiết kế đồ họa. Nâng cao khả năng tư duy sáng tạo thẩm mỹ trong thiết kế.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
154.	Sáng tác Thiết kế 2 <i>- Bìa sách, Minh họa, Thiết kế tạp</i>	- Học phần Bìa sách, Minh họa, Thiết kế tạp chí, dàn trang là sự kết hợp khả năng tư duy sáng tạo của sinh viên để phát triển ý tưởng trong từng sản phẩm thiết kế đồ họa ứng dụng như: Thiết kế bìa sách, thiết kế đầu	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ

	<i>chí, dàn trang</i>	<p>báo, thiết kế minh họa,..</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là môn chuyên ngành có thể vận dụng kiến thức của các môn học khác như cơ sở tạo hình 1,2,3, trang trí, nghệ thuật chữ., tranh đồ họa,.. để kết hợp trong sáng tác thiết kế thành các sản phẩm đồ họa ứng dụng.</li> <li>- Học phần này giúp cho sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong việc thiết kế sách, từ thiết kế bìa sách đến trình bày sách. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng phân biệt các thể loại sách hiện có trên thế giới..</li> <li>- Học phần được xây dựng trong chương trình giảng dạy ngành Đồ họa, thuộc các trường có đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng, nhiều trường đã có bề dày đào tạo đến 40, 50 năm ở Việt Nam như Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội.</li> </ul>			trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
155.	Sáng tác Thiết kế 3 - <i>Lịch</i>	<p>Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần Sáng tác thiết kế 3 – Lịch là một học phần gồm 03 tín chỉ, học phần không chỉ là tiền đề mà còn là định hướng cho sinh viên phát huy được khả năng sáng tác, hỗ trợ cho công việc thiết kế của các bạn sinh viên sau khi ra trường. Môn học nhằm giúp sinh viên nắm vững sơ bộ kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của lịch ngày nay. Các thông tin về thiết kế lịch như: Công dụng của thiết kế lịch; các loại lịch; kích thước thông dụng; các hình thức layout của lịch; các hình thức quảng cáo của lịch (lịch treo tường, lịch để bàn, bao bì và túi xách,...). Chức năng sử dụng, các yếu tố tạo hình, các giải pháp thẩm mỹ sáng tác thiết kế lịch tết. Qua việc tìm nhu cầu thực tiễn của người tiêu dùng theo từng đặc thù công việc và mục đích sử dụng,... đưa ra phương án thiết kế phù hợp nhất.</p> <p>Ngoài ra, học phần có ý nghĩa về khoa học và triển khai thành sản phẩm thật, góp phần hệ thống, bổ sung những vấn đề về lý thuyết và kỹ năng cần có đối với một thiết kế đồ họa.</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
156.	Sáng tác Thiết kế 4 - <i>Logo</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu môn học, lịch sử ra đời của Logo</li> <li>- Giới thiệu chung về logo, Phân loại logo</li> <li>- Vai trò và vị trí của Logo</li> <li>- Những vấn đề liên quan đến Thiết Logo</li> </ul>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là

					điểm của học phần thực hành.
157.	Sáng tác Thiết kế 5 - Bao bì	Trang bị những kiến thức khái quát, cơ bản về thiết kế bao bì Sinh viên rèn luyện những kỹ thuật cơ bản để thực hiện ý tưởng thiết kế trên máy vi tính thông qua các phần mềm đồ họa. Giúp sinh viên nắm được các kỹ thuật cơ bản trong sáng tác thiết kế bao bì và các hình thái của bao bì Quy cách và tiêu chuẩn cho từng hình thái bao bì. Hình thành, rèn luyện phương pháp xử lý các công việc theo nhóm và cách làm việc độc lập	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
158.	Sáng tác Thiết kế 6 - Tranh cổ động, Poster	Sáng tác Tranh cổ động, áp phích quảng cáo được đưa vào hệ thống học tập trong nhà trường nhằm đáp ứng mục tiêu, Giúp sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, bảo đảm đào tạo gắn liền với thực tiễn xã hội . Trang bị những kiến thức khái quát, ngôn ngữ sử dụng trang trí căn bản như: Các kỹ năng sử dụng bút vật liệu, khiếu quan sát thực tế ứng dụng vào sáng tác tranh cổ động. Trang bị những kiến thức cơ bản về thiết kế hệ thống áp phích quảng cáo thương mại nguyên tắc cơ bản trong tạo hình đồ họa , các giải pháp thẩm mỹ sáng tác thiết kế đồng bộ nội dung và hình thức của hệ thống áp phích quảng cáo.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
159.	Sáng tác Thiết kế 7 - Brochure, Catalogue	- Khái quát chung về thiết kế đồ họa tờ rơi, catalogue,... - Phân loại - Những vấn đề liên quan đến thiết kế đồ họa tờ rơi, catalogue,...	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
160.	Sáng tác Thiết kế 8 - Thiết kế đồng bộ sản phẩm	Nghiên cứu về phương pháp thiết kế bộ sản phẩm đồ họa thông qua ngôn ngữ nghệ thuật, các yếu tố tạo hình, xây dựng ý tưởng và áp dụng nghệ thuật cho đối tượng thiết kế. Trang bị những kiến thức cơ bản về thiết kế hệ thống đồ họa văn phòng: profile, card visit, letter head, giấy tờ giao dịch văn phòng; những đặc điểm cơ bản và yêu cầu thiết kế mỗi sản phẩm có tính độc lập và đồng bộ của các sản phẩm đồ họa văn phòng Môn học giúp SV phân biệt được chức năng và thẩm mỹ của từng loại thiết kế đồ họa có giải pháp chuyển tải thông tin một cách hữu hiệu,	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		<p>nhưng vẫn đảm bảo tính đồng bộ.</p> <p>Môn học giúp sinh viên nắm bắt được hệ thống bộ nhận diện thương hiệu của công ty</p> <p>Trang bị những kiến thức cơ bản về xây dựng ý tưởng và thiết lập các giải pháp thiết kế cho các sản phẩm cụm bài quảng cáo đồ họa thương mại.</p> <p>Giúp sinh viên xây dựng ý tưởng thiết kế cho đơn vị thương mại. Thể hiện sáng tác đầy đủ bộ quảng cáo từ: Logo, bộ văn phòng, bao bì, Catalogue, Brochure, Áp phích,....</p> <p>Là học phần tổng hợp kiến thức chuyên ngành thiết kế đồ họa để xây dựng và thiết kế các sản phẩm cần thiết cho đơn vị được chọn.</p>			
161.	Phát triển ý tưởng	<p>Xây dựng ý tưởng Thiết kế trang trí</p> <p>Làm rõ các quá trình phát triển liên kết các ý tưởng , tính đồng bộ của thiết kế , giá trị thẩm mỹ trong liên kết của hệ thống quảng bá sản phẩm, thương hiệu sản phẩm.</p> <p>Hướng phát triển ban đầu, viết thuyết minh phân xây dựng ý tưởng</p> <p>Diễn giải các giai đoạn phát triển của ý tưởng kèm theo minh họa</p> <p>Hướng dẫn quá trình chuyển đổi từ tư duy ngôn ngữ , sang tư duy hình thể</p> <p>Xây dựng ý tưởng, Thiết kế hệ thống trang trí đồng bộ cho một sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân hiệu</li> <li>- Bao bì</li> <li>- Tờ rơi ,</li> <li>- Áp phích quảng cáo</li> </ul> <p>Xây dựng , hoàn thiện, phát triển ý tưởng bộ nhận diện thương hiệu cho sản phẩm (hoàn thiện tiểu luận)</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
162.	Vẽ kỹ thuật	<p>Học phần vẽ kỹ thuật là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các tiêu chuẩn Việt Nam về bản vẽ kỹ thuật, đồ thức, bản vẽ hình chiếu trục đo, bản vẽ chi tiết, những quy ước biểu diễn các chi tiết thiết kế tiêu chuẩn, đọc, hiểu và vẽ bóc tách các chi tiết từ một số bản vẽ thông dụng.</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
163.	Đồ họa vi tính	<p>Môn học Đồ họa vi tính cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy

	(SPMT)	lý phần mềm đồ họa vi tính Corel Draw, Photoshop, Illustrator - phương tiện hỗ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Corel Draw, Photoshop, Illustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến...thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm.			đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
164.	Đồ họa vi tính 1 ( <i>Photoshop, Corel, Illustrator</i> )	Môn học Đồ họa vi tính cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Corel Draw, Photoshop, Illustrator - phương tiện hỗ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Corel Draw, Photoshop, Illustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến...thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
165.	Nghệ thuật chữ	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về lý luận thiết kế tạo dáng các kiểu chữ, nghệ thuật sử dụng chữ. Phương pháp luyện nét, luyện mảng, sử dụng màu, xử lý đậm nhạt, xử lý không gian. Phương pháp phân tách mảng, cách điệu chữ. Học phần này giúp cho Sinh viên hiểu và nắm bắt được sự ra đời và phát triển của các dạng chữ cơ bản và ứng dụng chữ La tinh vào các lĩnh vực của đời sống xã hội và các môn chuyên ngành mỹ thuật ứng dụng. Nâng cao sự hiểu biết, góp phần tạo dựng những nền tảng hiểu biết cơ bản của nghệ thuật chữ, giáo dục thẩm mỹ cho cộng đồng xã hội. Nắm được sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ và chữ viết. Nắm được cấu trúc của hai kiểu chữ cơ bản nhất và sự biến hoá của chữ viết để từ đó ứng dụng một cách linh hoạt, sáng tạo trong những mô hình, kích thước, công việc cụ thể của trang trí đồ họa... Cung cấp cho sinh viên một số phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu về những điểm đặc trưng cơ bản của môn học. Trên cơ sở Trang bị kiến thức cho Sinh viên: Kết hợp các kiến thức về màu sắc nhằm sử dụng sáng tạo, linh hoạt các kiến thức này trong công việc sáng tác, thiết kế được tốt, đảm bảo được các yêu cầu về thẩm mỹ tạo hình	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

166.	Đồ họa ảnh	<p>Môn học giúp sinh viên hiểu được các kỹ thuật chụp ảnh cơ bản, phương pháp tạo hình cho người mẫu, cách lấy sắc độ, ánh sáng, xử lý ảnh... phục vụ cho việc chụp ảnh theo các chủ đề khác nhau như: cuộc sống đời thường, Studio, ảnh nghệ thuật, sáng tác... và thực hiện bộ ảnh trình bày các mẫu trang phục. Đây là môn học giúp người học phát triển kỹ năng hỗ trợ cho việc thực hiện tư liệu sáng tác, tư liệu giảng dạy..</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp sinh viên nắm vững qui luật về bố cục, màu sắc, và các nguyên lý cơ bản về màu. Kỹ thuật xử lý trên máy ảnh, trên phần mềm đồ họa</li> <li>- Dựa trên hệ thống nhận thức các nguyên lý của hệ thống lý thuyết, học viên sẽ thể hiện những bài tập về sáng tác ảnh nghệ thuật năng sử dụng phần mềm.</li> </ul>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
167.	Thiết kế giao diện Website	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về Internet và Thiết kế mỹ thuật giao diện Website.</li> <li>- Môn học giới thiệu cho sinh viên một số công cụ được sử dụng trong quá trình thiết kế Website, tạo điều kiện cho sinh mở rộng nhận thức, nâng cao thẩm mỹ. Có thái độ tích cực trong việc vận dụng kiến thức trong thiết kế đồ họa. Hứng thú, say mê trong sáng tạo nghệ thuật.</li> </ul>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
168.	Ký họa	<p>Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu ký họa bằng chất liệu Chì đen. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu, Trọng tâm của tín chỉ này là kỹ năng vẽ ký họa phong cảnh và nhóm người bằng chất liệu Chì đen</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
169.	Thiết kế gian hàng, triển lãm hội chợ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học phần đề cập tới các vấn đề: Tư duy, suy luận hình khối và yếu tố đồ họa sử dụng trong thiết kế triển lãm. Thiết kế của màu sắc và đồ họa ứng dụng cho công năng của triển lãm .</li> <li>- Mục tiêu cần đạt được về kiến thức và kỹ năng sau khi kết thúc học phần: Sau khi hoàn thành tốt học phần này sinh viên có khả năng suy luận và tư duy sáng tạo cho thiết kế các ứng dụng của chuyên ngành mình học. Thực hiện xử lý các phát sinh nảy sinh từ công việc.</li> </ul> <p>Hình thành, rèn luyện phương pháp xử lý các công việc theo nhóm và cách làm việc độc lập</p> <p>Bồi dưỡng năng lực tư duy về cách xây dựng ý tưởng thiết kế, rèn luyện tính linh hoạt cho sinh viên, tạo tiền đề cho sự phát triển sáng tạo.</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

170.	Đồ họa vi tính 2 (AutoCad 3D)	<p>Học phần Đồ họa vi tính 2 là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phần mềm dựng mô hình 3D như Autocad, Sketchup...</p> <p>Đây là những phần mềm chuyên để dựng hình, mô phỏng các mô hình 3D... sinh viên có thể sử dụng phần mềm SketchUp để thiết kế các mô hình 2D, 3D và tạo các khối hình học đa dạng từ cơ bản đến phức tạp.</p>	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
171.	Sáng tác Tranh trở giấy	<p>Học phần SÁNG TÁC TRANH TRỞ GIẤY, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về sáng tác Tranh trở giấy (Nghệ thuật cắt giấy đa số được sử dụng phục vụ cho các hoạt động tín ngưỡng như đuôi tà ma, thờ cúng. Trong các dịp lễ tết, thờ cúng tổ tiên, chúc thọ, đám cưới dùng các hình vẽ giấy cắt như phượng, rồng, chữ song hi, uyên ương... sẽ mang lại may mắn, bình an. Bên cạnh đó nghệ thuật trở giấy còn được sử dụng như vật trang trí mang tính độc đáo).</p> <p>Đề tài của tranh trở giấy thường là hoa lá, cỏ cây, muông thú, côn trùng... được cô đọng và giản lược để diễn hình hóa qua nét trở.</p> <p>Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: khéo léo sử dụng dụng cụ cắt, trở giấy. Ngoài ra trong chương trình học cũng lồng ghép kỹ năng ứng dụng các sản phẩm sáng tạo vào nhu cầu thực tiễn sản phẩm tiêu dùng và trang trí làm đẹp không gian nội ngoại thất</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
172.	Sơn mài		0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
173.	Bố cục Lựa	<p>Học phần Bố cục lựa giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu lựa. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu lựa. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.</p>	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

174.	Tranh đồ hoạ ấn loát	<p>Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần TRANH ĐỒ HOẠ ÁN LOÁT, giới thiệu khai quát về tranh in đồ họa nói chung và tranh in độc bản nói riêng. Những thuật ngữ và lịch sử phát triển tranh in độc bản trên thế giới cũng như ở Việt Nam.</p> <p>Hướng dẫn sinh viên hệ thống lý thuyết và thực hành về phương pháp, kỹ thuật và chất liệu của thể loại Tranh đồ hoạ ấn loát</p> <p>Giới thiệu một số quy chuẩn chung về cách trình bày và lưu giữ, bảo quản tác phẩm cũng như lưu ý về đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động trong không gian, địa điểm thực hành.</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
175.	Thiết kế công nghiệp cơ bản	<p>Học phần Thiết kế công nghiệp là một môn học nghiên cứu về sáng tác thiết kế mô hình đồ chơi, được ra đời trên nhu cầu thực tế của sinh viên ngành sư phạm nghệ thuật, nhằm phục vụ cho việc giảng dạy của sinh viên sau khi ra trường.</p> <p>Bằng sự sáng tạo của nghệ thuật tạo hình, ứng dụng vào các thiết kế mô hình đồ chơi giúp cho sinh viên được rèn luyện về thể chất và trí tuệ, kỹ năng... Ngoài ra thiết kế mô hình đồ chơi còn mang tính giáo dục nhân cách của con người - nhất là trẻ em trước những vấn đề ứng xử trong cuộc sống, giúp cho tập thể có được bầu không khí vui vẻ, thân ái, chia sẻ, đoàn kết...</p> <p>- Bồi dưỡng sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức về Nghệ thuật tạo hình vào việc lựa chọn, thiết kế, chế tạo và sử dụng đồ chơi - đồ dùng dạy học, tích cực và sáng tạo trong việc tìm kiếm các vật liệu đa dạng, chế tạo đồ chơi - đồ dùng dạy học đơn giản mang tính nghệ thuật, phù hợp với nội dung giáo dục, tạo môi trường giáo dục, phát huy tính tích cực cho trẻ em.</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
176.	Kiến trúc cơ bản	<p>Học phần Kiến trúc cơ bản là một môn học nghiên cứu về không gian kết hợp hài hoà và cân bằng giữa hai yếu tố mỹ thuật và kỹ thuật, được ra đời trên cơ sở tổng hợp những quy tắc về sự nhìn, nhằm phục vụ cho việc biểu đạt sắp xếp, bố trí không gian cho phù hợp với mục đích sử dụng và mang tính thẩm mỹ cao phục vụ nhu cầu đời sống xã hội</p> <p>Kiến trúc nhập môn cũng cung cấp cho sinh viên các khái niệm kiến thức về kiến trúc, các yếu tố tạo thành công trình kiến trúc, những lý thuyết cơ bản về không gian, kích thước, tỷ lệ... và cơ sở tạo hình kiến</p>	0	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>

		trúc. Giới thiệu qui trình làm việc, phương pháp nghiên cứu và tư duy sáng tạo của người kiến trúc sư, qua đó, giúp sinh viên hiểu, có kế hoạch học tập và định hướng được ngành nghề, có thêm kiến thức căn bản để tiếp tục học các môn học chuyên sâu			
177.	Thực tế nghề nghiệp	Thực tập nghề nghiệp hướng dẫn sinh viên phương pháp ghi chép, thu thập tư liệu trên tinh thần xây dựng cụm bài tốt nghiệp. Sinh viên sử dụng các thủ pháp như: ký họa chì, than, bút sắt, bột màu, màu nước,..qua khảo sát thực tế, lấy tư liệu. Thực tập nghề nghiệp hỗ trợ cho sinh viên rất nhiều trong quá trình xây dựng tài liệu thực tế bổ trợ cho những HP sau. Sinh viên có vốn tư liệu để thực hiện tác phẩm và khóa luận tốt nghiệp. Học phần thực tập tốt nghiệp phục vụ đặc lực trong môn sáng tác, mục tiêu là ghi chép thực tế để nhằm có nguồn tư liệu cho bài chuyên khoa cuối khóa.	0	4	
178.	Thực tập cuối khóa	Thực tập cuối khóa hướng dẫn sinh viên phương pháp ghi chép, thu thập tư liệu trên tinh thần xây dựng cụm bài tốt nghiệp. Sinh viên sử dụng các thủ pháp như: ký họa chì, than, bút sắt, bột màu, màu nước,..qua khảo sát thực tế, lấy tư liệu. Thực tập cuối khóa hỗ trợ cho sinh viên rất nhiều trong quá trình xây dựng tài liệu thực tế bổ trợ cho những HP sau. Sinh viên có vốn tư liệu để thực hiện tác phẩm và khóa luận tốt nghiệp. Học phần thực tập cuối khóa phục vụ đặc lực trong môn sáng tác, mục tiêu là ghi chép thực tế để nhằm có nguồn tư liệu cho bài chuyên khoa cuối khóa.	0	4	
179.	Đồ án tổng hợp	- Học phần Đồ án Tổng hợp là HP mang tính tổng hợp suốt quá trình học các HP chuyên ngành từ thiết kế, ý tưởng, phương pháp thể hiện các sản phẩm. Triển khai thực hành thực tập, thể nghiệm, xây dựng và hoàn thành đồ án tốt nghiệp, SV có thể lựa chọn các sản phẩm thuộc chuyên ngành để xây dựng bào tập đồ án như: + Thiết kế đồ họa cho một nhóm sản phẩm, Xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu cho sản phẩm trên 3 ấn phẩm: Logo, Bao bì, .....và quảng cáo; Sáng tác bộ Lịch, Bìa sách; minh họa, tranh khắc... + Giúp sinh viên trình bày các ý tưởng và bảo vệ các ý tưởng sáng tác của mình.	0	4	

VIII	Bộ môn Du lịch				
180.	Tổng quan du lịch	<p>Học phần cung cấp các nội dung kiến thức về du lịch: lịch sử hình thành phát triển du lịch, các quan niệm, khái niệm về du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, các yếu tố cấu thành ngành công nghiệp du lịch cũng như nhu cầu, động cơ loại hình, sản phẩm và tình mùa vụ trong du lịch, những đặc điểm trong lao động ngành du lịch cũng như tác động của du lịch đến các lĩnh vực trong xã hội. Đây là những nội dung cơ bản giúp sinh viên hiểu và nắm vững những hiểu biết căn bản về du lịch cũng như ngành du lịch. Mặt khác, học phần cũng giúp sinh viên hiểu và có định hướng rõ hơn trong học tập của bản thân để đạt được yêu cầu sau tốt nghiệp.</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
181.	Văn hóa Du lịch	<p>Học phần cung cấp các nội dung kiến thức về văn hóa du lịch, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa trong phát triển du lịch; những nguyên tắc tổ chức, quản lý và khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch trong bối cảnh hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch theo hướng bền vững.</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
182.	Địa lý du lịch Việt Nam	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cốt lõi của Địa lý du lịch Việt Nam, đó là: tổ chức không gian lãnh thổ du lịch (các vùng du lịch ở Việt Nam), phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch (các yếu tố tài nguyên du lịch, các nhân tố kinh tế xã hội và chính trị, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật); các quan điểm</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p>

		về tổ chức lãnh thổ du lịch, hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch, nghiên cứu các chỉ tiêu phát triển du lịch.			+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
183.	Di tích và danh thắng Việt Nam	Học phần cung cấp các nội dung kiến thức về Di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh ở Việt Nam; vấn đề khai thác giá trị của các di tích – danh thắng phục vụ cho hoạt động du lịch; phương pháp viết bài thuyết minh và trình bày bài thuyết minh về di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh ở Việt Nam. Học phần Di tích và danh thắng Việt Nam góp phần tạo nên kiến thức nền tảng trong khoa học nghiên cứu về di sản ở Việt Nam cũng như phục vụ thiết thực cho hoạt động du lịch của người học sau khi tốt nghiệp.	2	1	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
184.	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	Tuyến điểm du lịch là học phần chuyên ngành quan trọng đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị Du lịch, Hướng dẫn du lịch và Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp tiếp cận, nghiên cứu lý thuyết về tuyến, điểm du lịch; những kiến thức về địa lý, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của các điểm, tuyến điểm, vùng du lịch Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể áp dụng các kiến thức và kỹ năng vào thực tế trong nghề hướng dẫn viên du lịch cũng như hỗ trợ cho môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thiết kế chương trình tour du lịch và xây dựng tuyến điểm du lịch.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
185.	Tâm lý khách du	Tâm lý học du lịch là một khoa học ứng dụng kiến thức tâm lý học	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b>

	lịch	vào lĩnh vực kinh doanh du lịch. Học phần này hệ thống hóa những kiến thức cơ bản, phổ biến về tâm lý khách du lịch, những hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến khách du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong tiêu dùng du lịch về nhu cầu, sở thích, tâm trạng, động cơ, hứng thú, hành vi tiêu dùng du lịch. Nghiên cứu đặc trưng trong tâm lý khi đi du lịch của du khách ở các châu lục, quốc gia, vùng lãnh thổ.... Trên cơ sở những hiểu biết tâm lý du khách, học phần góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật giao tiếp cho phù hợp với đặc điểm tâm lý từng loại du khách.			(trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
186.	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về các hoạt động hoạt náo trong du lịch trong đó tập trung xây dựng kiến thức về hoạt động hoạt náo trên phương tiện vận chuyên, tổ chức teambuilding, gala. Học phần cũng cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức hoạt náo trên xe, tổ chức các hoạt động teambuilding trong nhà và ngoài trời.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
187.	Văn hóa ẩm thực	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về văn hóa ẩm thực nói chung trên thế giới; văn hóa ẩm thực Việt Nam nói riêng; một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng đối với du lịch Việt Nam; ẩm thực và tôn giáo. Từ đó người học có được khả năng tìm hiểu, nghiên cứu về ẩm thực, văn hóa ẩm thực và đề xuất ý kiến thỏa đáng trong việc nâng cao giá trị ẩm thực, văn hóa ẩm thực; sáng tạo cách chế biến tạo ra sản phẩm ẩm thực có giá trị.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
188.	Du lịch bền vững	Học phần Du lịch bền vững được cấu trúc thành những nội dung chính	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b>

		<p>như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan về Du lịch bền vững: khái niệm, nguyên tắc, chính sách... của du lịch bền vững, các biện pháp nhằm “xanh hóa” hoạt động du lịch thương mại theo hướng bền vững và các phương pháp đánh giá Du lịch bền vững</li> <li>- Các công thức tính sự phát triển du lịch bền vững như: vòng đời của điểm du lịch, sức chứa, các phương pháp tăng tính hấp dẫn của điểm du lịch</li> <li>- Các loại hình, mô hình Du lịch bền vững và việc lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững.</li> </ul>			<p>(trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
189.	Du lịch văn hóa	<p>Học cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về khái niệm, vị trí, vai trò, đặc điểm, nhiệm vụ; cũng như các nguyên tắc xây dựng du lịch văn hóa. Đồng thời hiểu được các điều kiện phân Du lịch văn hoá để phát triển du lịch văn hóa. Bên cạnh đó nhận biết được các giá trị của văn hoá trong du lịch, các giá trị văn hoá bản địa và nhân loại để có được các sản phẩm du lịch văn hoá có sức hấp dẫn cao. Từ đó khai thác các sản phẩm du lịch văn hoá theo các chương trình du lịch, vận dụng các kiến thức về văn hoá du lịch vào trong quá trình hoạt động du lịch văn hoá ở các địa phương gắn với phát triển du lịch bền vững.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
190.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch	<p>Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành du lịch, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng văn bản, cách tổ chức, phân tích tổng hợp dữ liệu, cách sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong hoạt động du lịch, lễ hành. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ trên Internet cho các nghiệp vụ du lịch và lễ hành: Tìm tour, so sánh các tour, tìm kiếm địa điểm, đường đi...</p>	1	1	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>

191.	Lễ tân ngoại giao	<p>Học phần Lễ tân ngoại giao thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch). Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các nghi thức ngoại giao, lễ tân nhà nước (đối nội và đối ngoại), lễ tân ngoại giao trong hoạt động đối ngoại. Trên cơ sở đó đi sâu vào việc nghiên cứu các nghiệp vụ chủ yếu trong lễ tân ngoại giao như: nghiệp vụ như đón tiếp đoàn khách nước ngoài, Tổ chức sự kiện ngoại giao, Tiệc chiêu đãi ngoại giao. Giúp người học có thể tự nghiên cứu và ứng dụng dụng vào lĩnh vực du lịch - ngành đặc biệt liên quan nhiều đến công tác đối ngoại/có yếu tố nước ngoài, định hướng và phát triển nghề nghiệp chuyên môn.</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
192.	Văn hóa giao tiếp	<p>Học phần văn hóa giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung về giao tiếp và văn hóa giao tiếp, ứng xử. Các kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng viết, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, cách sử dụng ngôn ngữ trong thuyết minh tại điểm du lịch và trong các hoạt động du lịch. Những đặc trưng trong văn hóa giao tiếp của người Việt; vai trò của giao tiếp, ứng xử đối với người làm du lịch; những nguyên tắc và phương thức giao tiếp, ứng xử giữa nhân viên ngành du lịch với du khách. Trên cơ sở đó sinh viên thực hành các kỹ năng giao tiếp qua đó hình thành những kỹ năng giao tiếp phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai.</p>	1	2	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
193.	Kinh doanh du lịch trực tuyến	<p>Học phần Kinh doanh Du lịch trực tuyến được cấu trúc thành những nội dung chính như sau:  - Tổng quan về Kinh doanh du lịch trực tuyến: khái niệm, đặc điểm, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh du lịch trực tuyến, xu hướng của hoạt động kinh doanh du lịch trực tuyến hiện nay...  - Môi trường vĩ mô trong kinh doanh du lịch trực tuyến: môi trường kinh tế, môi trường chính trị, môi trường văn hoá, môi trường xã hội, môi trường kỹ thuật công nghệ  - Môi trường vi mô trong kinh doanh du lịch trực tuyến: đối thủ cạnh tranh, các nhà cung cấp, khách hàng, sản phẩm</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học</p>

		- Môi trường kinh doanh nội bộ: tài chính, nhân sự, uy tín, thương hiệu			phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
194.	Du lịch cộng đồng	Học phần Du lịch cộng đồng (DLCĐ) nghiên cứu những kiến thức cơ bản về Du lịch cộng đồng và homestay như khái niệm Du lịch cộng đồng, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCĐ đến kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay. Đặc biệt, học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình DLCĐ, tổ chức kinh doanh du lịch hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những bài học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCĐ tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
195.	Nghiệp vụ thuyết minh tại điểm	Học phần cung cấp các nội dung kiến thức về nghiệp vụ thuyết minh du lịch và thuyết minh viên du lịch: khái niệm, quy trình làm việc, yêu cầu cơ bản cung cấp những kiến thức cần có của thuyết minh viên du lịch. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần có của thuyết minh viên du lịch: những kỹ năng thuyết minh du lịch, kỹ năng và phương pháp thuyết minh tại điểm, kỹ năng ứng xử đúng mực trong quá trình tác nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống trong thuyết minh.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
196.	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kỹ năng nghề nghiệp cũng như quy trình tổ chức hướng dẫn khách du lịch theo hình thức tổ chức chuyên đi, phương pháp dẫn tuyến, phương pháp trả lời câu hỏi, đối thoại với khách, phương pháp xử lý tình huống, phong cách hướng dẫn. Học phần cũng trang bị những kỹ năng nghề nghiệp như quy trình tổ chức hướng dẫn khách du lịch theo hình thức tổ chức chuyên đi	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
197.	Quản lý Nhà nước về du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề liên quan đến việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, trong đó tập trung vào một số vấn đề:	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó

		vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch và những nội dung quản lý nhà nước về du lịch, nhất là quản lý nhà nước về du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.			gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
198.	Tổ chức hoạt động hoạt náo	Học phần cung cấp cho người học hệ thống tổng quan kiến thức về hoạt náo tập thể. Học phần cũng cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức tổ chức các hoạt động hoạt náo trong nhà và ngoài trời và cách giải quyết các tình huống khi tổ chức hoạt động tập thể cho trẻ hay kỹ năng sống cho trẻ	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
199.	Thực tế nghề nghiệp 1 (Thực tế miền Bắc)	Học phần thực tế nghề nghiệp 1 giúp sinh viên thâm nhập thực tế, giới thiệu cho sinh viên cách xây dựng bài thuyết minh, quy trình thực hiện chuyến tham quan của hướng dẫn viên, hướng dẫn du khách khi di chuyển bằng phương tiện hay tại điểm du lịch, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý đoàn khách và thái độ phục vụ chuyên nghiệp	0	2	
200.	Thực tế nghề nghiệp 2 (Thực tế miền Nam)	Học phần thực tế nghề nghiệp 2 giúp sinh viên thâm nhập thực tế các vùng du lịch phía Nam, sinh viên được thực hành các kỹ năng nghề nghiệp: cách xây dựng bài thuyết minh và thuyết minh các điểm du lịch, tuyến du lịch, hướng dẫn khách du lịch trên xe, kỹ năng hoạt náo, kỹ năng thiết kế chương trình du lịch.	0	2	
201.	Thực tế nghề nghiệp		0	2	
202.	Thực tập doanh nghiệp 1	Học phần thực tế doanh nghiệp 1 là học phần giúp sinh viên thực tập nhận thức nghề nghiệp, thâm nhập thực tế tại đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, bước đầu tìm hiểu các kiến thức cơ bản: Tìm hiểu về ngành Du	0	2	

		lịch và cơ hội việc làm trong ngành; cách thức tổ chức hoạt của các bộ phận tại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành; tham gia các chương trình du lịch trọn gói của doanh nghiệp.			
203.	Thực tập doanh nghiệp 2	Học phần thực tế doanh nghiệp 2 là học phần giúp sinh viên tham gia thực tập tại doanh nghiệp du lịch lữ hành, hiểu rõ cách thức tổ chức hoạt động của các bộ phận tại doanh nghiệp Du lịch; tham gia các chương trình du lịch trọn gói của doanh nghiệp; nâng cao nhận thức về ngành Du lịch và cơ hội việc làm trong ngành	0	2	
204.	Thực tập tốt nghiệp	Học phần thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên được tham gia thực tập tại doanh nghiệp du lịch lữ hành, tiếp cận nghề nghiệp nhằm tiếp cận được các kiến thức cơ bản: Nắm vững cách thức tổ chức hoạt động của các bộ phận tại doanh nghiệp Du lịch; tham gia tổ chức các chương trình du lịch trọn gói của doanh nghiệp.	0	7	
205.	Báo cáo tốt nghiệp	Học phần giúp cho người học củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học để viết báo cáo và thực hiện báo cáo những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong quản trị du lịch, hướng dẫn du lịch	0	3	
<b>XI</b>	<b>Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</b>				
206.	Quản trị học	Học phần Quản trị học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản trị Khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cũng như việc vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát). Học phần cũng cập nhật một số vấn đề mới về quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột của tổ chức	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
207.	Marketing Du lịch	Marketing du lịch là học phần cung cấp những kiến thức căn bản nhất về Marketing, vai trò của Marketing trong doanh nghiệp kinh doanh du	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó

		<p>lich, xu hướng của hoạt động marketing trong xu thế toàn cầu hóa. Học phần marketing du lịch cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về môi trường hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích về hành vi mua sắm - tiêu dùng sản phẩm hàng hóa dịch vụ; có được kiến thức về hoạt động phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng đồng thời giúp người học nắm bắt được các phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing.</p>			<p>gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
208.	Kinh tế du lịch	<p>Kinh tế du lịch là một môn học thuộc khối cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị Khách sạn, Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Du lịch. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hoạt động du lịch dưới góc độ kinh tế như: Tổng quan về ngành kinh tế du lịch; Cung cầu và thị trường du lịch; Điều kiện phát triển du lịch; Tính thời vụ trong Du lịch, Lao động du lịch, Cơ sở vật chất kỹ thuật Du lịch; Chất lượng dịch vụ du lịch và Hiệu quả kinh tế trong du lịch. Trên cơ sở đó sinh viên có thể hiểu rõ bản chất và rút ra được các quy luật hoặc tính quy luật vận động của các hiện tượng và các quan hệ kinh tế trong phạm vi ngành, có cái nhìn tổng thể về ngành du lịch của một quốc gia dưới góc độ kinh tế. Từ đó đi sâu nghiên cứu ngành du lịch với tính chất của một hệ thống mở, hệ thống du lịch dưới góc độ kinh tế bao gồm nhiều yếu tố cấu thành, có mối liên hệ bên trong cũng như bên ngoài hệ thống với các yếu tố môi trường. Giúp người học có được tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định các vấn đề kinh tế mang tính chiến lược trong phạm vi ngành.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
209.	Quản trị dịch vụ	<p>Học phần Quản trị dịch vụ là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Khái quát về quản trị dịch vụ, quản trị các nguồn lực dịch vụ, quản trị cầu dịch vụ, quản trị quá trình cung ứng dịch vụ, quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng</p>

					<p>số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
210.	Quản trị chất lượng dịch vụ	<p>Học phần QTCLDV là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về QTCLDV; thiết kế, đánh giá và quản trị lỗi hỏng CLDV; hệ thống phân phát dịch vụ; nhân tố con người trong QTCLDV và sự tin cậy của dịch vụ; đảm bảo và cải tiến CLDV và tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng trong tổ chức, doanh nghiệp.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
211.	Quản trị nhân lực du lịch	<p>Học phần Quản trị nhân lực là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>Nội dung học phần bao gồm: 7 chương. Chương đầu tiên giới thiệu khái quát về quản trị nguồn nhân lực, các chương còn lại tương ứng với ba nhóm chức năng quan trọng nhất của quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức: thu hút, đào tạo và phát triển và duy trì nguồn nhân lực.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p>

					- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
212.	Quản trị kinh doanh lữ hành	Học phần Quản trị kinh doanh lữ hành là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Khái quát về quản trị kinh doanh lữ hành, nội dung cơ bản của kinh doanh lữ hành, cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực của doanh nghiệp lữ hành, quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành, tổ chức kinh doanh của đại lý lữ hành, xây dựng chương trình du lịch, tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện chương trình du lịch, hiệu quả kinh doanh chương trình du lịch; môi trường kinh doanh và chiến lược, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành	3	0	- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
213.	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về xây dựng lịch trình chi tiết cho các tour du lịch; xây dựng phương án vận chuyển, lưu trú, ăn uống cho tour du lịch; xây dựng giá thành và giá bán của tour du lịch; giới thiệu các bước để điều hành, tổ chức, thực hiện tour du lịch; tổ chức đặt các yêu cầu về dịch vụ của tour du lịch; theo dõi cập nhật thông tin và xử lý tình huống trong quá trình tour du lịch diễn ra.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
214.	Quản trị thương hiệu	Học phần QTTH là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung học phần bao gồm: Cung cấp những vấn đề như khái niệm về thương hiệu, vai trò chức năng của thương hiệu, các mô hình, chiến lược thương hiệu; thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu. Kiến thức cốt lõi cần đạt được	3	0	- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;

					- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
215.	Quản trị điểm đến du lịch	Học phần Quản trị điểm đến du lịch là học phần cung cấp kiến thức: khái quát về điểm đến du lịch, tổ chức quản trị điểm đến du lịch và các nội dung quản trị điểm đến du lịch, chiến lược và quy hoạch phát triển điểm đến du lịch, marketing điểm đến du lịch và chất lượng điểm đến du lịch.	3	0	- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
216.	Thực tế nghề nghiệp 1	Học phần giúp người học bước đầu làm quen, tìm hiểu quy trình quản trị, điều hành và thực hiện chương trình du lịch, quy trình hoạt động của bộ máy quản lý và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch – khách sạn, trung tâm du lịch - dịch vụ sự kiện. Làm quen với các kỹ năng thiết kế và điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch, hoạt náo viên... giúp định hình được kỹ năng nghề nghiệp cho người học.	0	2	
217.	Thực tế nghề nghiệp 2	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành chương trình du lịch, quy trình hoạt động của bộ máy quản lý và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch – khách sạn, trung tâm du lịch - dịch vụ sự kiện. Thực hành các kỹ năng thiết kế và điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch, hoạt náo viên...trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	2	
218.	Thực tế chuyên ngành		0	2	
219.	Thực tập Doanh nghiệp 1	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành chương trình du lịch, quy trình hoạt động của bộ máy quản lý và	0	2	

		chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch – khách sạn, trung tâm du lịch - dịch vụ sự kiện. Thực hành các kỹ năng thiết kế và điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch, hoạt náo viên, Tổ chức, quản lý, điều hành chương trình du lịch...trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.			
220.	Thực tập Doanh nghiệp 2	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành chương trình du lịch, quy trình hoạt động của bộ máy quản lý và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch – khách sạn, trung tâm du lịch - dịch vụ sự kiện. Thực hành các kỹ năng thiết kế và điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch, hoạt náo viên, Tổ chức, quản lý, điều hành chương trình du lịch...trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	2	
221.	Thực tập tốt nghiệp	- Tổ chức cho người học thâm nhập thực tế nhằm nâng cao chuyên môn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Qua đợt thực tập, người học được thu thập, tích lũy thêm tư liệu, kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực quản lý và điều hành chương trình du lịch. - củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học trong chương trình đào tạo.	0	6	
222.	Báo cáo tốt nghiệp	- Học phần cung cấp cho người học khả năng củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học để viết báo cáo và thực hiện báo cáo những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực quản lý và điều hành chương trình du lịch.	0	3	
<b>X</b>	<b>Bộ môn Quản trị khách sạn</b>				
223.	Kinh tế vi mô	Học phần Kinh tế vi mô cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về nền kinh tế thị trường: Cung – Cầu và sự tương tác giữa Cung – Cầu trên thị trường, Giá cả hàng hóa, dịch vụ và sự điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; đi sâu phân tích hành vi người tiêu dùng, hành vi nhà sản xuất; thị trường cạnh tranh và độc quyền; và nghiên cứu về thị trường các yếu tố sản xuất.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần,

					chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
224.	Nguyên lý kế toán	Học phần Nguyên lý kế toán là nền tảng, cơ sở quan trọng của khoa học kế toán nói riêng và khoa học quản lý kinh tế nói chung. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về kế toán; vai trò của kế toán trong việc thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp các thông tin cho các nhà quản lý trong và ngoài doanh nghiệp; các phương pháp quản lý tài sản, nguồn vốn cũng như theo dõi sự biến động của tài sản trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp; quy trình tính giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
225.	Thương mại điện tử căn bản	Học phần Giao dịch và đàm phán trong kinh là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung của học phần bao gồm những khái niệm cơ bản, kết cấu hạ tầng, phương thức thực hiện thương mại điện tử, các thành phần cấu thành của hoạt động thương mại điện tử. Phân loại các mô hình thương mại điện tử, các hoạt động giao dịch, các rủi ro khi trong thương mại điện tử. Các ứng dụng của thương mại điện tử cho doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch kinh doanh điện tử, và thực hiện hiện kế hoạch kinh doanh TMĐT. Marketing thông qua TMĐT và các ứng dụng khác của TMĐT	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).

226.	Thanh toán quốc tế trong du lịch	<p>Học phần Thanh toán quốc tế trong du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái và cách chuyên đổi tiền tệ giữa các quốc gia trong hoạt động ngoại thương nói chung và kinh doanh du lịch quốc tế nói riêng; Cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế trong hoạt động du lịch như: séc du lịch, thẻ thanh toán, phiếu du lịch; các phương thức thanh toán quốc tế trong du lịch như: phương thức chuyển tiền, phương thức ghi sổ, phương thức nhờ thu</p>	2	1	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
227.	Tổng quan khách sạn	<p>Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về hệ thống cơ sở lưu trú trong hoạt động du lịch như: khái niệm, nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, chức năng – nhiệm vụ, vai trò của hệ thống cơ sở lưu trú; phân loại các hoạt động cơ bản, cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở lưu trú..Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của hoạt động khách sạn: cơ cấu, mô hình, sản phẩm</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
228.	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	<p>Học phần Giao dịch và đàm phán trong kinh là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về giao dịch và đàm phán trong kinh doanh. Khái quát chung về những vấn đề cơ bản trong giao dịch kinh doanh. Nghiên cứu các kỹ năng trong giao dịch kinh doanh. Khát quát chung về đàm phán và giao dịch trong kinh doanh. Nghiên cứu các việc</p>	2	1	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng</p>

		tổ chức đàm phán và giao dịch trong kinh doanh. Nghiên cứu và vận dụng kỹ năng để giải quyết thế lưỡng trong đàm phán giao dịch			số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
229.	Quản trị kinh doanh khách sạn	Học phần bao gồm cơ sở lý luận về kinh doanh khách sạn, các thành phần cấu thành của hoạt động kinh doanh khách sạn, các chức năng quản trị kinh doanh của khách sạn. Nội dung của công tác tổ chức hoạt động kinh doanh các dịch vụ cơ bản của khách sạn được đề cập khá rõ nét, giúp các nhà quản lý hiểu rõ và vận hành khách sạn một cách hiệu quả. Lịch sử hình thành và phát triển của hoạt động kinh doanh khách sạn và các xu hướng phát triển của hoạt động kinh doanh khách sạn trên thế giới cùng với những ý nghĩa to lớn của hoạt động kinh doanh khách sạn về kinh tế và xã hội.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
230.	Quản trị lễ tân khách sạn	Học phần Quản trị lễ tân khách sạn là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Ngành Quản trị khách sạn. Nội dung học phần bao gồm: Trang bị cho người học các kiến thức: Tổng quan về bộ phận lễ tân khách sạn, Quản trị đặt buồng khách sạn, Quản trị đăng ký khách sạn, Quản trị cung ứng dịch vụ khách sạn trong thời gian khách lưu trú tại Khách sạn, Quản trị thanh toán cho khách trả buồng rời khách sạn, Thực hành các kỹ năng thao tác nghiệp vụ của nhân viên lễ tân khách sạn như: Kỹ năng đặt buồng, kỹ năng làm thủ tục đăng ký khách sạn, Kỹ năng cung ứng dịch vụ trong thời gian khách lưu trú tại khách sạn, Kỹ năng làm thanh toán và tiễn khách.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
231.	Quản trị buồng khách sạn	Với mục tiêu theo hướng có thể cập nhật những thông tin và kỹ thuật quản lý khách sạn hiện đại, tập bài giảng tập trung vào những kiến thức	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm

		quản trị bộ phận buồng, các nghiệp vụ, quy trình, biểu mẫu, tình huống trong bộ phận buồng.			trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
232.	Quản trị chế biến món ăn	Học phần Quản trị chế biến món ăn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ chế biến món ăn trong khách sạn, trên cơ sở đó nghiên cứu sâu về công tác quản trị nhân sự trong bộ phận chế biến món ăn, kiến thức trong xây dựng thực đơn, kiến thức quản trị cơ sở vật chất; các kiến thức trong lựa chọn nguyên liệu thực phẩm trong chế biến món ăn, các phương pháp chế biến món ăn và thực hành món ăn Á, Âu.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
233.	Quản trị nhà hàng	Học phần Quản trị Nhà hàng là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Ngành Quản trị khách sạn. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về kinh doanh nhà hàng; Sức khỏe, vệ sinh an toàn tại nơi làm việc; Quản trị kỹ năng bán hàng trong nhà hàng; Quản trị các hoạt động phục vụ tại nhà hàng ; Quản trị các hoạt động khác tại nhà hàng; Tính chi phí thực phẩm và giá bán; Thực hành các kỹ năng thao tác nghiệp vụ Nhà hàng như: Kỹ năng chuẩn bị trước cho một ca làm việc, Kỹ năng kê xếp bàn ghế, trải khăn bàn, gấp khăn ăn trang trí bàn tiệc, Kỹ năng set up bàn ăn Á, Âu, Kỹ năng chào đón khách giới thiệu thực đơn và lấy yêu cầu, Kỹ năng bung đưa gấp rót phục vụ khách, Kỹ năng làm thanh toán, tiễn khách và thu dọn dụng cụ.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
234.	An ninh khách sạn	Nội dung học phần bao gồm: tổ chức hoạt động của bộ phận an ninh khách sạn; nghiệp vụ tuần tra, xử lý các tình huống của bộ phận an ninh; nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và đối phó với hỏa hoạn trong khách sạn; nghiệp vụ kiểm soát vào ra, kiểm soát chìa khóa, nhà kho và rác thải khách sạn.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;

					- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
235.	Quản trị khu Resort	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về khu resort trong hoạt động du lịch như: khái niệm, nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, chức năng – nhiệm vụ, vai trò của hệ thống cơ sở lưu trú; các hoạt động cơ bản, cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở lưu trú... Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và thực hành trong quản lý các hoạt động của các bộ phận tiền sảnh, bộ phận buồng, nhà hàng.. và các hoạt động của dịch vụ bổ sung.	1	1	
236.	Quản trị Bar và đồ uống		1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
237.	Quản trị du lịch MICE	Học phần “Quản trị MICE” là một trong những môn bắt buộc thuộc hệ thống kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị Lữ hành. Với thời lượng là 45 tiết, học phần sẽ đề cập tới những nội dung cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>•Các khái niệm cơ bản của quản trị MICE và các bước xây dựng một sự kiện nói chung và một hội nghị, hội thảo nói riêng</li> <li>•Những yếu tố ảnh hưởng tới việc tổ chức và quản lý, vận hành một hội nghị, hội thảo thành công</li> <li>•Chương trình sự kiện, cách thức tiến hành kế hoạch marketing và bán dịch vụ MICE</li> <li>•Áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị MICE trong các khâu</li> </ul>	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
238.	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	Học phần quản trị cơ sở lưu trú du lịch bao gồm cơ sở lý luận và có sở thực tiễn về ngành lưu trú du lịch, các thành phần căn bản trong cơ sở lưu trú du lịch, các chức năng quản trị hoạt động của cơ sở lưu trú. Nội dung căn bản của học phần quản trị cơ sở lưu trú du lịch giúp các nhà quản trị, quản lý hiểu rõ được lịch sử hình thành phát triển của hoạt	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;

		động lưu trú, hiểu được các nội dung quản trị lưu trú và vận hành cơ sở lưu trú một cách hiệu quả.			+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
239.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị khách sạn	Học phần ứng dụng tin học trong quản trị khách sạn là học phần tự chọn trong khối kiến thức liên ngành, trong du lịch cung cấp cho sinh viên một số phần mềm trong quản lý khách sạn. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ trên Internet, sử dụng ứng dụng phần mềm cho các nghiệp vụ quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh khách sạn.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
240.	Thực tế nghề nghiệp 1 Internship 1	Học phần giúp người học bước đầu làm quen, tìm hiểu hoạt động kinh doanh khách sạn, các bộ phận cấu thành hoạt động kinh doanh khách sạn. Làm quen với các kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh khách sạn... giúp định hình được kỹ năng nghề nghiệp cho người học.	0	2	
241.	Thực tế nghề nghiệp 2 Internship 2	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh khách sạn. Thực hành các kỹ năng nghiệp vụ và quản lý các hoạt động nghiệp vụ...trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	2	
242.	Thực tập doanh nghiệp	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành các nghiệp vụ trong quản trị khách sạn. Thực hành các kỹ năng nghiệp vụ, Tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh khách sạn...trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	4	
243.	Thực tập tốt nghiệp Final internship	- Tổ chức cho người học thực hiện công việc và nghiệp vụ thực tế nhằm nâng cao chuyên môn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quản trị khách sạn. - Qua đợt thực tập, người học được thu thập, tích lũy thêm tư liệu, kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh khách sạn - Củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã	0	6	

		được học trong chương trình đào tạo.			
244.	Báo cáo tốt nghiệp	- Học phần cung cấp cho người học khả năng củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học để viết báo cáo và thực hiện báo cáo những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ và quản trị khách sạn	0	2	
<b>XI</b>	<b>Bộ môn Giáo dục thể chất</b>				
245.	Giáo dục thể chất	Môn học Giáo dục thể chất thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh sinh viên, trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, hoà đồng với mọi người.	0	5	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
246.	Quốc phòng – An ninh	SV học lấy chứng chỉ GDQP - AN tại cơ sở được đào tạo theo quy định	0	165t	
247.	Lý luận và phương pháp GDTC	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học Thể dục thể thao như khái niệm, vai trò của thể dục thể thao, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy ... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong thể dục thể thao	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
248.	Quản lý Thể dục thể thao	Quản lý thể dục thể thao là môn học cơ sở, chủ yếu trong chương trình đào tạo cử nhân ngành giáo dục thể chất. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý nhà nước và quản lý xã hội ở Việt Nam; quản lý thể dục thể thao; Phương pháp quản lý; hoạt	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập,

		động quản lý; chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam và quản lý công tác TDTT trong trường học. trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn quản lý công tác TDTT trong trường học các cấp.			chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
249.	Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp sức, nhảy xa) và phương pháp giảng dạy	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự ly trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự ly trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.	0	4	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
250.	Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ) và phương pháp giảng dạy	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực chung. Môn điền kinh 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn điền kinh.	0	4	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
251.	Công tác Đoàn – Đội và Trò chơi vận động	Học phần phương pháp giảng dạy công tác Đoàn – Đội là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm hỗ trợ phát triển thân thể. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về Công tác Đoàn – Đội như: Lịch sử hình thành và phát triển, mục đích, tính chất và nhiệm vụ, hệ thống tổ chức; các nghi thức, đội hình đội ngũ; Những hoạt động nghiệp vụ của Đoàn - Đội; Hoạt động ngoài	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		giờ lên lớp; nguồn gốc trò chơi vận động, đặc điểm, tác dụng, vai trò của trò chơi vận động trong hệ thống giáo dục; Biết tổ chức, sáng tác trò chơi vận động.			
252.	Thể dục và phương pháp giảng dạy	Phương pháp giảng dạy Thể dục là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
253.	Bóng đá và phương pháp giảng dạy	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
254.	Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy	Bóng chuyền là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, quản lý thể dục thể thao và huấn luyện thể thao ở nước ta. Nội dung môn học được chia làm 3 tín chỉ, mỗi tín chỉ chia làm 2 phần lý thuyết và thực hành. Tín chỉ 1 giới thiệu lịch sử phát triển môn bóng chuyền, phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản như các bước di chuyển, chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay, ngã nghiêng chuyên bóng; Tín chỉ 2 rèn luyện kỹ năng phát bóng thấp tay, phát bóng cao tay và nhảy phát. Thông qua môn học đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn cơ bản phục vụ cho công tác giảng dạy, tổ chức thi đấu và huấn luyện trong trường học các cấp, rèn luyện cho người học ý thức tự giác, tích cực, ý chí, nghị lực khắc phục khó khăn tự vươn lên. Tín chỉ 3 giới thiệu vai trò tác dụng của môn bóng chuyền, sự phát triển điển hình ở Việt Nam và thực hành rèn luyện	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		kỹ năng đập bóng.			
255.	Bóng bàn và phương pháp giảng dạy	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử môn học, vị trí và tác dụng của môn bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, phương pháp giảng dạy và huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu. Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật, chiến thuật; các bài tập phát triển thể lực chung, phương pháp tổ chức giảng dạy và huấn luyện bóng bàn, phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu. Ngoài ra, học phần còn giáo dục, giáo dưỡng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức tốt; nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
256.	Bóng rổ và phương pháp giảng dạy	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
257.	Cầu lông và phương pháp giảng dạy	Cầu lông thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Cầu lông trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
258.	Võ thuật và phương pháp giảng dạy	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật. Chương trình huấn luyện của môn võ thuật là nhấn mạnh vào tinh thần đoàn kết, tinh mạnh mẽ và kiên cường, Tuy nhiên điểm then chốt của môn võ thuật là sự triển khai tính đạo đức và giúp người tập phát triển	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là

		toàn diện về mọi mặt, phát triển toàn diện tố chất thể lực.			điểm của học phần thực hành.
259.	Aerobic và phương pháp giảng dạy	Aerobic là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung môn học bao gồm: Lý thuyết Aeroic; bảy bước cơ bản của Aerobic; Các tư thế cơ bản Aerobic; các nhóm động tác độ khó Aerobic; Bài Aerobic. Ngoài kiến thức cơ bản, môn học còn trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả môn học, phát triển năng lực tự học, tự rèn luyện, góp phần giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể, rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
260.	Đá cầu và phương pháp giảng dạy	Đá cầu được hình thành và phát triển từ những trò chơi dân gian dưới nhiều hình thức khác nhau mà mỗi địa phương, vùng dân cư trên đất nước Việt Nam có những hình thức, màu sắc đặc trưng riêng... Đá cầu có một quá trình phát triển theo lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Có thời kỳ phát triển rất rực rỡ, từ vua quan trong triều đến các tầng lớp nhân dân lao động, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi đến miền ngược ... ở đâu môn đá cầu cũng được ưa chuộng. Đá cầu thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Đá cầu trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Đá cầu.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
261.	Bơi lội và phương pháp giảng dạy	Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước ,Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua môn học rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất , tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
262.	Khiêu vũ TT và	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản	0	2	Người học phải tham dự đầy

	phương pháp giảng dạy	nhất của vũ điệu Chachacha nổi tiếng – Đặc trưng của đất nước Brazil và vũ điệu Chachacha sôi động vui nhộn với nhiều vũ hình quay, đổi tay, kéo và lẳng bạn nhảy, hiện đang rất phổ biến trong các sinh hoạt vũ hội. Người học sẽ được trang bị các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Chachacha hiểu được đặc trưng tiết tấu, giai điệu nhạc sôi động. Sau khi học xong môn học này, người học có thể tự tin tham gia các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của Sinh viên, đồng thời có vốn kỹ năng phong phú khi tham gia các Câu lạc bộ khiêu vũ ngoài trường...			đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
263.	Cờ vua và phương pháp giảng dạy	Cờ vua thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển tư duy logic, luyện trí thông minh, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như tính tổ chức kỷ luật, kiên cường bình tĩnh, luyện mưu trí, óc sáng tạo, luyện cách nhìn xa trông rộng biết phân tích, tổng hợp tình hình một cách khách quan khoa học, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong sử lý tình huống cho người tập. Môn Cờ vua trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cờ vua, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài của môn Cờ vua.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
264.	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
265.	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu, củng cố và nắm bắt một số nguyên lý kỹ chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết, củng cố lại phương pháp trọng tài, hiểu và biết phân tích các kỹ thuật bóng đá cơ bản và phương pháp giảng dạy, công tác tổ chức thi đấu một giải bóng đá. Củng cố và cập nhật những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: củng cố các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá			
266.	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	Học phần này trang bị cho sinh viên và Củng cố và HT, Củng cố và HT, nắm bắt một số nguyên lý kỹ-chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết: hiểu được khái niệm, nguyên lý chiến thuật và biết phân tích chiến thuật. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về môn học và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: Củng cố và HT và Củng cố và HT các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
267.	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4	Học phần này trang bị cho sinh viên hoàn thiện và củng cố về các kỹ-chiến thuật thực hành từ cơ bản đến nâng cao. Về lý thuyết: người học sẽ nắm được về cách lập tiến trình giảng dạy, kế hoạch huấn luyện, biên soạn giáo án và công tác nghiên cứu khoa học trong môn bóng đá. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về môn học và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá. Về thực hành: Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
268.	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 1	Bóng chuyên thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyên. Bóng chuyên trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyên chuyên sâu 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyên như: Kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật phát bóng, Chuyển bóng thấp tay, chuyển bóng cao tay; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyên.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
269.	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 2	Bóng chuyên thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ

		<p>cơ bản của môn Bóng chuyên. Bóng chuyên trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyên chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyên như: Kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 2, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 3, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 4 và kỹ thuật đập bóng ở sau vạch 3 mét; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyên.</p>			<p>trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
270.	<p>Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 3</p>	<p>Bóng chuyên thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyên. Bóng chuyên trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyên chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyên như: Kỹ thuật phòng thủ 6 tiến, kỹ thuật phòng thủ 6 lùi và kỹ thuật chắn bóng ; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyên.</p>	0	3	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
271.	<p>Thể thao chuyên sâu Bóng chuyên 4</p>	<p>Bóng chuyên thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyên. Bóng chuyên trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyên chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyên như: Kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật chắn bóng đơn, kỹ thuật chắn bóng 2,3 người và chiến thuật trong thi đấu ; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyên.</p>	0	3	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
272.	<p>Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1</p>	<p>Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý kỹ thuật; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.</p>	0	3	<p>Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>

273.	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
274.	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	- Học phần Thể thao chuyên sâu bóng chuyên cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận và chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật Bóng chuyên. - Học phần trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật và kỹ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyên. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
275.	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp giảng dạy, một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
276.	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	Bóng bàn thuộc môn Thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn Bóng bàn. phương pháp giảng dạy, nguyên lý chung về đánh bóng, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng bàn và thực hiện được các kỹ thuật một cách thành thạo. Đồng thời chuẩn bị thể lực chung cho sinh viên trong quá trình học tập.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
277.	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2	Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

278.	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn (phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài). Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn. Ngoài ra còn chuẩn bị một nền tảng thể lực vững chắc, đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh sau này.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
279.	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
280.	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
281.	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
282.	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 3	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
283.	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ

		câu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.			trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
284.	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật có nhiều giá trị giáo dục, văn hóa thể chất, nhân văn thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể chất bằng tinh thần thượng võ của võ thuật và cho phép giảng dạy cho đối tượng học sinh.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
285.	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật môn võ thuật. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục bằng võ thuật cho các đối tượng học sinh.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
286.	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
287.	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
288.	Aerobic dành cho trẻ mầm non	Thể dục Aerobic là môn học tự chọn cho sinh viên chuyên GDMN của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết Aerobic, 7 bước cơ bản, các nhóm động tác độ khó của Aerobic, bài Aerobic.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

289.	Kiến tập sư phạm		0	3	
290.	Thực tập sư phạm		0	4	
291.	Báo cáo tốt nghiệp		0	3	
<b>XII</b>	<b>Bộ môn Quản lý Thể dục thể thao</b>				
292.	Tâm lý Thể dục thể thao	Học phần tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Giáo dục thể chất. Học phần tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản có hệ thống về khoa học tâm lý như: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người; đặc điểm tâm - sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học, lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; đạo đức và hành vi đạo đức, tiêu chuẩn để đánh giá hành vi đạo đức, cấu trúc, nhân cách của hành vi đạo đức; đặc điểm lao động sư phạm, những phẩm chất, năng lực và uy tín của người giáo viên. Người học có nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở thành người giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
293.	Giải phẫu học Thể dục thể thao	Học phần giải phẫu sinh lý người và thể dục thể thao trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
294.	Thống kê và đo lường Thể dục thể	Thống kê và đo lường thể dục thể thao là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Giáo dục thể chất và Quản lý Thể dục thể thao.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó

	thao	Môn học trang bị và bổ sung cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp thống kê trong TĐTT: cách trình bày số liệu; lý luận cơ bản về thống kê mô tả, các tham số đặc trưng, ước lượng các giá trị trung bình, so sánh các tham số đặc trưng hay kiểm định, so sánh hai hay nhiều phương pháp huấn luyện, phương pháp giảng dạy; Phân tích tương quan, hồi quy giữa các đặc tính. Môn học còn cung cấp Kiến thức cơ bản về xử lý số liệu của phép đo; Đo lường trong Thể dục thể thao; Cơ sở lý thuyết của TEST và lý thuyết đánh giá vận động viên, các cách đánh giá, thang độ và đơn vị sử dụng trong đo lường, phương pháp đo; áp dụng khi đo thực tế các chỉ tiêu đánh giá thể chất của vận động viên, của nhân dân; Xác định tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên cũng như đánh giá thành tích thể thao trong tuyển chọn, huấn luyện, thi đấu, các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao quần chúng;			gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
295.	Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học Thể dục thể thao như khái niệm, vai trò của thể dục thể thao, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy ... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong thể dục thể thao.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
296.	Sinh lý học Thể dục thể thao	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TĐTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TĐTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
297.	Sinh hoá Thể dục thể thao	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; Diễn biến các quá trình sinh hoá xảy ra trong cơ thể người khi thực hiện các bài tập thể dục thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong tập luyện và thi đấu TDTT nói riêng và công tác GDTC và TDTT nói chung	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
298.	Vệ sinh Thể dục thể thao	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập thể dục thể thao; cấu tạo, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; Nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác GDTC và tập luyện TDTT.	2	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b></li> </ul>

					(trọng số 50%).
299.	Điền kinh	Điền kinh là một môn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý TDTT, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự ly tranh bình, chạy ngắn, nhảy xa, nhảy cao ... và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
300.	Thể dục	Thể dục là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên Quản lý TDTT của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, triển khai các nội dung có liên quan đến thể dục trong quá trình tổ chức các hoạt động thể dục thể thao. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
301.	Bóng đá	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
302.	Bóng chuyền	Bóng chuyền là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, quản lý thể dục thể thao và huấn luyện thể thao ở nước ta. Nội dung môn học được chia làm 3 tín chỉ, mỗi tín chỉ chia làm 2 phần lý thuyết và thực hành. Tín chỉ 1 giới thiệu lịch sử phát triển môn bóng chuyền, phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản như các bước di chuyển, chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay, ngã nghiêng chuyên bóng; Tín chỉ 2 rèn luyện kỹ năng phát bóng thấp tay, phát bóng	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		cao tay và nhảy phát. Thông qua môn học đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn cơ bản phục vụ cho công tác giảng dạy, tổ chức thi đấu và huấn luyện trong trường học các cấp, rèn luyện cho người học ý thức tự giác, tích cực, ý chí, nghị lực khắc phục khó khăn tự vươn lên. Tín chỉ 3 giới thiệu vai trò tác dụng của môn bóng chuyền, sự phát triển điền kinh ở Việt Nam và thực hành rèn luyện kỹ năng đập bóng.			
303.	Đá cầu	Đá cầu được hình thành và phát triển từ những trò chơi dân gian dưới nhiều hình thức khác nhau mà mỗi địa phương, vùng dân cư trên đất nước Việt Nam có những hình thức, màu sắc đặc trưng riêng... Đá cầu có một quá trình phát triển theo lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Có thời kỳ phát triển rất rực rỡ, từ vua quan trong triều đến các tầng lớp nhân dân lao động, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi đến miền ngược ... ở đâu môn đá cầu cũng được ưa chuộng. Đá cầu thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Đá cầu trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Đá cầu.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
304.	Bóng rổ	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
305.	Cầu lông	Cầu lông thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Cầu lông trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn

		thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông.			đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
306.	Bóng bàn	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử môn học, vị trí và tác dụng của môn bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, phương pháp giảng dạy và huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu. Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật, chiến thuật; các bài tập phát triển thể lực chung, phương pháp tổ chức giảng dạy và huấn luyện bóng bàn, phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu. Ngoài ra, học phần còn giáo dục, giáo dưỡng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức tốt; nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
307.	Võ thuật	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật. Chương trình huấn luyện của môn võ thuật là nhấn mạnh vào tinh thần đoàn kết, tinh mạnh mẽ và kiên cường, Tuy nhiên điểm then chốt của môn võ thuật là sự triển khai tính đạo đức và giúp người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, phát triển toàn diện tố chất thể lực.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
308.	Aerobic	Aerobic là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung môn học bao gồm: Lý thuyết Aerobic; bảy bước cơ bản của Aerobic; Các tư thế cơ bản Aerobic; các nhóm động tác độ khó Aerobic; Bài Aerobic. Ngoài kiến thức cơ bản, môn học còn trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả môn học, phát triển năng lực tự học, tự rèn luyện, góp phần giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể, rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
309.	Khiêu vũ thể thao	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của vũ điệu Chachacha nổi tiếng – Đặc trưng của đất nước Brazil và vũ điệu Chachacha sôi động vui nhộn với nhiều vũ hình quay, đôi tay, kéo và lẳng bạn nhảy, hiện đang rất phổ biến trong các sinh hoạt vũ	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn

		hội. Người học sẽ được trang bị các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Chachacha hiểu được đặc trưng tiết tấu, giai điệu nhạc sôi động. Sau khi học xong môn học này, người học có thể tự tin tham gia các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của Sinh viên, đồng thời có vốn kỹ năng phong phú khi tham gia các Câu lạc bộ khiêu vũ ngoài trường...			đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
310.	Quản lý thể thao quần chúng và thành tích cao	Môn học Quản lý TDTT quần chúng và thành tích cao mục đích là cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phương pháp tổ chức và quản lý Thể dục thể thao quần chúng với những vấn đề cốt lõi, với đối tượng và địa bàn đặc trưng. Riêng đối với lực lượng vũ trang thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an . Đồng thời giới thiệu cho sinh viên nắm và hiểu được cách thức tổ chức và tiến hành một giải thể thao phong trào là như thế nào. Môn học này mục nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý thể thao quần chúng, vai trò của hoạt động thể dục thể thao quần chúng trong đời sống xã hội nói chung và lĩnh vực TDTT nói riêng và khả năng vận dụng lý thuyết và thực tiễn để phục vụ cho công tác sau này.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
311.	Quản lý báo chí và truyền thông thể dục thể thao	Môn học Báo chí thể thao giới thiệu khái quát về tin tức báo chí TDTT như : Khái niệm đặc điểm, ý nghĩa của tin tức báo chí và cách viết tin. Đồng thời giới thiệu cho sinh viên nắm và hiểu được cách thức tổ chức và tiến hành cuộc phỏng vấn báo chí. Môn học này mục nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về báo chí truyền thông thể thao, vai trò của hoạt động báo chí trong đời sống xã hội nói chung và lĩnh vực TDTT nói riêng và khả năng vận dụng lý thuyết và thực tiễn để tác nghiệp truyền thông thể thao trong thực tiễn.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
312.	Quản lý sân bãi,	Môn học Quản lý sân bãi và công trình thể thao trang bị kiến thức về	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b>

	công trình và kinh doanh thể dục thể thao	công tác quản lý, khai thác sử dụng công trình thể thao. Kiến thức về Quản lý đầu tư phát triển hệ thống CSVC kỹ thuật thể thao và Chiến lược đầu tư phát triển hệ thống CSVC - KT thể thao và phạm vi cách thức hoạt động kinh doanh thể dục thể thao hiện nay.			(trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
313.	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: cơ sở lý luận của công tác kế hoạch thể dục thể thao, cụ thể là mục đích, nguyên tắc, phương pháp, chế độ, phân cấp, nội dung, chỉ tiêu, trình tự và quy trình lập kế hoạch; Những vấn đề cơ bản của kế hoạch chiến lược, dự án, đề án... nhằm phát triển phong trào thể dục thể thao.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
314.	Cờ vua	Cờ vua thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển tư duy logic, luyện trí thông minh, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như tính tổ chức kỷ luật, kiên cường bình tĩnh, luyện mưu trí, óc sáng tạo, luyện cách nhìn xa trông rộng biết phân tích, tổng hợp tình hình một cách khách quan khoa học, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		trong sử lý tình huống cho người tập. Môn Cờ vua trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cờ vua, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài của môn Cờ vua.			
315.	Trò chơi vận động	Trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về nguồn gốc môn trò chơi vận động, đặc điểm, tác dụng, vai trò của môn trò chơi vận động trong hệ thống giáo dục thể chất; Biết biên soạn, sáng tác trò chơi vận động. Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên về phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài. Hình thành các kỹ năng nhận xét, đánh giá và phân loại trò chơi vận động.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
316.	Phương pháp tổ chức các hoạt động thi đấu thể dục thể thao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức và quản lý thi đấu thể dục thể thao, để sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn khi làm việc.</li> <li>- Đào tạo sinh viên khi ra trường trở thành những cán bộ Thể dục thể thao biết thực hành kỹ thuật tổ chức thi đấu, trọng tài các giải thi đấu các cấp.</li> <li>- Có năng lực tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở TDTT, tỉnh, thành ngành và trong hệ thống giáo dục thể chất ở các trường học.</li> </ul>	0	4	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
317.	Bơi lội	Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước ,Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua môn học rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất , tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
318.	Nghiệp vụ sư phạm Thể dục thể thao	Học phần này gồm các nội dung cơ bản là rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học để giải quyết các tình huống dạy học, giáo dục. kiến thức về vai trò, ý nghĩa, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Đồng thời có thể thực hành ứng dụng nhằm rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, kỹ năng công tác	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		giáo viên chủ nhiệm phù hợp yêu cầu thực tiễn. Vận dụng kiến thức về tâm lý lứa tuổi học sinh, lí luận dạy học và lí luận giáo dục, các phương pháp dạy học tích cực để thiết kế bài giảng và rèn luyện các kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục (Kỹ năng đọc, kỹ năng thuyết trình một đề tài, kỹ năng lắng nghe; kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng viết bảng; thực hành kỹ năng tiếp cận giáo dục phổ thông).			
319.	Quần vợt	Quần vợt là một môn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý TDTT, là một học phần tự chọn nội dung các bài tập rất đa dạng và phong phú, nhằm phát triển thể lực cho sinh viên. Môn quần vợt trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn quần vợt như: phát bóng, đỡ bóng, đập bóng, di chuyển ngang, di chuyển dọc ... và các bài tập thể lực; đồng thời bồi dưỡng phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn quần vợt.	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
320.	Thể thao trường học và lịch sử TDTT	Phần lịch sử TDTT trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về nguồn gốc và lịch sử phát triển TDTT trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người Phần thể thao trường học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục thể chất như khái niệm, vai trò của Giáo dục thể chất, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy ... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong Giáo dục thể chất.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
321.	Khiêu vũ (QLVH)	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, nguyên tắc tập luyện, phương pháp giáo tập luyện và tổ chức tập luyện khiêu vũ, văn hoá và môi trường của tổ chức, biên soạn và tổ chức tập luyện... Hình thành kỹ thuật động tác cơ bản và thuần thuộc nâng cao, xử lý trong từng tình huống cụ thể	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
322.	Thực tế chuyên		0	3	

	ngành				
323.	Thực tập cuối khóa		0	5	
324.	Báo cáo tốt nghiệp		0	4	
<b>XIII</b>	<b>Bộ môn Ngoại ngữ</b>				
325.	Tiếng Anh 1	Học phần Tiếng Anh 1 bao gồm 3 tín chỉ, là chương trình dành cho đối tượng bắt đầu học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Chương trình cung cấp cho người học những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng làm quen ban đầu và những chủ điểm quen thuộc như gia đình, giải trí, học tập, nghi lễ, ăn uống, công việc tương lai, v.v.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
326.	Tiếng Anh 2	Học phần Tiếng Anh 2 bao gồm 3 tín chỉ. Học phần cho người học những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng thông thường và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng ban đầu và những chủ điểm quen thuộc như các hoạt động hàng ngày, sức khỏe, kỷ niệm về một kỳ nghỉ trong quá khứ v.v.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
327.	Tiếng Anh 3	Học phần Tiếng Anh 3 gồm 3 tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b>

		<p>những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ trong tiếng Anh bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Những kiến thức nâng cao về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng.</li> <li>+ Phát triển các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo.</li> </ul> <p>Từ những kiến thức nâng cao, này sinh viên có thể vận dụng để thực hành giao tiếp, làm bài tập tình huống, phát triển các kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết) Tiếng Anh giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế</p>			<p>(trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
328.	Tiếng Trung Quốc 1	<p>Học phần Tiếng Trung Quốc 1 bao gồm 3 tín chỉ, là chương trình dành cho đối tượng bắt đầu học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ. Chương trình cung cấp cho người học những kiến thức về ngữ âm, quy tắc biến âm, quy tắc biến đổi thanh điệu, quy tắc viết chữ Hán, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng làm quen ban đầu về các chủ điểm quen thuộc như: Chào hỏi, tạm biệt, xin lỗi, cảm ơn, họ tên, tuổi tác, gia đình, sức khỏe, sở thích, mua sắm, nghề nghiệp, quốc tịch, số đếm, số thứ tự, giới thiệu người và đồ vật ...</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
329.	Tiếng Trung Quốc 2	<p>Học phần Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm 3 tín chỉ. Học phần cho người học những kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp, thông thường và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng mẫu câu cơ bản và những chủ điểm quen thuộc như các hoạt động hàng ngày, học tập, vui chơi, mua sắm, thời gian, thời tiết, tham gia và tổ chức sinh nhật, động tác biểu thị quá khứ, tương lai, hiện tại, phương vị từ v.v.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
330.	Tiếng Trung Quốc 3	<p>Học phần Tiếng Trung Quốc 3 gồm 3 tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ trong tiếng Trung bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Những kiến thức nâng cao về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng.</li> <li>+ Phát triển các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo.</li> </ul> <p>Từ những kiến thức nâng cao, này sinh viên có thể vận dụng để thực hành giao tiếp, làm bài tập tình huống, phát triển các kỹ năng giao tiếp (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tiếng Trung Quốc trong môi trường có yếu tố quốc tế.</p>	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
331.	Ngữ pháp tiếng Anh	<p>Học phần Ngữ pháp tiếng Anh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học ngôn ngữ Anh. Học phần có 4 tín chỉ, cung cấp cho sinh viên các vấn đề liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh, bao gồm: khái niệm, phân loại và cách sử dụng các từ loại trong tiếng Anh như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ...; khái niệm câu và các thành phần chính của câu; các loại câu đơn, câu ghép, câu phức....</p>	4	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b></li> </ul>

					(trọng số 50%).
332.	Ngữ nghĩa Tiếng Anh	Học phần Ngữ nghĩa tiếng Anh giải quyết khái niệm ngữ nghĩa và các vấn đề liên quan của ngữ nghĩa học, hệ thống hóa kiến thức về các cấp độ ngữ nghĩa tiếng Anh (từ, cụm từ, thành ngữ, câu, đoạn văn), tìm hiểu về các khái niệm căn bản về ngữ nghĩa (semantic triangle, semantic properties, referring expressions, referent, sense, ...) và hình thái tu từ (figures of speech). Trong phần này người học cũng phải nắm được nghĩa từ vựng, quan hệ nghĩa và nghĩa của câu.	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
333.	Văn học Anh-Mỹ	Học phần Văn học Anh-Mỹ là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần Văn học Anh – Mỹ được bố cục thành 03 chương, mỗi chương nói về lịch sử phát triển của văn học Anh-Mỹ qua các giai đoạn như các trào lưu, thể loại, nội dung (chủ đề) và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Trong mỗi giai đoạn những sự kiện quan trọng có ảnh hưởng đáng kể đến đất nước và con người Anh-Mỹ nói chung, đặc biệt là đến sự phát triển của nền văn học Anh-Mỹ và việc chúng được phản ánh như thế nào qua các tác phẩm văn học	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
334.	Đất nước học Anh – Mỹ	Học phần Đất nước học Anh- Mỹ gồm 3 tín chỉ. Học phần giới thiệu sự hình thành và phát triển của Vương Quốc Anh, và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về các vấn đề như: Hệ thống chính trị, giáo dục, đời sống văn hóa, phong tục tập quán, v.v....	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
335.	Ngữ âm – Âm vị học tiếng Anh	Học phần Ngữ âm – âm vị học tiếng Anh gồm hai phần chính: Ngữ âm và âm vị. Phần thứ nhất giải quyết các vấn đề miêu tả và phân loại âm, bao gồm nguyên âm và phụ âm, dựa vào các đặc điểm phát âm và phương thức hoạt động của cơ quan phát âm. Phần hai bàn về các nguyên lý về qui tắc phát âm và biến âm. Nhiệm vụ của phần này là làm rõ các cơ chế chi phối qui tắc trọng âm, ngữ điệu, hiện tượng đồng hoá âm, lướt âm, nối âm, v.v. Ngoài ra một số phương pháp và kỹ thuật dạy môn ngữ âm tiếng Anh cũng được thảo luận..	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
336.	Nghe cơ sở 1	Học phần Nghe cơ sở 1 gồm 3 tín chỉ là học phần đầu tiên trong chương trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên làm quen và từng bước rèn luyện kỹ năng nghe hiểu cơ bản. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ đề, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: names, work, long distance, positive thinking, vocation time, laughter, music, honesty, life changes, fear. Từ những kiến thức và kỹ năng nghe nền tảng này sinh viên có thể vận dụng để phát triển các kỹ năng khác (Nói, Đọc, Viết) và thực hành giao tiếp Tiếng Anh trong môi trường có yếu tố quốc tế.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
337.	Nói cơ sở 1	Học phần Nói cơ sở 1 gồm 3 tín chỉ là học phần đầu tiên trong chương	0	3	Người học phải tham dự đầy

		trình rèn luyện kỹ năng nói dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên làm quen và từng bước rèn luyện kỹ năng nói cơ bản. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: names, work, long distance, positive thinking, vocation time, laughter, music, honesty, life changes, fear.....			đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
338.	Đọc cơ sở 1	Học phần Đọc cơ sở 1 gồm 3 tín chỉ, là học phần bắt buộc tiên quyết đối với sinh viên hệ chính quy ngành Cử nhân Ngôn ngữ Anh được thực hiện sau khi sinh viên đã hoàn thành chương trình tiếng Anh ở bậc trung học phổ thông, tương đương với trình độ tiếng Anh sơ cấp (Pre-Intermediate). Nội dung học phần này gồm 10 bài đề cập đến các vấn đề cuộc sống, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người, khoảng cách, công việc, âm nhạc, giải trí, du lịch ...	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
339.	Viết cơ sở 1	Học phần Viết cơ sở 1 là một trong 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh được thực hiện vào học kỳ 1 năm thứ nhất của chương trình trình độ đại học hệ chính quy ngành Cử nhân ngôn ngữ Anh. Học phần gồm 3 tín chỉ thực hành, được soạn thảo dựa trên cơ sở người học đã học xong chương trình tiếng Anh ở bậc THPT, tương đương với trình độ tiếng Anh sơ cấp (Pre-Intermediate). Học phần này gồm có cách viết về câu, các loại câu, đoạn văn, viết thư sắp xếp ý tưởng cho đoạn văn.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
340.	Nghe cơ sở 2	Học phần Nghe cơ sở 2 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nghe cơ sở 1 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên làm quen và từng bước rèn luyện kỹ năng nghe hiểu cơ bản. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: trends, color, courtesy, games, family ties, self-reliance, use and reuse, story telling, number, global health....Từ những kiến thức và kỹ năng nghe nền tảng này sinh viên có thể vận dụng để phát triển các kỹ năng khác (Nói, Đọc, Viết) và thực hành giao tiếp Tiếng Anh trong môi trường có yếu tố quốc tế..	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
341.	Nói cơ sở 2	Học phần Nói cơ sở 2 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nói cơ sở 1 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nói dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ

		đích chủ yếu giúp sinh viên làm quen và từng bước rèn luyện kỹ năng nói cơ bản. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: trends, color, courtesy, games, family ties, self-reliance, use and reuse, story telling, number, global health.....			trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
342.	Đọc cơ sở 2	Học phần Đọc cơ sở 2 là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ chính quy ngành Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Nội dung học phần này gồm 10 bài đề cập đến các vấn đề cuộc sống, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người, thái độ, hành vi, quan điểm của con người trước các vấn đề, hiện tượng xã hội ...	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
343.	Viết cơ sở 2	Viết là một trong 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh được thực hiện vào học kỳ 2 năm thứ nhất của chương trình trình độ đại học hệ chính quy ngành Cử nhân ngôn ngữ Anh. Học phần Viết cơ sở 2 gồm 3 tín chỉ thực hành, được soạn thảo dựa trên cơ sở người học đã học xong chương trình Viết cơ sở 1. Học phần này bao gồm cách viết dàn ý, bố cục của một đoạn văn, các loại đoạn văn như so sánh, nguyên nhân và kết quả.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
344.	Nghe nâng cao 1	Học phần Nghe nâng cao 1 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nghe cơ sở 2 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nâng cao kỹ năng nghe hiểu. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: first impression, food and taste, success, new perspectives, responsibility, advertising, risk, cities, money, keeping in touch.... Từ những kiến thức và kỹ năng nghe nền tảng này sinh viên có thể vận dụng để phát triển các kỹ năng khác (Nói, Đọc, Viết) và thực hành giao tiếp tiếng Anh trong môi trường có yếu tố quốc tế.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
345.	Nói nâng cao 1	Học phần Nói nâng cao 1 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nói cơ sở 2 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nói dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nâng cao kỹ năng nghe hiểu. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: first impression, food	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		and taste, success, new perspectives, responsibility, advertising, risk, cities, money, keeping in touch....			
346.	Đọc nâng cao 1	Học phần Đọc nâng cao 1 là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ chính quy ngành Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Nội dung học phần này gồm 10 bài đề cập đến các vấn đề cuộc sống, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người, thái độ, hành vi, quan điểm của con người trước các vấn đề, hiện tượng xã hội ...	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
347.	Viết nâng cao 1	Viết là một trong 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh được thực hiện sau khi sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh đã học xong các học phần Viết cơ sở 1,2. Học phần Viết nâng cao 1 gồm 3 tín chỉ thực hành, trong đó sinh viên dựa trên việc ôn luyện kỹ năng viết các loại đoạn văn khác nhau để bắt đầu làm quen với cấu trúc và quy trình viết bài luận tiếng Anh và thực hành viết các thể loại bài luận cơ bản.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
348.	Nghe nâng cao 2	Học phần Nghe nâng cao 2 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần nghe nâng cao 1 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghe hiểu. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ đề, tình huống liên quan đến cuộc sống như: power and responsibility, appearances, growing up, health care, art today, the science of food, from school to work, discovery, humans and nature, child's day.... Từ những kiến thức và kỹ năng nghe nền tảng này sinh viên có thể vận dụng để phát triển các kỹ năng khác (Nói, Đọc, Viết) và thực hành giao tiếp tiếng Anh trong môi trường có yếu tố quốc tế.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
349.	Nói nâng cao 2	Học phần Nói nâng cao 2 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nói nâng cao 1 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nói dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nâng cao kỹ năng nói. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ đề, tình huống liên quan đến cuộc sống như: power and responsibility, appearances, growing up, health care, art today, the science of food, from school to work, discovery, humans and nature, child's day....	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
350.	Đọc nâng cao 2	Học phần Đọc nâng cao 2 là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ	0	3	Người học phải tham dự đầy

		chính qui ngành Cử nhân Ngôn ngữ Anh được thực hiện sau khi sinh viên đã hoàn thành chương trình đọc cơ sở 1, 2 và đọc nâng cao 1 tương đương với trình độ tiếng Anh trung cấp (Intermediate). Nội dung học phần này gồm 10 bài đề cập đến các vấn đề cuộc sống, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người, thái độ, hành vi, quan điểm của con người trước các vấn đề, hiện tượng xã hội ...			đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
351.	Viết nâng cao 2	Viết là một trong 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh được thực hiện sau khi sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh đã học xong các học phần Viết cơ sở 1,2 và Viết nâng cao 1. Học phần Viết nâng cao 2 gồm 3 tín chỉ thực hành, trong đó sinh viên thực hành viết các kiểu bài luận khác nhau dựa theo kiến thức về cấu trúc và quy trình viết bài luận đã học ở các học phần trước đó.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
352.	Biên dịch	Học phần Biên dịch được thực hiện với mục tiêu giúp sinh viên có kiến thức bản về biên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Qua đó sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để biên dịch chính xác nội dung. Các bài học được lựa chọn nhằm giúp sinh viên hình thành thói quen đọc đoán ý chính, ý phụ, cũng như thảo luận đưa ra phương án dịch phù hợp.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
353.	Phiên dịch	Môn học Phiên dịch bao gồm 03 tín chỉ thực hành. Học phần nhằm rèn luyện kỹ năng dịch đoạn và dịch đỏi ở cấp độ câu và đoạn văn ngắn thông qua các bài hội thoại, phỏng vấn, các bài diễn thuyết hoặc các bản tin thuộc các chủ đề đất nước, con người, phong tục tập quán, dân số, kinh tế, thời sự, giáo dục, y tế... kết hợp lồng ghép với các bài tập rèn luyện các kỹ năng phiên dịch riêng lẻ.	0	3	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
354.	Giao tiếp giao văn hóa	Học phần Giao tiếp giao văn hóa gồm 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức Chuyên ngành nhằm trang bị, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng giao tiếp giao văn hóa bao gồm: - Giới thiệu về văn hóa các nước trên thế giới và các nước nói tiếng Anh. - Kiến thức về giao tiếp: chào hỏi, cảm ơn, cách phàn nàn, xin lỗi, mời, yêu cầu...; - Kiến thức về giao thoa văn hóa: Giao tiếp trực tiếp và gián tiếp, giao tiếp phi lời nói, ngôn ngữ cơ thể, cử chỉ, sức văn hóa...	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học

					phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
355.	Ngôn ngữ học đối chiếu	Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, gồm 2 tín chỉ, cung cấp những nội dung chính sau: Lịch sử phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu; đối tượng, phạm vi của ngôn ngữ học đối chiếu; Cơ sở, nguyên tắc, và phương pháp đối chiếu; Việc đối chiếu ngôn ngữ qua các bình diện: ngữ âm-âm vị học, ngữ pháp học, và từ vựng-ngữ nghĩa;	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
356.	Tiếng Anh Văn phòng	Học phần Tiếng Anh văn phòng chủ yếu nhằm vào việc phát triển vốn thuật ngữ chuyên ngành. Học phần gồm 2 tín chỉ, có 8 bài về các chủ đề chính như giao tiếp trong văn phòng với quản lý, đồng nghiệp, cách thức gọi, trả lời điện thoại sắp xếp cuộc hẹn, cuộc họp, ....	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
357.	Tiếng Anh Du lịch	Học phần Tiếng Anh du lịch gồm 2 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp vốn kiến thức về Lễ hội truyền thống tại Việt	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó

		Nam; Làng nghề truyền thống tại Việt Nam; Di tích lịch sử tại Việt Nam; Thắng cảnh nổi tiếng tại Việt Nam. Người học vận dụng kiến thức chuyên ngành du lịch, kiến thức về ngôn ngữ Anh (ngữ pháp, từ vựng, thuật ngữ...) và kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết) để thực hiện thuyết minh, hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh tại các tuyến, điểm du lịch.			gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).</b>
358.	Tiếng Anh Luật	Học phần Tiếng Anh Luật gồm 2 tín chỉ. Học phần nhằm phát triển vốn từ vựng, các khái niệm và thuật ngữ chuyên ngành. Tiếng Anh Luật gồm 10 chương bao gồm nhiều lĩnh vực luật khác nhau như luật nhà nước, luật hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật sở hữu trí tuệ, luật thương mại...	2	0	<b>- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%),</b> trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).</b>
359.	Tiếng Anh Thương mại	Học phần Tiếng Anh thương mại thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 6 chương được thực hiện với 30 giờ tín chỉ trong 15 tuần. Các chương đề cập đến các vấn đề: Hoạt động thương mại, tiếp thị và mại vụ, dịch vụ khách hàng, quản lý và lãnh đạo nhân lực, đầu tư và Tổ chức thương mại thế giới.	2	0	<b>- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%),</b> trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần,

					chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
360.	Phân tích diễn ngôn	Học phần Phân tích diễn ngôn trang bị cho sinh viên kiến thức về kết cấu văn bản và cấu trúc hội thoại tiếng Anh dưới sự ảnh hưởng của yếu tố văn hoá và hệ tư tưởng. Học phần nhấn mạnh yếu tố liên kết và mạch lạc trong ngôn ngữ, cũng như vai trò và mối quan hệ giữa những người tham thoại ảnh hưởng như thế nào đến cấu trúc thông tin và sự lựa chọn ngôn ngữ trong giao tiếp. Lý thuyết chính: Chủ yếu sử dụng lý thuyết Ngữ pháp chức năng của Halliday. Hướng nghiên cứu và triển vọng môn học: Phân tích diễn ngôn phê bình (Critical Discourse Analysis).	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
361.	Ngữ dụng học	Học phần Ngữ dụng học tập trung nghiên cứu việc hành chức của ngôn ngữ trong thực tế sử dụng. Ngữ dụng học được ra đời trên cơ sở của việc ứng dụng các lý thuyết Ngôn ngữ học hiện đại. Môn học này giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích văn bản, diễn giải nghĩa của phát ngôn trong ngữ cảnh cụ thể, nhằm đạt hiệu quả cao trong giao tiếp.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).

362.	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	<p>Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 bao gồm 2 phần chính (10 bài học): Phần I- Tiếng Anh trong khách sạn (English for Hotel staff) gồm 05 bài học tương ứng với 05 chủ đề trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn: Đặt phòng, làm thủ tục nhận phòng, phục vụ phòng, giải quyết những lời phàn nàn của khách và làm thủ tục trả phòng; Phần II – Tiếng Anh trong nhà hàng (English for Restaurant Staff) gồm 04 bài học tương ứng với 04 chủ đề trong lĩnh vực dịch vụ nhà hàng: Đặt bàn ăn, đón khách, giải quyết những lời phàn nàn của khách và làm thủ tục thanh toán hóa đơn</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
363.	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	<p>Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 bao gồm 3 phần chính: Phần I - Các lễ hội truyền thống tại Việt Nam (Traditional festivals in Vietnam); Phần II- Các làng nghề truyền thống tại Việt Nam (Traditional working villages in Vietnam); Phần III - Các di tích lịch sử tại Việt Nam (Historical relics in Vietnam).</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
364.	Thực tế chuyên ngành	<p>Học phần Thực tế chuyên ngành hướng dẫn sinh viên học tập kinh nghiệm và đi thực tế ngoài trường 2 tuần. Trong thời gian này sinh viên sẽ có kiến thức thực tiễn về những nơi đến thực địa; quan sát và đối chiếu kiến thức đã học vào hiện thực công việc, sau đó hoàn thành báo cáo bằng tiếng Anh Thông qua đợt thực tế này, sinh viên sẽ được học hỏi và rèn luyện thêm về các kỹ năng cũng như củng cố lại kiến thức</p>	0	3	

		ngành ngôn ngữ Anh. Bên cạnh đó, sinh viên có ý thức hơn về tác phong và thái độ trong môi trường làm việc thực tế và cơ hội đối chiếu và diễn đạt sự hiểu biết của mình trong môi trường thực tế.			
365.	Thực tập nghề cuối khoá	<p>Thực tập cuối khóa hướng dẫn người học phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ Anh bằng cách cho người học được tham gia các hoạt động chuyên môn tại các đơn vị công tác có sử dụng tiếng Anh để từ đó hình thành năng lực tư duy cũng như năng lực sử dụng ngôn ngữ đạt hiệu quả.</p> <p>Thực tập cuối khóa hỗ trợ cho người học hoàn thiện các kỹ năng về ngôn ngữ Anh, yêu cầu về mặt lý thuyết và thực tiễn ngành, đặc biệt cho đối tượng người học có nhu cầu làm bài khóa luận tốt nghiệp.</p>	0	5	
366.	Báo cáo tốt nghiệp			8	
<b>XIV</b>	<b>Bộ môn Luật</b>				
367.	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ bản giới thiệu những vấn đề chung nhất về Nhà nước và pháp luật; về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, về pháp chế xã hội chủ nghĩa; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy Nhà nước ta hiện nay và tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta và pháp luật chuyên ngành. Nghiên cứu đồng thời mối quan hệ biện chứng giữa nhà nước và pháp luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phương pháp tiếp cận pháp luật Việt Nam. Qua đó thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
368.	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	<p>Lý luận nhà nước và pháp luật là học phần khoa học pháp lý nghiên cứu những quy luật chung nhất của quá trình phát sinh, phát triển, tồn tại và tiêu vong của các kiểu nhà nước và pháp luật.</p> <p>Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản như nguồn gốc của nhà nước và pháp luật; bản chất, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> </ul>

		pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền; ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý. Lý luận nhà nước và pháp luật nghiên cứu tất cả các kiểu nhà nước và pháp luật.			+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
369.	Luật hành chính	<p>Luật hành chính là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động chấp hành - điều hành của các CQHC nhà nước.</p> <p>QPPLHC là các quy tắc xử sự chung do cơ quan Nhà nước, các cán bộ nhà nước có thẩm quyền ban hành, chủ yếu điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước (hay còn gọi là hoạt động chấp hành - điều hành của Nhà nước) có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với những đối tượng có liên quan.</p> <p>Quan hệ PLHC là quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình quản lý HCNN, được điều chỉnh bởi các quy phạm PLHC giữa các cơ quan, tổ chức, các nhân mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của PLHC.</p> <p>Hình thức QLHCNN là hoạt động biểu hiện ra bên ngoài của chủ thể quản lý nhằm thực hiện tác động quản lý. Cơ quan hành chính nhà nước là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, trực thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp, có phương diện hoạt động chủ yếu là hoạt động chấp hành - điều hành, có cơ cấu tổ chức và phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định.</p> <p>Quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của Cán bộ, Công chức trong lĩnh vực hành chính.</p> <p>Quy chế pháp lý hành chính của tổ chức xã hội, công dân, Người nước ngoài, Người không quốc tịch.</p> <p>Quy định VPHC và TNHC đối với các tổ chức, cá nhân.</p> <p>Bảo đảm pháp chế là tổng thể các biện pháp, phương tiện tổ chức-pháp lý do các cơ quan NN, tổ chức xã hội và công dân áp dụng nhằm thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan NN và các tổ</p>	4	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>

		chức ấy cũng như việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân. Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo với CQNN có thẩm quyền về những việc làm trái PL của CQNN, tổ chức kinh tế, xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào;			
370.	Luật tố tụng hành chính	Luật Tố tụng hành chính Việt Nam là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lí tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật tố tụng hành chính; bảo đảm giải quyết hiệu quả các vụ án hành chính và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trước sự xâm phạm trái pháp luật của việc thực thi quyền hành pháp.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
371.	Luật Tố tụng hình sự	Học phần có 03 tín chỉ với 11 chương, bao gồm các nội dung cơ bản sau: Chương 1. Khái niệm luật TTHS; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của TTHS; Chương 2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Người tham gia tố tụng, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; Chương 3. Chứng cứ và chứng minh; Chương 4. Biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế khác; Chương 5. Khởi tố vụ án hình sự; Chương 6. Điều tra vụ án hình sự; Chương 7. Truy tố Chương 8. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; Chương 9. Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự Chương 10. Thi hành bản án, quyết định của toà án; Chương 11. Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
372.	Luật Tố tụng dân sự	Luật tố tụng dân sự là môn học cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí về trình tự, thủ tục	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó</p>

		<p>giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án.</p> <p>Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lí luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...</p>			<p>gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
373.	Luật hôn nhân và gia đình	<p>Học phần có 03 tín chỉ với 09 chương:</p> <p>Chương I: Khái niệm và những nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương II: Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến nay; Chương III: Kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Luật hôn nhân và gia đình; Chương IV: Nghĩa vụ và quyền của vợ chồng theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương V: Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương VI: Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; Chương VII: Chấm dứt hôn nhân; Chương VIII: Giám hộ giữa các thành viên trong gia đình; Chương IX: Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
374.	Luật lao động	<p>Học phần cung cấp cho người học các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Khái quát chung về pháp luật Lao động Việt Nam; Các quan hệ pháp luật lao động; Cơ chế ba bên; Việc làm; Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Thời giờ làm việc - Thời giờ nghỉ ngơi; Tiền lương; Bảo hộ lao động; Kỷ luật lao động - Trách nhiệm vật chất; Giải quyết tranh chấp lao động</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần,</li> </ul>

		và đình công.			chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
375.	Luật Tài chính	Học phần có 04 tín chỉ với 12 chương, học phần gồm các nội dung chính sau: Chương 1: Những vấn đề lý luận về pháp luật ngân sách nhà nước và tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước; Chương 2: Lập dự toán ngân sách nhà nước; Chương 3: Chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; Chương 4: Quản lý quỹ ngân sách nhà nước ; Chương 5: Xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước; Chương 6: Những vấn đề cơ bản về pháp luật thuế; Chương 7: Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Chương 8: Pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Chương 9: Pháp luật thuế giá trị gia tăng; Chương 10: Pháp luật thuế thu nhập; Chương 11: Pháp luật về các loại thuế khác; Chương 12: Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thuế.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
376.	Luật học so sánh	Học phần có 02 tín chỉ với 06 chương, bao gồm các nội dung cơ bản sau: Chương 1: Khái quát chung về hành chính so sánh; Chương 2: Các mô hình tổ chức hành chính nhà nước trên thế giới; Chương 3: Hành chính công ở các nước phát triển; Chương 4: Hành chính công ở các nước đang phát triển Chương 5: Hành chính công ở các nước phát triển ở các nước Xã hội chủ nghĩa; Chương 6: Hành chính so sánh và cải cách hành chính ở Việt Nam.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).

377.	Luật sở hữu trí tuệ	<p>Học phần có 02 tín chỉ với 05 chương bao gồm những nội dung sau: tìm hiểu tổng quan về các Khái niệm Luật sở hữu trí tuệ; Quyền tác giả và quyền liên quan; Quyền sở hữu công nghiệp; Quyền đối với giống cây trồng; Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
378.	Học thuyết tam quyền phân lập		2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
379.	Xây dựng văn bản pháp luật	<p>Xây dựng VBPL là môn khoa học pháp lý ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về VBPL và xây dựng VBPL đặc biệt là kỹ năng soạn thảo VBPL.  Học phần được chia thành hai phần:  - Phần lý thuyết: Tập trung giới thiệu những vấn đề xây dựng văn bản pháp luật theo từng loại văn bản với những nội dung sau:</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khái quát về VBPL;</li> <li>+ Quy trình xây dựng VBPL;</li> <li>+ Quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong VBPL;</li> <li>+ Cách thức trình bày hình thức và nội dung của VBPL;</li> <li>+ Soạn thảo một số VBPL điển hình;</li> <li>+ Cách thức kiểm tra, rà soát và xử lý VBPL.</li> </ul> <p>- Phần thực hành: Trên cơ sở lý thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng giải quyết BT tình huống cụ thể để soạn thảo VBPL.</p>			<p>số 5%;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
380.	Lý luận về Nhà nước pháp quyền		3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
381.	Luật Hiến pháp nước ngoài		3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul>

					- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
382.	Luật hành chính so sánh		3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
383.	Sự hạn chế quyền lực Nhà nước		2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
384.	Luật an sinh xã hội		2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập,

					chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
385.	Pháp luật về thị trường chứng khoán		3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
386.	Luật cạnh tranh		3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học

					phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
387.	Luật đầu tư	Học phần có 02 tín chỉ với 06 chương, bao gồm những nội dung hình sau: Chương 1. Vấn đề chung về Đầu tư và Luật đầu tư Chương 2. Quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư ;Chương 3. Pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; Chương 4. Các loại hình thức đầu tư Chương 5. Quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt; Chương 6. Đầu tư ra nước ngoài	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
388.	Giải quyết tranh chấp đất đai		2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
389.	Pháp luật Doanh nghiệp		2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó

					gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).</b>
390.	Pháp luật hợp đồng thương mại		2	0	<b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).</b>
391.	Pháp luật về hợp đồng		4	0	<b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần,

					chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).	
392.	Thủ tục tố tụng dân sự đặc biệt			3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
393.	Thi hành án dân sự	Môn học Luật THADS là môn học cơ bản của chương trình đào tạo đại học luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lí luận về Luật THADS, nội dung các quy định của pháp luật THADS và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi hành án bao gồm: Khái niệm chung về Luật THADS; xã hội hoá THADS, thời hiệu, thẩm quyền và các nguyên tắc cơ bản của Luật THADS; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức THADS, chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án; quyền, nghĩa vụ của đương sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án; trình tự, thủ tục THADS; các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế THADS; miễn giảm, hỗ trợ tài chính trong THADS, phí và chi phí cưỡng chế THADS; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lí vi phạm trong		3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).

		THADS.			
394.	Thi hành án hình sự		3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
395.	Chứng cứ		2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
396.	Hoạt động tư pháp		2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
397.	Luật Đất đai	Học phần có 03 tín chỉ với 04 chương: Chương 1: Lý luận chung về Luật đất đai Chương 2: Quản lý Nhà nước về đất đai; Chương 3: Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Chương 4: Xử lý hành vi vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
398.	Công pháp quốc tế	Học phần có 03 tín chỉ với 07 chương với các nội dung sau: tìm hiểu về khái niệm, lịch sử phát triển và nguồn của luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; chủ thể luật quốc tế; luật điều ước quốc tế; Dân cư trong luật quốc tế; luật quốc tế về quyền con người; Lãnh thổ trong luật quốc tế; luật biên quốc tế; luật quốc tế nhân đạo; Luật tổ chức quốc tế; luật ngoại giao và lãnh sự; Giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế; giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế; các cơ quan tài phán quốc tế; Luật quốc tế về hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; trách nhiệm pháp lý quốc tế; Luật hàng không quốc tế, luật môi trường quốc tế, luật kinh tế quốc tế.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> </ul>

					số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
399.	Tư pháp quốc tế	Học phần có 02 tín chỉ với 06 chương bao gồm các nội dung sau: tìm hiểu về tổng quan về tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật.; Chủ thể của tư pháp quốc tế; tổ tụng dân sự quốc tế; trọng tài quốc tế; Quyền sở hữu tài sản; quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với cây trồng trong tư pháp quốc tế; Thừa kế; hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế; Hợp đồng; Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế; Lao động trong tư pháp quốc tế	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
400.	Khoa học điều tra tội phạm	Học phần có 02 tín chỉ với 08 chương, bao gồm các nội dung chính sau: Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, hệ thống, phương pháp và quá trình phát triển của khoa học điều tra hình sự; Chương 2. Dấu vết hình sự; Chương 3. Bảo vệ và khám nghiệm hiện trường; Chương 4. Hỏi cung bị can; lấy lời khai người làm chứng; Chương 5. Khám xét. Chương 6. Thực nghiệm điều tra; Chương 7. Trưng cầu giám định; Chương 8. Tổ chức điều tra vụ án hình sự.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
401.	Luật sư, Công chứng, chứng thực		2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
402.	Tâm lý học tội phạm		2	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
403.	Luật Hình sự 1	Học phần có 03 tín chỉ với 08 chương: Những vấn đề lý luận chung về Luật hình sự Việt Nam, bao gồm những nội dung sau: tìm hiểu về Tội phạm; Các yếu tố của tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại; Trách nhiệm hình sự và hình phạt; Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> </ul> </li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
404.	Luật Hình sự 2	Học phần có 03 tín chỉ với 07 chương; bao gồm các nội dung về các danh, cụ thể: tội xâm phạm an ninh quốc gia; Các tội phạm xâm phạm tính mạng, Các tội phạm xâm phạm sức khoẻ, Các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người; Các tội phạm xâm phạm Sở hữu; Các tội phạm về ma túy; Các tội phạm về chức vụ và Các tội phạm khác.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
405.	Luật Dân sự 1	Môn học Luật dân sự bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ tài sản dưới hình thức hàng hoá - tiền tệ, quyền tài sản và một số quan hệ nhân thân gắn với tài sản, quan hệ nhân thân phi tài sản, quyền sở hữu, quyền thừa kế trong quan hệ dân sự. Cụ thể, môn học gồm có 06 nội dung cơ bản, tập trung vào 06 chương: Chương 1. Khái quát về luật dân sự Việt Nam Chương 2. Quan hệ pháp luật dân sự Chương 3. Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu Chương 4. Quyền sở hữu và các quyền khác với tài sản Chương 5. Quyền thừa kế Chương 6. Nghĩa vụ dân sự	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
406.	Luật Dân sự 2	Môn học Luật dân sự bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh một	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b>

		<p>số chế định cơ bản của luật dân sự như: các loại hình hợp đồng liên quan đến tài sản, quyền sở hữu tài sản, trách nhiệm phát sinh, bồi thường ngoài hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do con người và tài sản gây ra.</p> <p>Cụ thể, môn học gồm có 10 nội dung cơ bản, tập trung vào 10 chương:          Chương 1. Các hợp đồng dân sự thông dụng          Chương 2. Thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp lý          Chương 3. Nghĩa vụ phát sinh ngoài hợp đồng          Chương 4. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng          Chương 5. Bồi thường thiệt hại do hành vi của con người và tài sản gây ra</p>			<p>(trọng số 50%), trong đó gồm:          + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;          + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;          + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;          + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;          - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
407.	Luật Thương mại 1	<p>Học phần có 03 tín chỉ với 04 chương, bao gồm các nội dung cơ bản như những vấn đề chung về Luật Thương mại Việt Nam; Địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế; Quy chế pháp lý về thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã; Quy chế pháp lý về tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:          + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;          + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;          + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;          + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;          - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
408.	Luật Thương mại 2	<p>Học phần có 03 tín chỉ với 04 chương, bao gồm các nội dung cơ bản sau: Pháp luật về mua bán hàng hóa trong thương mại; Pháp luật về trung gian thương mại; Pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân; Pháp luật về các hoạt động thương mại khác; Chế tài thương mại và Giải quyết tranh chấp trong thương mại.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:          + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;          + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
409.	Luật Hiến pháp	Học phần cung cấp những kiến thức về khoa học luật Hiến pháp, ngành luật Hiến pháp, chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại, quan hệ cơ bản giữa nhà nước và công dân, những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành, tạo nền tảng kiến thức chung cho người học trong nghiên cứu các môn khoa học pháp lý tiếp theo.	4	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
410.	Thực tế nghề nghiệp Internship	Học phần thực tế nghề nghiệp gồm hai phần: Phần làm việc với giảng viên trên lớp và phần thực hiện nội dung công tác thực tế tại cơ sở. Nội dung trên lớp bao gồm: Giảng viên thông qua những nội quy, quy định, kế hoạch thực tế, các cơ sở thực tế và giải đáp những thắc mắc của sinh viên. Phần thực hiện nội dung công tác thực tế tại cơ sở: sinh viên vận dụng kiến thức đã được học vào việc tìm hiểu cơ cấu, tổ chức và hoạt động của cơ sở thực tế. Tổng hợp các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để hoàn thành một công việc được giao mang tính định hướng nghề nghiệp. Sinh viên trực tiếp thực hiện một số thao tác nghề nghiệp dưới sự hướng dẫn của cán bộ tại cơ sở thực tế, lập báo cáo thực tế nghề nghiệp.	0	4	
411.	Thực tập cuối khóa Final internship	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước, trên cơ sở kiến thức ngành luật đã học	0	5	

		<p>bước đầu làm quen với quy trình hoạt động của bộ máy quản lý hành chính và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp, cơ quan tư pháp. Bước đầu hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.</p> <p>Tổng hợp các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để hoàn thành một công việc được giao mang tính định hướng nghề nghiệp. Sinh viên trực tiếp thực hiện một số thao tác nghề nghiệp dưới sự hướng dẫn của cán bộ tại cơ sở thực tập.</p>			
412.	Báo cáo tốt nghiệp	<p>Sau khi học xong các học phần quy định trong chương trình đào tạo, sinh viên sẽ thực hiện quá trình thực tập cuối khóa, được tổ chức vào học kỳ cuối của khóa học. Thực tập cuối khóa là cơ hội để sinh viên tiếp cận và làm việc thực tế tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào công việc thực tế, giải quyết các vấn đề cụ thể của pháp luật đã học vào hoạt động thực tế của đơn vị thực tập. Đồng thời, sinh viên phải hoàn thành Báo cáo tốt nghiệp thể hiện nội dung đã thực tập tại đơn vị thực tập về các vấn đề thuộc ngành Luật; thể hiện sự hiểu biết và kiến thức của mình đối với hoạt động thực tập tại đơn vị thực tập. Khoa tổ chức Hội đồng đánh giá báo cáo tốt nghiệp sau khi sinh viên kết thúc thực tập và hoàn thiện báo cáo tốt nghiệp nhà đánh giá chất lượng thực tập và nắm vững kiến thức chuyên ngành của sinh viên.</p>	0	6	
<b>XV</b>	<b>Bộ môn Quản lý Nhà nước</b>				
413.	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	<p>Học phần trang bị cho người học kiến thức về nền hành chính Việt Nam từ thời đại dựng nước cho đến nay cụ thể: Sự hình thành và phân chia các đơn vị hành chính Nhà nước qua các thời kỳ; Tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước của các thời kỳ lịch sử; Cách thức điều hành và quản lý hành chính Nhà nước qua các thời kỳ; Chế độ đào tạo và sử dụng nhân sự hành chính; Đặc trưng cơ bản của hành chính Nhà nước qua các thời kỳ lịch sử; Các tư tưởng cải cách trong lịch sử hành chính Nhà nước của các thời kỳ.</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học</li> </ul>

					phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
414.	Công vụ - Công chức	Học phần nêu những vấn đề chung, khái quát về công vụ, công chức như: Khái niệm công vụ, công chức; những đặc điểm và nguyên tắc trong hoạt động công vụ; các quy định của pháp luật về công vụ, công chức; nghĩa vụ và quyền của công chức; các quy định pháp luật về sử dụng và quản lý công chức; xu hướng cải cách công vụ ở một số nước trên thế giới; định hướng cải cách chế độ công vụ, công chức ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
415.	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	Lý luận nhà nước và pháp luật là học phần khoa học pháp lý nghiên cứu những quy luật chung nhất của quá trình phát sinh, phát triển, tồn tại và tiêu vong của các kiểu nhà nước và pháp luật. Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản như nguồn gốc của nhà nước và pháp luật; bản chất, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền; ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý. Lý luận nhà nước và pháp luật nghiên cứu tất cả các kiểu nhà nước và pháp luật.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
416.	Hành chính công	Học phần cung cấp những kiến thức về khoa học hành chính, các quan niệm về hành chính; thể chế hành chính bao gồm các quy định về tổ	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó

		chức và cách thức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; Phương pháp hành chính; Quyết định hành chính nhà nước; Kiểm soát đối với hành chính nhà nước.			gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
417.	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	Học phần Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cung cấp những kiến thức mang tính lý luận chung về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cách thức thực thi quyền lực nhà nước trong bộ máy nhà nước; Trên cơ sở đó, trình bày các cách thức tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, trong đó có cách thức tổ chức nên bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam; các mô hình tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên thế giới cả về tổ chức ở trung ương và tổ chức ở địa phương; Vấn đề quản lý chất lượng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; Thiết kế, phân tích và phát triển các tổ chức trong bộ máy hành chính nhà nước.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
418.	Nhân sự hành chính nhà nước	Học phần Nhân sự hành chính nhà nước cung cấp những kiến thức mang tính lý luận về nguồn nhân lực và nhân sự hành chính nhà nước; cách thức tổ chức nhân sự theo các mô hình tiêu biểu; những vấn đề chung về quản lý nguồn nhân lực, nhân sự hành chính nhà nước; kỹ năng phân tích và mô tả công việc; tuyển dụng, sử dụng nhân sự chính nhà nước; nội dung chính của công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hành chính nhà nước; đánh giá thực thi công việc trong hành chính nhà nước.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần,

					chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
419.	Kỹ thuật điều hành công sở	Học phần trang bị những vấn đề cơ bản về công sở và điều hành công sở; nhận diện được mục đích của điều hành công sở, bối cảnh và thách thức trong điều hành công sở hiện nay; đánh giá các xu hướng đổi mới hoạt động điều hành công sở theo yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính và hội nhập quốc tế, tổng hợp được các kỹ thuật điều hành công sở cơ bản.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
420.	Quản lý nhà nước về kinh tế	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp; quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại; quản lý nhà nước về dự án đầu tư.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).

421.	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết, có tính chất nền tảng cho việc tham gia hoạt động quản lý và hoạch định chính sách nhân lực Quốc gia- một lĩnh vực trọng tâm của quản lý nhà nước. Nội dung học phần bao gồm: Cơ sở hình thành tự nhiên nguồn nhân lực xã hội; những đặc điểm chủ yếu của nguồn nhân lực xã hội Việt Nam; Phát triển nguồn nhân lực xã hội phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Tổ chức tiền lương và bảo hiểm xã hội trong nền kinh tế quốc dân; Phân bố dân cư và nguồn nhân lực xã hội;</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
422.	Quản lý nhà nước về Hành chính – Tư pháp	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành chính tư pháp; quản lý nhà nước trên lĩnh vực tư pháp của chính quyền các cấp như: quản lý công tác thi hành án; quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; quản lý về giám định tư pháp; quản lý luật sư và việc hành nghề luật sư; quản lý nhà nước đối với công tác hộ tịch, hộ khẩu, quốc tịch; quản lý hòa giải cơ sở.</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
423.	Thủ tục hành chính	<p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thủ tục hành chính bao gồm: Quan niệm chung về thủ tục hành chính; Nguyên tắc xây dựng và yêu cầu, nghĩa vụ thực hiện thủ tục hành chính; Thủ tục hành chính của một số lĩnh vực cụ thể; Cải cách thủ tục hành chính.</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng</p>

					<p>số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
424.	Hoạch định và phân tích chính sách công	Học phần cung cấp những kiến thức mang tính lý luận và thực tiễn về chính sách công; hoạch định chính sách công; tổ chức thực thi chính sách công; những vấn đề cơ bản về phân tích chính sách, nội dung phân tích chính sách; các phương pháp, tiêu chí phân tích chính sách; tổ chức công tác phân tích chính sách; tình huống thực tiễn về các quyết định chính sách.	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
425.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý; Cài đặt thêm ứng dụng phần mềm quản lý MS Access 2010; Xây dựng Cơ sở dữ liệu có quy mô nhỏ và vừa ứng dụng cơ sở dữ liệu qua phần mềm Microsoft Access 2010.	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p>

					- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
426.	Thanh tra hành chính	Học phần trang bị cho người học kiến thức về nền hành chính Việt Nam từ thời đại dựng nước cho đến nay cụ thể: Sự hình thành và phân chia các đơn vị hành chính Nhà nước qua các thời kỳ; Tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước của các thời kỳ lịch sử; Cách thức điều hành và quản lý hành chính Nhà nước qua các thời kỳ; Chế độ đào tạo và sử dụng nhân sự hành chính; Đặc trưng cơ bản của hành chính Nhà nước qua các thời kỳ lịch sử; Các tư tưởng cải cách trong lịch sử hành sự hành chính Nhà nước của các thời kỳ.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
427.	Quản lý nhà nước về Dân tộc và Tôn giáo	Học phần Quản lý nhà nước về Dân tộc và Tôn giáo cung cấp kiến thức cơ bản về: Những vấn đề chung về tôn giáo; Những vấn đề cơ bản về tôn giáo ở nước ta; Nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo; Những vấn đề chung về dân tộc; Những vấn đề cơ bản về dân tộc thiểu số ở nước ta; Nội dung quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
428.	Quản lý nhà nước về Đô thị - Nông thôn	Học phần bao gồm các nội dung: Một số khái niệm liên quan. Vai trò của phát triển nông nghiệp và nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội. Đặc điểm nông nghiệp, nông thôn. Quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Khái quát nội dung quản lý nhà nước đối với nông	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập,

		thôn. Quan điểm, mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, Định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Một số khái niệm liên quan và nguồn gốc đô thị. Các giai đoạn phát triển của đô thị. Chức năng của đô thị. Một số mô hình phát triển đô thị. Đô thị hoá. Quản lý đô thị. Những vấn đề chủ yếu của quản lý nhà nước về nông thôn và đô thị.			chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
429.	Thẩm quyền hành chính	Học phần Thẩm quyền hành chính cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm quyền hành chính, những nội dung cơ bản của thẩm quyền lập quy, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và cưỡng chế hành chính và những quy định của pháp luật có liên quan. Đồng thời môn học hình thành cho người học những kỹ năng cơ bản về thực hiện thẩm quyền trong giải quyết các vấn đề, tình huống trong quản lý hành chính nhà nước.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
430.	Hành chính học so sánh	Học phần Hành chính học so sánh cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm, môi trường phát triển và những bộ phận cấu thành của các nền hành chính khác nhau, nội dung các quy luật vận động chung cũng như các điểm khác biệt giữa các nền hành chính. Học phần cũng đưa ra những khái quát chung về lý thuyết khoa học quản lý nhà nước. Đồng thời môn học hình thành cho người học những kỹ năng so sánh, phân tích, đánh giá, đúc rút được các yếu tố tiến bộ cần vận dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước của Việt Nam.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học

					phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
431.	Tâm lý học quản lý	Học phần Tâm lý học quản lý cung cấp cho học viên những kiến thức về đặc điểm tâm lý của người quản lý như những phẩm chất, năng lực cần có của người cán bộ quản lý, nghiên cứu về vấn đề quyền lực trong quản lý, uy tín của người quản lý. Đồng thời học phần này cũng nghiên cứu đặc điểm tâm lý của người lao động như: nhu cầu, động cơ lao động, hứng thú, tính cách của người lao động... Từ đó giúp nhà quản lý có thể hiểu được đặc điểm tâm lý của đối tượng mà mình quản lý. Giúp cho người quản lý tuyển dụng và sử dụng lao động đạt hiệu quả cao nhất.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
432.	Thực tế nghề nghiệp		0	3	
433.	Thực tập cuối khóa		0	5	
434.	Báo cáo tốt nghiệp		0	5	
<b>XVI</b>	<b>Bộ môn Quản lý Văn hóa</b>				
435.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần cung cấp những kiến thức gồm: Những vấn đề cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam: văn hóa và văn hóa học; môi trường văn hóa; tiếp xúc và giao lưu văn hóa; những thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam; Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền - sơ sử; văn hoá Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên; văn hoá Việt Nam thời tự chủ; Văn hoá Việt Nam từ 1858 đến nay; Không gian và các vùng văn hóa Việt Nam: vùng văn hóa phía Bắc; vùng văn hóa Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng

					số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
436.	Tiếng Việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo của các ngành sư phạm gồm: GDMN, Thể dục Thể thao. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm của tiếng Việt và văn bản tiếng Việt gồm kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp đặc biệt là giao tiếp bằng văn bản như: xây dựng văn bản viết của tiếng Việt, xây dựng đoạn văn, dùng từ, đặt câu và viết chính tả đúng quy định của tiếng Việt.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
437.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nội dung học phần gồm: Nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
438.	Dân tộc học	Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản của dân tộc học: Định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu; Lịch sử phát triển của ngành dân tộc học; các vấn đề về chủng tộc, nguồn gốc loài người, ngôn	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:

		ngữ, tôn giáo, về tộc người và cộng đồng tộc người, kinh tế, tôn giáo, thân tộc, hôn nhân và gia đình... tạo tiền đề cho người học nghiên cứu các học phần về văn hoá tiếp theo.			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
439.	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý Văn hóa. Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức về tộc người, văn hóa tộc người, phân tích rõ đặc trưng văn hóa các dân tộc ít người và sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người ở Việt Nam. Trên cơ sở đó người học có được cái nhìn tổng quan về Việt Nam là một quốc gia đa tộc người, thống nhất trong đa dạng về mặt lịch sử, địa lý và văn hóa - xã hội, hiểu được những đặc trưng cơ bản của các dân tộc ít người ở các vùng miền khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
440.	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	Tín ngưỡng tôn giáo là một lĩnh vực rất đặc thù của văn hoá, biểu hiện cho “ý thức xã hội”, mang nhiều ý nghĩa tư tưởng, triết học, nhân văn rất sâu sắc. Ở Việt Nam, các vấn đề thuộc nội dung tôn giáo và tín ngưỡng được nghiên cứu dưới nhiều góc độ và nhiều công trình chuyên biệt như Thờ Mẫu, thờ cúng thành hoàng, thờ tổ tiên; các công trình chuyên luận về Phật giáo, Ki tô giáo; Hồi giáo; Cao đài và Hòa Hảo... Học phần Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam được giảng dạy cho người học chuyên ngành Quản lý văn hóa và Văn hóa du lịch chú trọng khái quát giá trị của tín ngưỡng tôn giáo trong đời sống xã hội ở Việt Nam cũng như hiện	2	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> </ul> </li> </ul>

		trạng sinh hoạt và quan điểm, chính sách của nhà nước ta về công tác tôn giáo.			+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
441.	Văn hóa dân gian Việt Nam	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hoá dân gian Việt Nam bao gồm: khái niệm, những đặc trưng cơ bản, giá trị, phương pháp tiếp cận, các thành tố, thuộc tính của văn hoá dân gian nói chung và văn hoá Việt Nam nói riêng. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ sưu tầm và nghiên cứu văn hóa dân gian, góp phần vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân gian trong đời sống xã hội hiện đại.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
442.	Làng xã cổ truyền của người Việt	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về nguồn gốc và quá trình phát triển của làng, xã cổ truyền Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; về cơ cấu kinh tế bao gồm các loại: kinh tế nông nghiệp, tiểu thương nghiệp, thủ công nghiệp diễn ra tại làng xã Việt Nam. Những kiến thức về kết cấu xã hội diễn ra trong khuôn khổ của một làng theo các cấp độ khác nhau từ gia đình dòng tộc cho đến xóm làng, phường hội... Những hình thức đó có những ràng buộc, quy định định chặt chẽ với nhau bởi hệ thống hương ước và các quy định luật, lệ khác. Bên cạnh đó, học phần cũng làm rõ đời sống tinh thần của người dân ở làng xã thông qua việc thực hành các hình thức tín ngưỡng, phong tục, tập quán khác nhau.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
443.	Khu vực học	Học phần cấu trúc gồm các nội dung:	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b>

		<p>-Lý thuyết Khu vực học: Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Khu vực học; tình hình nghiên cứu và phát triển của Khu vực học trên thế giới, khu vực và Việt Nam; những khái niệm cơ bản, vai trò và tính ứng dụng của Khu vực học trong xu thế phát triển của khoa học liên ngành và Hội nhập hiện nay; lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đặc trưng văn hóa khu vực; đối tượng, giới hạn và phạm vi nghiên cứu của Khu vực học;</p> <p>- Những kiến thức cơ bản về quốc gia, dân tộc trong thời kỳ toàn cầu hóa. Nhận diện các tiêu chí và tìm hiểu một số khu vực tiêu biểu trên thế giới. Tìm hiểu về Việt Nam học dưới góc nhìn khu vực;</p> <p>-Phương pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu Khu vực học để áp dụng vào thực tiễn, phục vụ các chương trình phát triển cũng như tổ chức các đề tài và chương trình nghiên cứu liên ngành.</p>			<p>(trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
444.	Khoa học quản lý	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý như khái niệm, vai trò của quản lý, các chức năng quản lý cơ bản, nguyên tắc quản lý, phương pháp quản lý, văn hoá và môi trường của tổ chức, quyết định quản lý... Hình thành kỹ năng quản lý, xử lý trong từng tình huống cụ thể.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
445.	Văn hóa học	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học; các đặc trưng, cấu trúc và tính chất của văn hóa; hệ thống quy luật của sự phát triển văn hóa; văn hóa đối với phát triển kinh tế- xã hội và con người; bản sắc văn hóa dân tộc và vấn đề phát triển bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt Nam; những định hướng và giải pháp phát triển bản sắc dân tộc của nền văn hoá Việt Nam hiện nay.</p>	2	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
446.	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Nội dung học phần “Tiến trình lịch sử Việt Nam” trình bày những quan điểm chính thống về lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến ngày nay với các nội dung về chính trị-quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của từng thời kỳ. Qua đó, sinh viên nắm được toàn bộ tiến trình lịch sử của dân tộc, vận dụng kiến thức đã học đối chiếu lịch sử Việt Nam với thế giới, cũng như phục vụ việc nghiên cứu các môn học khác.	2	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
447.	Quản lý nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Học phần cấu trúc gồm các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>-Những vấn đề lý luận chung quản lý nhà nước về văn hóa; Quản lý nhà nước về văn hóa.</li> <li>-Những vấn đề lý luận chung về thể thao; Quản lý nhà nước về thể thao; Hướng dẫn tổ chức giải thi đấu thể thao phong trào.</li> <li>-Một số vấn đề chung về du lịch; Các nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về du lịch.</li> </ul>	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b></li> </ul>

					(trọng số 50%).
448.	Quản lý Nhà nước về Văn hóa	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như khái niệm, chức năng, phương thức, đặc điểm, nội dung quản lý nhà nước về văn hoá trên các lĩnh vực: điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh, triển lãm, xuất bản báo chí, quảng cáo, di sản văn hoá, bản quyền tác giả, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, công tác thanh tra, kiểm tra... Các nội dung trên được trình bày dựa trên các văn bản quy phạm trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
449.	Kinh tế học văn hóa	Tất cả các nội dung nghiên cứu của Học phần nhằm mục đích khai thác, phát huy, sử dụng hợp lý và hiệu quả nhất các nguồn lực sẵn có trong và ngoài nước cho việc phát triển quá trình sản xuất, sáng tạo các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Học phần giúp người đọc có cái nhìn tổng quan về các vấn đề kinh tế trong hoạt động văn hoá, có khả năng tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định được các vấn đề kinh tế mang tính chiến lược trong lĩnh vực văn hoá. Nhận định rõ mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
450.	Chính sách văn hóa Việt Nam	Học phần trình bày những kiến thức cơ bản về chính sách văn hóa: Khái niệm, vai trò, đặc tính và cấu trúc của chính sách văn hóa và những vấn đề cốt yếu trong chính sách văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là thời kỳ đổi mới. Một số vấn đề về xây dựng chính sách văn hóa Việt Nam hiện nay như các yếu tố tác động tới chính	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> </ul>

		sách văn hóa, mục tiêu xây dựng chính sách văn hóa và các phương hướng, giải pháp để hoàn thiện chính sách văn hóa trong thời kỳ mới.			+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
451.	Công nghiệp văn hóa	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về các ngành công nghiệp văn hóa trên phạm vi thế giới đã và đang thích ứng với các công nghệ kỹ thuật số tân tiến, hiện đại và với các chính sách quốc gia, vùng miền và của các nhà lãnh đạo quốc tế. Những nhân tố này thay đổi hoàn toàn phạm vi mà các thương phẩm văn hóa, dịch vụ và vốn đầu tư dịch chuyên giữa các quốc gia, và do đó những ngành công nghiệp này đã và đang trải qua một quá trình quốc tế hóa và tập trung phát triển không ngừng, dẫn đến sự hình thành của một vài tập đoàn lớn: một sự độc quyền thiếu số bán toàn cầu mới.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
452.	Marketing văn hóa nghệ thuật	Marketing là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về Marketing, vai trò của Marketing trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch, xu hướng của hoạt động bán hàng trong xu thế toàn cầu hóa, học phần marketing cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về môi trường hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích về hành vi mua sắm - tiêu dùng sản phẩm hàng hóa dịch vụ, có được kiến thức về hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng

					số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
453.	Quản lý thiết chế văn hóa	<p>Quản lý các thiết chế văn hóa được chính thức đưa vào giảng dạy cho chuyên ngành Đại học quản lý Văn hóa sau nghị quyết 04NQ/HNTW ban hành ngày 14-1-1993, Nghị quyết đã định hướng cụ thể cho một số nhiệm vụ văn hóa văn nghệ trong giai đoạn mới, trong đó có công tác tổ chức các hoạt động văn hóa và quản lý các thiết chế văn hóa nhằm mục đích căn bản là góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.</p> <p>Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý hoạt động cũng như định hướng phát triển của các thiết chế văn hóa. Do vậy, môn học được thiết kế nội dung chương trình theo trục dọc về mặt tổ chức, quản lý của các thiết chế và trục ngang theo hoạt động của các thiết chế văn hóa.</p>	4	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
454.	Quản lý di sản văn hóa	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về di sản văn hóa, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; những quan điểm về quản lý, khai thác di sản văn hóa ở nước ta và trên thế giới hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa về mặt khoa học, về mặt kỹ thuật, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững.	4	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
455.	Tổ chức sự kiện	Học phần tổ chức sự kiện cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự kiện và tổ chức sự kiện: Khái niệm, phân loại, các thành phần tham gia vào sự kiện, những yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện và tác động	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ

		<p>của sự kiện đến một số lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhằm trang bị cho sinh viên hiểu thế nào là sự kiện và những vấn đề liên quan. Bên cạnh đó, môn học còn hướng dẫn cho sinh viên biết cách xác định chủ đề sự kiện, xây dựng các loại kế hoạch chi sự kiện, dự toán ngân sách sự kiện. Giúp sinh viên nắm được quy trình trong việc tổ chức một sự kiện. Từ đó hình thành tư duy, sáng tạo trong việc thiết kế ý tưởng và kịch bản sự kiện. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên biết cách thống kê, xác định và thực hành các công tác chuẩn bị cho tổ chức sự kiện, điều hành diễn biến của sự kiện, kết thúc sự kiện. Sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học để thực hành tổ chức và đạo diễn các sự kiện tại cơ sở hoặc tại các cơ quan, đơn vị công tác.</p>			<p>trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
456.	Quản lý nguồn nhân lực văn hóa	<p>Nội dung học phần “Quản lý nguồn nhân lực văn hóa” tập trung vào cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản lý nguồn nhân lực, nguồn nhân lực văn hoá nghệ thuật, các đặc trưng của tổ chức văn hoá nghệ thuật, quản lý nguồn nhân lực, vai trò mục đích và nguyên tắc quản lý nguồn nhân lực, tuyển chọn, sử dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.</p>	4	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
457.	Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật	<p>Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý các hoạt động nghệ thuật biểu diễn như hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và văn học; một số văn bản quản lý nhà nước về Nghệ thuật biểu diễn; kỹ năng điều hành và quản lý các hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo đặc thù của từng loại hình nghệ thuật.</p>	4	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
458.	Xây dựng kế hoạch, dự án văn hóa	Học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý mỹ thuật như các văn bản pháp quy trong lĩnh vực mỹ thuật, các hoạt động mỹ thuật hiện hành như gallery thương mại, gallery phi thương mại, dịch vụ mỹ thuật, bảo tàng mỹ thuật... các kỹ năng xây dựng kế hoạch, thực hành được quy trình của một dự án mỹ thuật ở mức độ đơn giản.	4	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
459.	Xây dựng văn hóa cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý thuyết về xây dựng văn hóa cộng đồng (khái niệm, nguyên tắc, mục tiêu, nội dung cơ bản).</li> <li>- Xây dựng văn hóa cộng đồng ở Việt Nam</li> <li>- Xây dựng và tổ chức phát triển hoạt động văn hóa cộng đồng</li> </ul>	2	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
460.	Dàn dựng chương	Học phần Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp thuộc khối kiến	0	4	Người học phải tham dự đầy

	trình nghệ thuật tổng hợp	thức chuyên ngành của ngành Quản lý văn hóa. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng tổng hợp của người đạo diễn, chỉ đạo tổ chức sản xuất các chương trình nghệ thuật quần chúng. Sinh viên được tăng cường khả năng thực hành biểu diễn nghệ thuật các môn năng khiếu như: múa, thanh nhạc, diễn kịch, bên cạnh đó thể hiện được khả năng tổ chức sắp xếp mọi công việc để hoàn thành một chương trình biểu diễn nghệ thuật.			đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
461.	Quản lý dịch vụ văn hóa	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức thiết kế gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về thị trường văn hóa, quản lý thị trường văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường, thị trường văn hóa; quản lý thị trường văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Định hướng được những yếu tố tác động và xu thế phát triển của thị trường văn hóa trong tương lai. Phân tích rõ mối quan hệ tác động giữa văn hóa và kinh tế trong phát triển để thấy vai trò của thị trường văn hóa trong việc điều chỉnh các quan hệ kinh tế.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
462.	Văn hóa Đông Nam Á	Học phần này cung cấp các nội dung kiến thức căn bản về Khu vực địa lý và đặc trưng văn hoá Đông Nam Á, hướng đến các nội dung chính là: khái quát khu vực Đông Nam Á, quá trình nhận biết khu vực Đông Nam Á; đặc điểm địa lý tự nhiên ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á; Tổ chức sản xuất và đời sống cư dân nông nghiệp, tổ chức gia đình và xã hội, nhận thức trí tuệ và đời sống tâm linh; Đặc trưng văn hóa một số nước Đông Nam Á như Phi li pin, Brunei, Indonexia, Malaixia, Thái Lan, Lào.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).

463.	Xây dựng kịch bản sự kiện	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một bộ công cụ cơ bản về kịch bản sự kiện gồm: quy trình tổ chức sự kiện và những nguyên tắc xây dựng kịch bản tổ chức sự kiện, các loại kịch bản sự kiện và các cột mốc trong kịch bản. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên những phương pháp và kỹ năng thực hành thiết kế, sáng tạo, xây dựng một số kịch bản sự kiện cụ thể phù hợp với từng loại sự kiện khác nhau nhằm giúp sinh viên vận dụng được vào thực tiễn công việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nhà nước.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
464.	Kỹ năng dẫn chương trình	Môn học Kỹ năng dẫn chương trình là một trong số các môn học thực hành giúp cho sinh viên có được những kiến thức, kỹ năng của một người dẫn chương trình ở các sự kiện khác nhau. Học phần cơ bản trang bị cho sinh viên ngành Quản lý văn hóa một nền tảng tốt về kỹ năng, phương pháp dẫn chương trình. Đồng thời, cũng giúp sinh viên nắm được những kiến thức về viết kịch bản lời dẫn chương trình, trang điểm và trang phục phù hợp với nội dung, tính chất, quy mô của từng sự kiện. Sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng những kiến thức đó để thực hành dẫn chương trình tại cơ sở hoặc tại các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, doanh nghiệp..	0	2	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
465.	Xã hội học văn hóa	Học phần giúp cho người học hiểu đối tượng của xã hội học văn hóa là nghiên cứu sự phát triển, tiếp biến của văn hóa trong một không gian, thời gian và một thực trạng. Diễn biến của những định hướng giá trị đối với các tác phẩm văn hóa, khuôn mẫu văn hóa và thể chế văn hóa hiện diện trong xã hội đương đại. Khi nghiên cứu cần xác định: không gian, thời gian, nhóm xã hội, các vùng văn hóa...	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;

					- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
466.	Quản lý nhà nước về gia đình	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận chung trong quản lý nhà nước về gia đình, giúp sinh viên có khả năng nhận diện những nét cơ bản trong gia đình Việt Nam truyền thống; thực trạng, xu hướng biến đổi, những cơ hội và thách của gia đình Việt Nam trong bối cảnh đương đại. Đồng thời nêu lên những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý, xây dựng gia đình Việt Nam trong bối cảnh đương đại và những cơ sở pháp lý để thực hiện.	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
467.	Kỹ năng giao tiếp	Học phần kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung về giao tiếp, ứng xử. Trên cơ sở những kiến thức về giao tiếp hình thành các kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng viết, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Những đặc trưng trong giao tiếp của người Việt; vai trò của giao tiếp, ứng xử đối với các cán bộ làm công tác văn hóa xã hội. Đặc biệt, sinh viên được thực hành các kỹ năng giao tiếp qua đó hình thành những kỹ năng giao tiếp phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
468.	Kỹ năng thuyết trình	Học phần giúp sinh viên hiểu biết và vận dụng chuyên sâu, chuyên nghiệp các hình thức trình bày dưới dạng văn bản; Sử dụng thành thạo kỹ thuật trình bày hiện đại và với phong cách tự tin, thuyết phục; Tạo được sự ảnh hưởng, thuyết phục và tin tưởng đến khách hàng, đối tác, nhân viên, lãnh đạo và tổ chức; Sử dụng các kỹ năng và kỹ thuật hiện đại để vượt qua “nỗi sợ hãi” và kiểm soát “người nghe” khi trình bày.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
469.	Chính sách văn hóa trên thế giới	Học phần Chính sách văn hóa thế giới là một học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý văn hóa, nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống chính sách văn hóa trên thế	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:

		<p>giới, từ lịch sử hình thành chính sách văn hóa trên thế giới qua các giai đoạn lịch sử từ thời kỳ phong kiến cho đến thời hiện đại. Học phần cung cấp các kiến thức về mô hình chính sách văn hóa tiêu biểu trên thế giới. Đề người học có cái nhìn tổng quan về hệ thống chính sách văn hóa thế giới phần nội dung chính sẽ tìm hiểu chính sách văn hóa của một số quốc gia tiêu biểu trải dài từ phương Tây đến phương Đông. Học phần còn tìm hiểu xu hướng phát triển của chính sách văn hóa thế giới dưới tác động của hoàn cảnh lịch sử ngày nay từ đó có những bài học kinh nghiệm cho quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực hiện chính sách văn hóa ở Việt Nam.</p>			<p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
470.	Quản lý hoạt động mỹ thuật	<p>Học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý mỹ thuật như các văn bản pháp quy trong lĩnh vực mỹ thuật, các hoạt động mỹ thuật hiện hành như gallery thương mại, gallery phi thương mại, dịch vụ mỹ thuật, bảo tàng mỹ thuật... các kỹ năng xây dựng kế hoạch, thực hành được quy trình của một dự án mỹ thuật ở mức độ đơn giản.</p>	4	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
471.	Pháp luật văn hóa		4	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
472.	Quản lý hoạt động thông tin, truyền thông	Học phần “Quản lý hoạt động Thông tin, Truyền thông” cung cấp cho sinh viên các khái niệm, lịch sử hình thành, sự phát triển, mối quan hệ và vai trò Thông tin và Truyền thông cũng như các vấn đề đặt ra trong việc quản lý Thông tin – truyền thông trong giai đoạn hiện nay. Học phần đi sâu vào nghiên cứu quản lý nhà nước trong lĩnh vực Thông tin – Truyền thông. Bao gồm quản lý nhà nước về Internet, viễn thông, công nghệ thông tin, báo chí, xuất bản,... thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực Thông tin truyền thông.	2	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
473.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hệ thống văn bản quản lý hành chính nhà nước và các quy định về thể thức trình bày, quy trình soạn thảo và ban hành văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp hiện nay. Học phần trang bị cho người học kỹ năng soạn thảo và trình bày các loại văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan hành chính và doanh nghiệp hiện nay như: các quyết định (cá biệt), các loại báo cáo, công văn, kế hoạch công tác, thông báo, tờ trình, biên bản... theo đúng quy định của nhà nước về công tác soạn thảo và ban hành văn bản hành chính nhà nước.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
474.	Gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa - nghệ thuật	Học phần trang bị cho người học các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận về gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật như: khái niệm, tầm quan trọng, các nguồn tài trợ, các bước trong quy trình gây quỹ và tìm tài trợ và một số hình thức gây quỹ và tìm tài trợ phổ biến hiện nay. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có đủ kiến thức và kỹ	2	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> </ul> </li> </ul>

		năng để có thể làm việc trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật. Có khả năng lập kế hoạch, xây dựng phương án và tổ chức thực hiện hoạt động Gây quỹ và tìm tài trợ một cách chuyên nghiệp và hiệu quả nhất.			+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
475.	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự kiện và các phương pháp để xây dựng các loại kế hoạch cho các sự kiện khác nhau bao gồm: khái quát về hoạt động tổ chức sự kiện, cá loại hình sự kiện, những yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện, ý nghĩa và tác động của sự kiện, phương pháp xác định chủ đề, xây dựng chương trình, cách thức để nắm vững và thực hành lập các bản kế hoạch khác nhau phục vụ cho sự kiện như : tổng thể, các bản kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí cho sự kiện, phương án của các tiểu ban tham gia sự kiện.. Người học có thể vận dụng học phần này để thực hành tại các cơ quan quản lí văn hóa Nhà nước cũng như trực tiếp tham gia công việc tổ chức và kinh doanh sự kiện tại những tổ chức và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
476.	Quản trị tài chính sự kiện		1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
477.	PR và truyền thông sự kiện		1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
478.	Thực hành tổ chức	Môn học thực hành tổ chức sự kiện cung cấp cho sinh viên những kỹ	0	4	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b>

	sự kiện	năng và phương pháp tổ chức sự kiện như: hình thành chủ đề sự kiện, xây dựng các loại kế hoạch chi sự kiện, dự toán ngân sách sự kiện. Giúp sinh viên hiểu và áp dụng quy trình trong việc tổ chức một sự kiện vào thực tiễn công việc và cuộc sống. Từ đó hình thành tư duy, sáng tạo trong việc thiết kế ý tưởng và kịch bản sự kiện. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên biết cách thống kê, xác định và thực hành các công tác chuẩn bị cho tổ chức sự kiện, điều hành diễn biến của sự kiện, kết thúc sự kiện. Sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học để thực hành tổ chức và đạo diễn các sự kiện tại cơ sở hoặc tại các cơ quan, đơn vị công tác.			(trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
479.	Teambuilding	Học phần cung cấp cho người học hệ thống tổng quan kiến thức về teambuilding. Học phần cũng cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức tổ chức các hoạt động teambuilding trong nhà và ngoài trời và cách giải quyết các tình huống khi tổ chức teambuilding.	0	2	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
480.	Sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa		2	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
481.	Kiểm kê, xếp hạng	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các đối tượng kiểm kê, nội dung	2	2	Người học phải tham dự đầy

	di sản văn hóa	kiểm kê, phương pháp kiểm kê, quy trình tổ chức kiểm kê di sản văn hóa, từ đó biết cách lập hồ sơ kiểm kê di sản văn hóa, đồng thời lựa chọn được di sản văn hóa tiêu biểu để lập hồ sơ xếp hạng các cấp (đối với di sản văn hóa vật thể) và lập hồ sơ khoa học để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.			đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
482.	Trung bày, giới thiệu di sản văn hóa		2	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
483.	Phát huy giá trị di sản văn hóa	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về vấn đề phát huy giá trị di sản văn hóa; những quan điểm về quản lý, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta và trên thế giới hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ phát huy giá trị di sản văn hóa về mặt khoa học, về mặt kỹ thuật, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững.	2	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
484.	Truyền thông di sản văn hóa		1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
485.	Ứng dụng công nghệ trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa	Học phần cung cấp cho người học hệ thống lý thuyết về phương pháp điền dã dân tộc học nói chung và trong việc nghiên cứu di sản văn hoá. Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng thực hành điền dã dân tộc học trong việc tìm hiểu một di sản văn hoá cụ thể nhằm xây dựng hồ sơ công nhận di sản các cấp.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
486.	Nguồn lực bảo tồn di sản văn hóa	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề lý thuyết về nguồn lực bảo tồn di sản văn hóa, vai trò, bản chất của nguồn lực trong công tác bảo tồn di sản văn hóa. Trên cơ sở nhận diện các nguồn lực bảo tồn di sản văn hóa, học phần đi sâu tìm hiểu một số nguồn lực chính, cơ bản được xem là các là yếu tố quan trọng, không thể	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;

		thiếu, mang tính quyết định đến hoạt động bảo tồn di sản văn hóa.			+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
487.	Phương pháp điền dã dân tộc học	Học phần cung cấp cho người học hệ thống lý thuyết về phương pháp điền dã dân tộc học nói chung và trong việc nghiên cứu di sản văn hoá. Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng thực hành điền dã dân tộc học trong việc tìm hiểu một di sản văn hoá cụ thể nhằm xây dựng hồ sơ công nhận di sản các cấp.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
488.	Thực tế chuyên ngành	- Tổ chức cho người học thâm nhập thực tế nhằm nâng cao chuyên môn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý văn hóa - Qua đợt thực tập, người học được thu thập, tích lũy thêm tư liệu, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực quản lý văn hóa. - Cùng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học trong chương trình đào tạo.	0	3	
489.	Thực tập cuối khóa	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước, bước đầu làm quen với quy trình hoạt động của bộ máy quản lý hành chính và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp, thiết chế văn hóa. Bước đầu hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	5	
490.	Báo cáo tốt nghiệp	Báo cáo tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản lý văn hóa. Đây là kết quả của quá trình sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần rèn luyện và nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của sinh viên.	0	5	
<b>XVI I</b>	<b>Bộ môn Công tác xã hội</b>				

491.	Xã hội học đại cương	<p>Môn học nghiên cứu quy luật, tính quy luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Từ sự trình bày, phân tích các khái niệm cơ bản như cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, nhóm xã hội, thiết chế xã hội..., cung cấp tri thức, hiểu biết về quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin, môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt như: Xã hội học tội phạm, xã hội học về du luận xã hội, xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn và xã hội học gia đình. Trên cơ sở những thành tựu khoa học về tri thức và công nghệ đã đạt được, xã hội học trang bị cho người học những tri thức khoa học về các lĩnh vực xã hội và kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra.</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
492.	Tâm lý học xã hội	<p>Môn học nghiên cứu các hiện tượng tâm lý của nhóm, tập thể trong mối quan hệ tác động qua lại của các cá nhân trong nhóm tạo ra tâm lý chung của nhóm. Nghiên cứu quy luật, cơ chế của sự hình thành, vận động và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội. Phân tích và làm rõ các kiến thức cơ bản về nhóm và người lãnh đạo nhóm; Bản chất, vai trò, cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội. Các hiện tượng tâm lý của nhóm lớn xã hội như: Nhóm giai cấp, dân tộc, nghề nghiệp....Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong tập thể như: Bầu không khí tâm lý xã hội, tâm trạng xã hội, truyền thống, dư luận xã hội; định kiến xã hội, xung đột xã hội. Bên cạnh đó, vấn đề giao tiếp xã hội, hành vi xã hội cũng được quan tâm nghiên cứu. Ngoài ra, vấn đề nhân cách và sự suy thoái nhân cách tổng xã hội cũng được phân tích làm rõ để chỉ ra nguyên nhân và cách khắc phục tình trạng suy thoái nhân cách hiện nay.</p>	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
493.	Gia đình học và công tác xã hội trong gia đình	<p>Học phần giới thiệu bản chất của hôn nhân và gia đình, những đặc điểm trong hôn nhân và gia đình Việt Nam; các giai đoạn phát triển của gia đình, các vấn đề thường gặp trong các gia đình Việt Nam hiện nay; các thuyết tiếp cận, tiến trình trợ giúp gia đình và các kỹ năng, kỹ thuật, phương pháp của nhân viên công tác xã hội khi làm việc với gia đình.</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng</p>

					<p>số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
494.	Nhập môn công tác xã hội	<p>Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam; Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của Công tác xã hội; Học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về phương pháp can thiệp trong CTXH, kỹ năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội; Trang bị cho người học những hiểu biết cần thiết về các quy điều đạo đức nghề nghiệp của nhân viên công tác xã hội.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
495.	Lý thuyết công tác xã hội	<p>Môn học nghiên cứu Học phần nêu khái quát chung về lý thuyết ứng dụng trong Công tác xã hội; đi sâu phân tích nội dung, bản chất và cách tiếp cận thân chủ theo các lý thuyết khác nhau trong công tác xã hội. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên lĩnh hội các kiến thức về các lý thuyết của công tác xã hội đương đại, qua đó sinh viên biết cách áp dụng lý thuyết công tác xã hội vào các trường hợp can thiệp cụ thể với các thân chủ, tác động với nhóm-cộng đồng. Đồng thời, qua việc xem xét đánh giá những lý thuyết khác nhau trong công tác xã hội, sinh viên sẽ biết cách đưa ra những cách thức lý luận khác nhau, áp dụng các mô hình lý luận khác nhau về hoạt động thực hành của công tác xã hội.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p>

					- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
496.	Hành vi con người và môi trường xã hội	Học phần hành vi con người và môi trường xã hội giới thiệu cho sinh viên: Nội dung của thuyết hành vi cổ điển, thuyết hành vi mới; Ứng dụng của thuyết hành vi trong cuộc sống và hoạt động; Các khái niệm cơ bản về hành vi con người; Các loại hành vi; Các yếu tố tác động đến hành vi con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa hành vi con người và môi trường xã hội; Tác động của hành vi con người đến môi trường xã hội, tác động của môi trường xã hội đến hành vi con người ở các giai đoạn lứa tuổi; Các biện pháp tác động đến hành vi con người; những hành vi hợp chuẩn và không hợp chuẩn của cá nhân, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục các hành vi sai lệch; Khái niệm tệ nạn xã hội, nguồn gốc, nguyên nhân, phân loại các tệ nạn xã hội hiện nay và biện pháp phòng ngừa, khắc phục các tệ nạn xã hội đó.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
497.	Giới và phát triển	Giới và Phát triển là môn học có tính liên ngành trong ngành khoa học xã hội và nhân văn. Môn học này giới thiệu những khái niệm căn bản như: giới, giới tính, nhu cầu giới, sự phân công lao động theo giới, vai trò “kép” của phụ nữ, bình đẳng giới, bất bình đẳng giới, định kiến giới, xã hội hóa về giới, phụ nữ trong phát triển, giới và phát triển, sự tham gia, và tăng quyền lực cho phụ nữ. Môn học cung cấp kiến thức về lý thuyết Nữ Quyền và lịch sử của phụ nữ Việt Nam và cũng giới thiệu các văn kiện pháp lý quan trọng giúp cho sinh viên hiểu những trọng tâm của các phong trào phụ nữ trên thế giới cũng như những cam kết của các 2 chính phủ gồm: Các mục tiêu thiên niên kỷ; 12 lĩnh vực quan tâm của hội nghị thế giới về phụ nữ ở Bắc Kinh; Công ước quốc tế về sự xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ; Luật Bình Đẳng Giới; và Luật phòng, chống bạo lực trong gia đình	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
498.	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để có thể thiết kế và thực hiện một đề tài nghiên cứu thu thập thông tin cần thiết để thực hiện một can thiệp trong một vấn đề cụ thể. Các kiến thức, kỹ năng cơ bản bao gồm xác định vấn đề nghiên cứu, câu hỏi, mục đích nghiên cứu,	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập,

		xây dựng khung lý thuyết, làm rõ các phương pháp/kỹ thuật thu thập, xử lý và triết xuất thông tin số liệu cần thiết phục vụ cho mục đích đã xác định của đề tài.			chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
499.	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	Học phần này gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm và các dạng nghiên cứu trong công tác xã hội. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong công tác xã hội. Một số phương pháp riêng mang tính đặc thù của công tác xã hội. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong công tác xã hội. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu công tác xã hội. Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái niệm. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu công tác xã hội. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu công tác xã hội. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
500.	Công tác xã hội cá nhân	Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về công tác xã hội với cá nhân. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành công tác xã hội với cá nhân cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học

					phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
501.	Công tác xã hội nhóm	Môn học trình bày phương pháp thứ hai trong thực hành công tác xã hội với nhóm thân chủ có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau. Phương pháp này dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mỗi tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực được nhân viên xã hội dự kiến trong một kế hoạch hành động. Vai trò của nhân viên xã hội là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các vai trò, sự tham gia tích cực của các nhóm viên trong các hoạt động của nhóm, đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm. Mục tiêu của thực hành công tác xã hội với nhóm đạt được hay không tùy thuộc vào khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế, am hiểu năng động nhóm, có kỹ năng điều hòa sự tham gia của các nhóm viên, biết lúc nào là can thiệp đúng lúc để giải quyết vấn đề và thực hiện đúng vai trò của mình.	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
502.	Phát triển cộng đồng	Học phần này gồm những nội dung cơ bản. Những vấn đề chung về phát triển cộng đồng. Hệ thống các khái niệm, mục tiêu, các mô hình và tiến trình phát triển cộng đồng. Các hoạt động cơ bản trong phát triển cộng đồng. Các công cụ PRA trong phát triển cộng đồng. Cách thức xây dựng một dự án phát triển cộng đồng.	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
503.	Xã hội học truyền thông đại chúng và	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về các phương tiện truyền thông đại chúng, ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đến đời	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó

	đur luận xã hội	sống xã hội. Cung cấp kiến thức nền tảng về bản chất, quy luật, hành vi, vai trò của Đur luận xã hội; phân biệt tin đồn và đur luận xã hội, ảnh hưởng của Đur luận xã hội đối với đời sống xã hội; Mỗi quan hệ giữa truyền thông đại chúng và đur luận xã hội. Đồng thời cung cấp các thao tác điều tra của Đur luận xã hội.			gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
504.	Tham vấn trong công tác xã hội	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về công tác tham vấn như: Mục đích, ý nghĩa, các nguyên tắc đạo đức trong tham vấn; mối quan hệ giữa nhà tham vấn và thân chủ trong tham vấn; các kỹ năng tham vấn cơ bản và các bước của một tiến trình tham vấn; Tham vấn cá nhân; Tham vấn gia đình; Tham vấn nhóm.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
505.	Đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của công tác xã hội. Từ đó xác định rõ đạo đức nghề nghiệp cũng chính là cơ sở khoa học, là nền tảng giá trị của ngành nghề mang tính nhân văn này. Môn học cũng làm rõ sự hình thành các quy chuẩn đạo đức của nghề không tách rời các bối cảnh kinh tế, xã hội và các đặc trưng văn hoá vùng miền. Bằng phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp môn học cũng làm rõ trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội đối với nghề nghiệp, cũng đồng thời định hướng hành động cho	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần,

		mỗi cá nhân, nhóm, cộng đồng trong mục đích vì sự công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.			chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
506.	Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình	Học phần góp phần trang bị những kiến thức lí luận về phòng chống bạo lực gia đình. Giúp sinh viên nhận biết được động cơ của bạo lực gia đình, nguyên nhân gốc rễ của bạo lực gia đình. Đồng thời giới thiệu cho sinh viên các văn bản luật của Việt Nam và của quốc tế liên quan đến những vấn đề bạo lực gia đình. Tiến trình CTXH trong phòng, chống bạo lực gia đình. Bên cạnh đó học phần còn giúp người học nắm rõ vai trò của công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình và một số phương pháp can thiệp đặc thù trong lĩnh vực này. Học phần còn cung cấp cho sinh viên biết rõ các mô hình và dịch vụ can thiệp, hỗ trợ của công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình.	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
507.	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	Môn học trình bày những khái niệm, đặc điểm của dự án phát triển hoặc dự án xã hội; các loại dự án trong ngành công tác xã hội ở các lĩnh vực đô thị, nông thôn, lĩnh vực môi trường, giáo dục, y tế, sức khỏe, HIV/AIDS. Thông qua môn học, sinh viên nắm được phương pháp xây dựng dự án theo Khung hợp lý (Logical Framework Approach) và các nội dung quản lý dự án, việc giám sát trong khi thực hiện dự án và lượng giá dự án một cách khoa học, hiệu quả.	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).

508.	Chính sách xã hội	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự hình thành chính sách xã hội; một số lý thuyết, mô hình và hệ thống các chính sách xã hội trên thế giới; Quá trình nhận thức và thực thi chính sách xã hội ở Việt Nam. Giới thiệu đến người học một số chính sách xã hội cơ bản ở Việt Nam hiện nay. Giúp cho người học nhận thức đầy đủ về các vấn đề xã hội đang diễn ra trong cuộc sống và vai trò của chính sách xã hội đối với việc giải quyết các vấn đề đó. Đồng thời nâng cao khả năng phân tích và vận dụng chính sách xã hội vào thực hành Công tác xã hội.	4	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
509.	An sinh xã hội	Học phần bao gồm các nội dung về lý luận an sinh xã hội, những mô hình thực tiễn về an sinh xã hội trên thế giới; An sinh xã hội Việt Nam từ quá trình hình thành và phát triển qua các thời kỳ, chính sách của Nhà nước, công tác tổ chức, quản lý và thực hiện an sinh xã hội; Mối quan hệ giữa an sinh xã hội và các lĩnh vực khác,.. Học phần còn giúp người học hình thành các biện pháp giúp đỡ những đối tượng gặp khó khăn trong cuộc sống nhằm xây dựng một xã hội giàu mạnh và tiên bộ. Nội dung học phần an sinh xã hội giới thiệu một số vấn đề chung, quan hệ pháp luật và quản lý nhà nước về các vấn đề an sinh xã hội, các quy định của chính sách về an sinh xã hội như: bảo hiểm xã hội, các đối tượng xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội hiện hành....	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
510.	Công tác xã hội với trẻ em	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội với trẻ em như: các kiến thức chung về trẻ em, chính sách của Đảng, nhà nước có liên quan đến trẻ em; các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình làm công tác xã hội với trẻ em,... nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, từ đó hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan đến đời sống của trẻ em.	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> </ul>

					<p>số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
511.	Công tác xã hội với người nghèo	Học phần cung cấp những vấn đề lý luận, thực tiễn và cấp bách về công tác xã hội đối với người nghèo ở nước ta. Nội dung của học phần gồm các khía cạnh cơ bản: vai trò của công tác xã hội đối với người nghèo; nguyên nhân, thực trạng nghèo đói có ảnh hưởng đến công tác xã hội, nguồn nhân lực về công tác xã hội ở những vùng nghèo, những nội dung cơ bản của công tác xã hội đối với người nghèo	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p> <p>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
512.	Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số	Học phần cung cấp những vấn đề lý luận, thực tiễn và cấp bách về công tác xã hội đối với các dân tộc thiểu số ở nước ta. Nội dung của học phần gồm các khía cạnh cơ bản: Khái quát về dân tộc và dân tộc thiểu số; Một số chính sách của nhà nước đối với nhóm dân tộc thiểu số; Một số vấn đề khó khăn cơ bản của nhóm dân tộc thiểu số; Công tác xã hội với vấn đề nghèo đói ở nhóm dân tộc thiểu số; Công tác xã hội trong hỗ trợ giải quyết vấn đề văn hóa, lối sống đối với nhóm dân tộc thiểu số; Công tác xã hội với vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường đối với dân tộc thiểu số; Công tác xã hội với vấn đề giáo dục của nhóm dân tộc thiểu số	2	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</p> <p>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p> <p>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p>

					- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
513.	Công tác xã hội trong bệnh viện	Học phần giới thiệu một số nội dung cơ bản của Công tác xã hội trong bệnh viện như: Công tác xã hội với những người bị bệnh truyền nhiễm (HIV, bệnh phụ nữ), công tác xã hội với trẻ em và người già trong bệnh viện, công tác xã hội với những người bị bệnh thông thường (bong, chấn thương), công tác xã hội với những người bị bệnh hiểm nghèo (ung thư, tim mạch). Đối với mỗi trường hợp bệnh, học phần không những giới thiệu kiến thức cơ bản liên quan đến điều kiện bệnh mà còn chỉ ra những khó khăn thường gặp của bệnh nhân trong từng trường hợp bệnh. Trên cơ sở đó, học viên có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được học vào việc giúp đỡ những bệnh nhân này.	2	0	- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
514.	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV	Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về ma túy, mại dâm. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Nội dung học phần gắn liền với nội dung giáo dục phòng chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS ; bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với con người góp phần giảm bớt những khó khăn cho đối tượng ma túy, mại dâm.	3	0	- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
515.	Công tác xã hội trong trường học	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động công tác xã hội ở trường học: các kiến thức chung về quản lý hành vi - cảm xúc học sinh, xâm hại và xung đột trong các mối quan hệ giáo viên-giáo viên, giáo viên và cán bộ quản lý, giáo viên và	2	0	- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập,

		học sinh, hay giữa giáo viên và phụ huynh học sinh. Đồng thời cung cấp những mô hình, biện pháp, phương pháp, kỹ năng phòng chống, can thiệp và giải quyết những vấn đề đó.			chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
516.	Thực hành công tác xã hội cá nhân	Sinh viên áp dụng phương pháp CTXH cho một trường hợp cụ thể (cá nhân hay gia đình) được cơ sở giao, thông qua các bước: - Nhận diện vấn đề - Thu thập thông tin - Đánh giá chẩn đoán - Xây dựng kế hoạch can thiệp - Thực hiện kế hoạch can thiệp - Lượng giá. Sinh viên sử dụng các kỹ năng đã học như vấn đàm, vãng gia, ghi chép tiến trình, làm hồ sơ xã hội,... để áp dụng phương pháp nói trên.	0	4	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
517.	Thực hành công tác xã hội nhóm	Môn học trình bày phương pháp thứ hai trong thực hành công tác xã hội (CTXH) với nhóm thân chủ có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau. Phương pháp này dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, môi trường tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực được nhân viên xã hội ( NVXH) dự kiến trong một kế hoạch hành động. Vai trò của NVXH là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các vai trò, sự tham gia tích cực của các nhóm viên trong các hoạt động của nhóm, đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm. Mục tiêu của thực hành công tác xã hội với nhóm đạt được hay không tùy thuộc vào khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế, am hiểu năng động nhóm, có kỹ năng điều hòa sự tham gia của các nhóm viên, biết lúc nào là can thiệp đúng lúc để giải quyết vấn đề và thực hiện đúng vai trò.	0	4	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
518.	Thực hành phát	Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ	0	4	Người học phải tham dự đầy

	triển cộng đồng	thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn. Phần đầu sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở, phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kiến thức, kỹ năng của phát triển cộng đồng vào giải quyết một vấn đề cụ thể tại cộng đồng, phần thứ ba sinh viên phải hoàn thiện báo cáo thực hành.			đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
519.	Thực tập cuối khóa	Học phần thực tập tốt nghiệp gồm hai phần: Phần làm việc trên lớp và tại cơ sở xã hội. Nội dung trên lớp bao gồm: Giáo viên thông qua những nội quy, quy định, kế hoạch thực tập, các cơ sở xã hội và giải đáp những thắc mắc của học viên. Phần làm việc tại các cơ sở xã hội, sinh viên vận dụng kiến thức kỹ năng CTXH đã được học vào việc tìm hiểu đánh giá vấn đề của thân chủ và xây dựng kế hoạch can thiệp	0	5	
520.	Báo cáo tốt nghiệp	Học phần thực tập tốt nghiệp gồm hai phần: Phần làm việc trên lớp và tại cơ sở xã hội. Nội dung trên lớp bao gồm: Giáo viên thông qua những nội quy, quy định, kế hoạch thực tập, các cơ sở xã hội và giải đáp những thắc mắc của học viên. Phần làm việc tại các cơ sở xã hội, sinh viên vận dụng kiến thức kỹ năng CTXH đã được học vào việc tìm hiểu đánh giá vấn đề của thân chủ và xây dựng kế hoạch can thiệp.	0	5	
<b>XVI II</b>	<b>Bộ môn Công nghệ truyền thông</b>				
521.	Lý thuyết truyền thông	Môn học cung cấp kiến thức lý thuyết về truyền thông (khái niệm, mục tiêu, các phương tiện truyền thông, mô hình của truyền thông); vai trò và chức năng của truyền thông. Từ đó, chúng ta có thể xây dựng lên được nội dung truyền thông.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>

522.	Ngôn ngữ truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về thông điệp trong truyền thông (khái niệm, đặc điểm, vai trò và các phương thức truyền tải thông điệp truyền thông); đưa ra các nguyên tắc của thông điệp truyền thông, đồng thời môn học cũng nêu lên phương pháp xây dựng các thông điệp truyền thông.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
523.	Các loại hình truyền thông	<p>Môn học cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về truyền thông và qui trình truyền thông; về các phương tiện, hình thức hoạt động và lịch sử phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng.</p> <p>Môn học cũng giới thiệu về báo chí như một hoạt động truyền thông đại chúng với chức năng, vai trò, vị trí của nó trong xã hội, những đặc thù của báo chí trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác; các nguyên tắc hoạt động báo chí, đặc trưng lao động của nhà báo và các vấn đề quan trọng như tính hiệu quả của báo chí, tự do báo chí, xu hướng phát triển báo chí....</p>	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
524.	Quan hệ công chúng	Học phần phác thảo tổng quát về ngành Quan hệ công chúng. Phần Lý luận chung sẽ cung cấp kiến thức cơ sở lý luận của Quan hệ công chúng và so sánh Quan hệ công chúng với Quảng cáo, Marketing, Dân vận, Tuyên truyền. Phần lược sử Quan hệ công chúng điếm qua lịch sử hình thành và phát triển của nghề Quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Phần khái quát Quan hệ công chúng chuyên nghiệp sẽ giúp	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng</li> </ul> </li> </ul>

		người học hiểu được vai trò, vị trí của Quan hệ công chúng trong tổ chức và xã hội, những chức năng, nhiệm vụ của Quan hệ công chúng, những hoạt động cơ bản của Quan hệ công chúng, những chức danh và vị trí công việc của người làm Quan hệ công chúng và những yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với người làm Quan hệ công chúng chuyên nghiệp.			số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
525.	Công chúng truyền thông	Trang bị cho sv những hiểu biết về công chúng báo chí, hoạt động tiếp nhận sản phẩm, tác phẩm báo chí của công chúng, công việc nghiên cứu công chúng và tác động của công việc này với báo chí hiện đại; rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu công chúng; sử dụng các kết quả nghiên cứu công chúng để lập kế hoạch truyền thông, sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng cho hoạt động truyền thông phù hợp với các nhóm công chúng cụ thể.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
526.	Xã hội học truyền thông	Truyền thông là một hoạt động cơ bản của mỗi xã hội. Truyền thông đại chúng là một quá trình xã hội trong đó thông tin được truyền đạt rộng rãi đến mọi người trong xã hội thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình. Đặc điểm lớn nhất của đời sống truyền thông đại chúng là nó nhanh chóng dẫn đến hệ quả hình thành một định chế xã hội mới trong xã hội. Định chế này đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến thông tin và kiến thức cho người dân mà còn tác động một cách mạnh mẽ đến các định chế khác trong xã hội. Vì thế nghiên cứu về truyền thông trong xã hội học là nhu cầu cần thiết nhất định.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;

					- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
527.	Tâm lý học truyền thông	Học phần được thực hiện sau khi sinh viên đã hoàn thành các học phần về kiến thức cơ sở ngành, ngành và kiến thức bổ trợ. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông trong nhiều lĩnh vực cụ thể. Phân tích, tổng hợp và nhận diện được tâm lý tiếp nhận của nhóm công chúng báo chí, truyền thông.	3	0	- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
528.	Pháp luật và đạo đức truyền thông	Học phần Pháp luật và đạo đức truyền thông là học phần cơ sở ngành Công nghệ truyền thông cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về luật pháp truyền thông: các khái niệm, quá trình hình thành và phát triển luật báo chí, luật quảng cáo, luật an ninh mạng, luật xuất bản. Các vấn đề về đạo đức truyền thông: Khái niệm về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp nhà báo; Quy định về đạo đức nghề báo của Việt Nam và thế giới trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế. Các quy tắc ứng xử của những cá nhân tổ chức làm truyền thông.	3	0	- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
529.	Bố cục và màu sắc	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu lý thuyết về màu sắc, các quy tắc về bố cục trong trang trí, thể hiện được các bài trang trí cơ bản (hình vuông, trang trí đường diềm, trang trí vải hoa,...); từ đó ứng dụng những hiểu biết vào các bài trang trí mang tính ứng	0	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn

		dụng. Những kiến thức này giúp sinh viên từng bước có ý thức hơn về thẩm mỹ và sáng tạo trong nghệ thuật.			đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
530.	Kỹ thuật quảng cáo	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về quảng cáo (định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử của quảng cáo, vấn đề văn hóa và đạo đức trong quảng cáo); tổ chức hoạt động của phòng quảng cáo và công ty quảng cáo; đặc điểm của quảng cáo ngoài trời và trên các phương tiện giao thông công cộng, các loại hình quảng cáo khác; kế hoạch sử dụng các phương tiện truyền thông cho quảng cáo; quảng cáo ở VN.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
531.	Thiết kế ấn phẩm truyền thông	Môn học sẽ nhấn mạnh vào tư duy phản biện liên quan đến lập kế hoạch phương tiện truyền thông cho quảng cáo, quan hệ công chúng và các chiến dịch truyền thông khác. Để đạt được mục tiêu này, môn học sẽ sử dụng một sự phối hợp giữa các bài giảng, tài liệu đọc thêm, thảo luận, bài tập và mô hình máy tính. Sự tham gia trong lớp học sẽ là chìa khóa để thành công của môn học. Đối với các sinh viên mong muốn sẽ làm việc liên quan trực tiếp đến quảng cáo hoặc lập kế hoạch truyền thông, môn học này sẽ cung cấp như một sự giới thiệu cho tiến trình đánh giá phản biện các lựa chọn phương tiện truyền thông, mua hoặc đưa chiến lược truyền thông vào thực hiện, lập kế hoạch đánh giá hiệu quả truyền thông và đánh giá hiệu quả của phương tiện truyền thông lên khán giả. Đối với các sinh viên khác môn học sẽ cung cấp một nền tảng kiến thức nhằm hiểu rõ vai trò của phương tiện truyền thông trong bối cảnh truyền thông chiến lược rộng lớn hơn. Môn học sẽ mô tả việc quản lý khách hàng, lập kế hoạch tiếp cận khách hàng, sáng tạo, database marketing, khuyến mãi và quan hệ công chúng liên quan đến lập kế hoạch phương tiện truyền thông.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
532.	Đồ họa truyền thông	Học phần Đồ họa truyền thông cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Photoshop, Illustrator... đây là phương tiện hỗ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Photoshop, Illustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến... thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm thiết kế Đồ họa để tạo ra	2	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		các sản phẩm Công nghệ truyền thông.			
533.	Sản xuất audio và video truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về quảng cáo, phân tích, đánh giá các khía cạnh ảnh hưởng đến sự thành công của chương trình quảng cáo, đồng thời đưa ra cách xây dựng nên một video quảng cáo hoàn chỉnh (phát triển ý tưởng, phác thảo nội dung, xây dựng kịch bản, thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu) để truyền tải những nội dung thông điệp cao	2	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
534.	Truyền thông doanh nghiệp và tiếp thị	Truyền thông marketing là một thành phần quan trọng trong marketing mix, đang phát triển rất nhanh cùng với sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông, Internet trong quá trình toàn cầu hóa. Môn học nhằm giúp sinh viên hiểu quy trình phát triển chương trình truyền thông marketing cho một sản phẩm hoặc một dịch vụ, kết hợp giữa 5 yếu tố: quảng cáo, khuyến mại, bán hàng trực tiếp, quan hệ công chúng (PR) và marketing trực tiếp. Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: Phân tích hành vi người tiêu dùng; thiết lập mục tiêu; xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông marketing; tổ chức các hoạt động truyền thông marketing; đo lường, đánh giá việc thực hiện và hiệu quả chương trình truyền thông marketing.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
535.	Kỹ năng viết truyền thông	Trong thực hành QHCC, kỹ năng viết là một trong những công việc cơ bản. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên hiểu được bản chất và các kỹ năng viết cho QHCC bằng cách giới thiệu cho họ những kỹ năng viết thiết thực và đa dạng. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được thường xuyên tìm hiểu và phân tích các tin, bài trên báo, tạp chí để nhận biết văn phong viết báo chí cũng như cảm nhận tác động xã hội của báo chí truyền thông. Trong quá trình học môn Viết cho QHCC, sinh viên được học bắt đầu từ lý thuyết đến thực hành các thể loại bài viết cho QHCC như thông cáo báo chí, các bài viết chuyên đề, thông tin hợp báo, tờ rơi, kỹ năng phỏng vấn và trả lời báo chí.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b></p>

					(trọng số 50%).
536.	Xây dựng và quản lý chiến dịch truyền thông	Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về pháp luật; quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí – xuất bản (những nguyên tắc cơ bản, bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí – xuất bản); pháp luật về báo chí (cơ quan báo chí - các loại hình, nhiệm vụ và quyền hạn; nhà báo, cộng tác viên – nhiệm vụ và quyền hạn); pháp luật về xuất bản (hệ thống pháp luật điều chỉnh về xuất bản, quyền và nghĩa vụ của công dân đối với hoạt động xuất bản, quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản). Môn học cũng đề cập đến quyền tác giả (quy chế bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao sở hữu tác phẩm...) và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí – xuất bản.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
537.	Truyền thông Internet	Truyền thông Internet là môn học cung cấp những kiến thức hiện đại nhất về hệ thống các phương tiện truyền thông trên mạng Internet, có liên quan đến hoạt động báo chí. Môn học này không chỉ cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về mạng Internet, website, weblog, webcast – podcast, portal, các phương thức truyền thông trực tuyến... mà còn mang đến cho sinh viên khả năng tiếp cận, vận dụng và khai thác thông tin trên mạng Internet. Sinh viên cũng có khả năng thiết kế công cụ cho mình và thực hiện các thao tác truyền thông cơ bản trên mạng Internet. Bên cạnh đó, sinh viên có năng lực và phương thức toạ duy về các mô thức truyền thông mới, có khả năng tiến hành nghiên cứu những phương thức truyền thông hiện đại.	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
538.	Thực hành triển khai dự án truyền thông	Môn học sẽ Nghiên cứu lý thuyết và thực hành việc thiết kế và quản lý chương trình, dự án, chiến dịch truyền thông, trên cơ sở đó nâng cao năng lực quản lý báo chí truyền thông trong các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là ở các cơ quan báo chí.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là

					điểm của học phần thực hành.
539.	Quản trị nội dung Website	Học phần bắt đầu với khái niệm về ứng dụng web, kiến trúc ứng dụng web, mô hình client - server, vai trò của web server và web client, HTTP và URL giúp học viên nắm được tổng quan về hệ thống web. Học phần đi sâu vào vai trò thông dịch của trình duyệt, sử dụng HTML, CSS và JavaScript, DOM để tạo nội dung web. Sau phần giới thiệu các công nghệ web động đang được sử dụng rộng rãi, học phần tiếp tục đi sâu vào mô hình ba tầng, mẫu thiết kế MVC, ngôn ngữ lập trình tạo web động, thao tác với cơ sở dữ liệu, xử lý hợp thức, phiên, cookie, xác thực và an ninh. Cuối cùng, học phần giới thiệu dịch vụ web, viết lại và định tuyến URL, xử lý nâng cao với AJAX, jQuery, sử dụng khung phát triển web, xu hướng phát triển web.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
540.	An toàn và bảo mật thông tin	Cung cấp những khái niệm tổng quát về vấn đề an toàn và bảo mật cho hệ thống thông tin, tính bảo mật của một cơ sở dữ liệu. Giới thiệu tới người học các lỗ hổng và điểm yếu trong bảo mật, các phương pháp mã hóa, biện pháp bảo vệ an toàn thông tin và các phần mềm được sử dụng trong bảo mật cho hệ thống máy tính và mạng. Giới thiệu khái quát về các vấn đề chính sách, pháp luật, đạo đức an toàn thông tin và đánh giá rủi ro, thực thi quản lý an toàn thông tin.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
541.	Kỹ thuật nhiếp ảnh	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các kỹ năng cần thiết trong việc sử dụng máy ảnh: tốc độ chụp, tiêu cự ống kính, ánh sáng, thời điểm, màu sắc... Hướng dẫn cho sinh viên biết cách chụp ảnh theo một bố cục hợp lý và màu sắc hài hòa nhất. Tạo cho sinh viên lòng yêu thích: yêu thích nhiếp ảnh, yêu thích nghệ thuật, yêu thích thiên nhiên, yêu thích môi trường, yêu phong cảnh đất nước con người.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
542.	Kỹ thuật quay phim	Môn học đi vào các vấn đề liên quan đến kỹ thuật truyền hình như nguyên lý hoạt động (truyền hình analog, truyền hình kỹ thuật số)	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm

		<p>phương thức truyền tải và phát tín hiệu (viba, cáp quang, vệ tinh); cấu tạo và cách sử dụng các thiết bị quay phim; kỹ thuật ghi hình (các cỡ cảnh, động tác máy, góc máy, cách lấy một shot hình chuẩn); kỹ thuật thu âm; kỹ thuật dựng phim phi tuyến; kỹ thuật truyền hình trực tiếp.</p> <p>Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quay phim đúng kỹ thuật các cỡ cảnh theo đài truyền hình Việt Nam và Quốc tế, quay phim theo chương trình thời sự của đài truyền hình Việt Nam</p>			<p>trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
543.	Xây dựng và phát triển thương hiệu	<p>Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về xây dựng, phát triển và quản lý thương hiệu. Môn học sẽ nghiên cứu lý thuyết đương đại về thương hiệu, giá trị thương hiệu và quản lý chiến lược thương hiệu. Đồng thời, môn học chú trọng vào nội dung “bằng cách nào” và “tại sao”, cung cấp những hoạch định, xây dựng, đo lường và quản lý giá trị thương hiệu. Một trong những nội dung môn học sẽ là bài tập về lập kế hoạch cụ thể cho một nhãn hiệu của sản phẩm mới hoặc hiện có.</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
544.	Xử lý khủng hoảng truyền thông	<p>Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về cơ bản quản lý, xử lý khủng hoảng đối với một tổ chức. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch để đề phòng khủng hoảng và truyền thông trong khủng hoảng.</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</p>

					- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
545.	Truyền thông đa phương tiện	Qua môn học này sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về dữ liệu đa phương tiện, xử lý và truyền thông đa phương tiện, các ứng dụng và phân loại các hệ thống đa phương tiện; Các phương pháp biểu diễn, các đặc tính cơ bản và các yêu cầu của dữ liệu đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh, video kỹ thuật số); Nguyên lý, kỹ thuật và các chuẩn nén dữ liệu: âm thanh, hình ảnh và Video kỹ thuật số; Các khái niệm, các yêu cầu, và các kỹ thuật được sử dụng để đảm bảo chất lượng dịch vụ từ đầu này đến đầu kia của truyền thông đa phương tiện; Các yêu cầu và cơ chế đồng bộ hoá trong truyền thông đa phương.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
546.	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về các phương tiện truyền thông đại chúng, ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đến đời sống xã hội. Cung cấp kiến thức nền tảng về bản chất, quy luật, hành vi, vai trò của Dư luận xã hội; phân biệt tin đồn và dư luận xã hội, ảnh hưởng của Dư luận xã hội đối với đời sống xã hội; Mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội. Đồng thời cung cấp các thao tác điều tra của Dư luận xã hội.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
547.	Văn hóa doanh nghiệp	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về về văn hoá tổ chức, các yếu tố cấu thành của văn hoá DN. Mặt khác nắm được thực trạng văn hoá doanh nghiệp ở VN để từ đó có biện pháp thiết thực nhằm xây dựng văn hoá doanh nghiệp ở nước ta. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong bộ phận giáo dục chuyên nghiệp.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;

					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
548.	Truyền thông nội bộ và quốc tế	<p>Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, mô hình tổ chức bộ máy quản trị của các doanh nghiệp, công ty, các tổ chức, cơ quan nhà nước; tìm hiểu các hoạt động quản trị truyền thông nội bộ của các tổ chức này. Kết thúc học phần, sinh viên phải có hiểu biết về cơ cấu tổ chức và hoạt động bên trong của các cơ quan, tổ chức, nắm được hoạt động quan hệ công chúng nội bộ, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực quan hệ công chúng nội bộ nhằm xây dựng và duy trì quan hệ tốt đẹp trong tổ chức, góp phần hoàn thành mục tiêu của tổ chức.</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về truyền thông quốc tế: khái niệm, chức năng, vai trò, lịch sử và xu hướng phát triển. Cung cấp kiến thức nền tảng về trật tự truyền thông quốc tế mới, mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và truyền thông quốc tế. Sức mạnh của thông tin và truyền thông trong kỷ nguyên mới.</p>	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
549.	Quản lý truyền thông hình ảnh	Học phần Quản lý truyền thông hình ảnh nghiên cứu những vấn đề cơ bản như: Các khái niệm cơ bản về hình ảnh, truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông; sơ lược sự hình thành và phát triển của hình ảnh, truyền thông hình ảnh và vấn đề quản lý hình ảnh truyền thông; đặc điểm và vai trò của truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông; cơ sở pháp lý của vấn đề truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông; các nguyên tắc truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông Vận dụng những kiến thức trên và hoạt động truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông trong thực tiễn...	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
550.	Thực tập chuyên ngành	Học phần chuyên ngành sinh viên được tham quan, tìm hiểu thực trạng tổ chức hoạt động của các Trung tâm Thông tin, các đài phát thanh truyền thanh, truyền hình, cơ quan báo chí... hàng đầu trong nước và ngoài nước (nếu có điều kiện); Sinh viên nắm được các cách thức tổ chức hoạt động, quy trình nghiệp vụ kỹ thuật và công nghệ thông tin			

		ứng dụng trong các hoạt động tại các điểm mà sinh viên đến; Sinh viên tiếp cận công với các quy trình sản xuất âm thanh, video truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.			
551.	Thực tập tốt nghiệp	Học phần thực tập chuyên ngành giúp sinh viên tìm hiểu, thực hành tổ chức hoạt động của các Trung tâm Thông tin, các đài phát thanh truyền thanh, truyền hình, cơ quan báo chí, các trung tâm công nghệ thông tin hàng đầu trong nước và ngoài nước (nếu có điều kiện); Sinh viên được thực hành tổ chức các quy trình hoạt động nghiệp vụ truyền thông và công nghệ thông tin ứng dụng trong các hoạt động tại các điểm mà sinh viên đến; Sinh viên trực tiếp làm các công tác thực hiện theo các quy trình để tạo ra các sản phẩm truyền thông, hoặc công tác marketing truyền thông. Sinh viên được thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.			
552.	Báo cáo tốt nghiệp				
553.	Tin học	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về tin học, máy tính điện tử, phần cứng, phần mềm nói riêng và công nghệ thông tin nói chung. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Ngoài ra trong chương trình học cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
554.	Toán học trong hoạt động thông tin	Toán trong hoạt động thông tin là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành gồm các lĩnh vực kiến thức cơ bản về: ngôn ngữ toán học và phương pháp biểu diễn thông tin; các quy luật suy luận logic của toán học và ứng dụng của logic trong các hệ thống tìm tin tự động hóa; hệ đếm nhị phân, đại số Boole và các mạch tổ hợp - cơ sở toán học và logic của máy tính điện tử. Trên cơ sở đó tập trung vào nội dung và phương pháp thường dùng, các nguyên tắc trong việc mô tả, mã hóa thông tin sử dụng trong hoạt động thông tin – thư viện.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng

					số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
555.	Cơ sở công nghệ thông tin	Học phần cơ sở công nghệ thông tin nghiên cứu về cấu tạo của máy vi tính, từng thiết bị trong máy vi tính hoạt động như thế nào, cách sửa chữa lắp đặt các thiết bị đó ra sao. Ngoài ra, học phần có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn. Sinh viên có thể sửa chữa lắp ráp máy vi tính theo nguyên tắc cơ bản. Làm cho sinh viên tiếp cận các môn học khác một cách dễ dàng hơn. Vì sinh viên nắm bắt cơ bản của máy vi tính nên việc tiếp cận các môn học khác dễ dàng hơn.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
556.	Cơ sở dữ liệu	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về CSDL quan hệ (khái niệm, định nghĩa về CSDL; các mô hình CSDL; các truy vấn, bảo mật và toàn vẹn dữ liệu,...). Các phương pháp phân tích và đánh giá, xây dựng CSDL. Thiết kế CSDL bằng ngôn ngữ dữ liệu quan hệ SQL. Tìm hiểu và thực hành các kỹ thuật cơ bản khi xây dựng CSDL (tổ chức, xử lý, truy vấn dữ liệu và khai thác DL). Tạo cơ sở tiền đề cho việc tiếp cận, nâng cao và phát triển năng lực của người học về thiết kế và quản trị CSDL trên các phần mềm QTCSDL khác.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
557.	Lập trình căn bản	Học phần Lập trình căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập trình thông qua ngôn ngữ lập trình C, như: các khái niệm cơ bản trong lập trình như kiểu dữ liệu, hàm, biến, mảng...Sinh viên biết vận dụng các khái niệm này vào trong các hàm và chương trình. Sinh viên nắm rõ các lệnh nhập xuất trên các đối tượng và các lệnh điều khiển. Đồng thời giúp sinh viên sử dụng các lệnh này ứng dụng vào các bài toán thực tế từ cơ bản đến phức tạp. Cuối cùng sinh viên nắm rõ được các cách khai báo hàm, cách sử dụng các hàm, con trỏ, chương trình, tổ chức các hàm và chương trình làm cơ sở cho việc ứng dụng viết các hàm, chương trình cho các bài toán khai báo hàm từ đơn giản đến	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		phức tạp. Mặt khác, việc nắm vững ngôn ngữ C là cơ sở để sinh viên có điều kiện tìm hiểu và nghiên cứu rộng hơn đối với các ngôn ngữ lập trình khác như C++, ASP.Net, C#, Java, Visual C++,... đặc biệt là phát triển các ứng dụng CNTT.			
558.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Học phần Cấu trúc dữ liệu và giải thuật là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở của chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng, ngành Thông tin – Thư viện. Học phần trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh về phân tích và thiết kế các giải thuật lập trình cho máy tính. Cung cấp kiến thức nền tảng về các giải thuật trên máy tính, bao gồm giải thuật đệ quy, các giải thuật tìm kiếm, sắp xếp. Cung cấp kiến thức về các cấu trúc dữ liệu và giải thuật tương ứng thông dụng trên máy tính, bao gồm danh sách, hàng đợi, ngăn xếp, cây nhị phân tìm kiếm, cây AVL. Kết thúc học phần sinh viên cài đặt các thuật giải áp dụng vào các bài toán trong thực tế.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
559.	Các phương pháp tối ưu hóa	Các phương pháp tối ưu hóa là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng thuộc ngành Thông tin – Thư viện gồm các lĩnh vực kiến thức cơ bản về: Lý thuyết thuật toán; Lý thuyết đồ thị bao gồm khái niệm về đồ thị, phân loại đồ thị, Đồ thị Euler, đồ thị Hamilton, Cây và một số ứng dụng của cây, các bài toán tối ưu trên đồ thị cũng như các ứng dụng của lý thuyết đồ thị trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Từ những kiến thức cơ bản trên vận dụng để giải quyết các bài toán tối ưu trên thực tế như: bài toán tô màu đồ thị, bài toán xếp lịch thi, bài toán đếm, bài toán tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây khung nhỏ nhất, bài toán du lịch...	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
560.	Hệ điều hành	Hệ điều hành là một chương trình quản lý phần cứng máy tính. Nó cung cấp nền tảng cho các chương trình ứng dụng, thi hành và đóng vai trò	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm

		trung gian giao tiếp giữa người dùng và phần cứng máy tính, cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, tài nguyên của hệ thống máy tính, các khái niệm về hệ điều hành và dịch vụ của hệ điều hành. Đây là môn học cần thiết trong lĩnh vực Công nghệ thông tin cung cấp cái nhìn tổng quát làm nền tảng để xây dựng các ứng dụng trên hệ thống máy tính và rất cần thiết với việc phát triển hệ thống			trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
561.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Học phần Phân tích thiết kế các hệ thống thông tin cung cấp cho sinh viên các nội dung chính như: Tìm hiểu và Khảo sát một hệ thống thực. Mô hình hóa hệ thống bằng các công cụ mô phỏng. Thiết kế và xây dựng chương trình Kiểm thử và bảo trì hệ thống. Học phần tập trung vào 2 kỹ năng cơ bản: Phân tích thiết kế hệ thống hướng chức năng và hướng đối tượng.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
562.	Mạng máy tính 1 (Lý thuyết mạng, LAN, WAN)	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về hệ thống mạng máy tính. Thực hành các vấn đề liên quan đến hệ thống mạng LAN, WAN. Chuẩn đoán và xử lý các sự cố về hệ thống mạng.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
563.	Lập trình Web	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về mô hình hệ thống Web, nguyên tác hoạt động hệ thống web; về thiết kế website cũng như các kiến thức cơ bản liên quan đến ngôn ngữ siêu văn bản HTML và chương trình soạn thảo thiết kế web; Quản trị một webserver trên hệ thống máy chủ webserver,... Từ đó, giúp cho sinh viên có những nhận thức về tầm quan trọng của việc thiết kế chức năng và giao diện của một trang web; hiệu quả của việc tạo ra một website có chức năng phù hợp; nhận thức và đánh giá sâu về vấn đề an ninh bảo mật thông tin trên web, vai trò quan trọng của người quản trị website.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
564.	Trí tuệ nhân tạo	Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo bao gồm các phương pháp giải quyết vấn đề sử dụng phương pháp tìm kiếm, các chiến lược tìm kiếm có kinh nghiệm, tìm kiếm thỏa mãn ràng buộc, tìm kiếm có đối thủ trong trò chơi, các phương pháp biểu diễn tri thức và các giải thuật tìm kiếm trong không gian trạng thái. Môn học	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;

		cũng giới thiệu với người học ngôn ngữ lập trình logic và giải thuật để chứng minh một mệnh đề là đúng.			+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
565.	Công nghệ phần mềm	Học phần Công nghệ phần mềm là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành của chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng, ngành Thông tin – Thư viện. Học phần được bố trí giảng dạy sau các học phần lập trình căn bản, cấu trúc dữ liệu giải thuật, cơ sở dữ liệu, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin,... Học phần cung cấp cho sinh viên các quá trình phát triển, các yêu cầu và đặc tả phần mềm, thiết kế phần mềm, kiểm tra chất lượng phần mềm, công cụ và môi trường phát triển phần mềm.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
566.	Mạng máy tính 2 (Cấu hình thiết bị, Swith)	Nội dung chính của học phần này là khảo sát thành phần cấu trúc và hoạt động của router, đồng thời hướng dẫn người học cấu hình cơ bản cho router, kiểm tra truy cập và xử lý các sự cố cho router.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
567.	Mạng máy tính 3 (Quản trị Server)	Nội dung chính của học phần này là Quản trị mạng là một công việc rất phức tạp, có liên quan đến hàng loạt vấn đề như: Quản lý lỗi, Quản lý cấu hình, Quản lý an ninh mạng, Quản lý hiệu quả, Quản lý tài khoản; Để làm được điều này một cách có hiệu quả phải theo dõi một cách toàn diện tình trạng hoạt động của mạng bằng cách sử dụng các nghi thức	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là

		quản trị mạng.			điểm của học phần thực hành.
568.	Phát triển Website với phần mềm nguồn mở	Học phần phát triển web mã nguồn mở cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng liên quan đến các vấn đề: Tìm hiểu và Khảo sát một hệ thống thực; Mô hình hóa hệ thống bằng các công cụ mô phỏng; Thiết kế và xây dựng chương trình; Kiểm thử và bảo trì hệ thống. Học phần tập trung vào 2 kỹ năng cơ bản: Phân tích thiết kế hệ thống hướng chức năng và hướng đối tượng	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
569.	Kiến trúc máy tính	Học phần kiến trúc máy tính nghiên cứu tổng quan chung về cấu trúc và chức năng của máy tính; Lịch sử phát triển của máy tính; Hoạt động của hệ thống máy tính dựa trên các thành phần cấu trúc là bus, bộ xử lý, bộ nhớ, hệ thống vào-ra, tập lệnh. Các hệ thống số và biểu diễn dữ liệu trong máy tính; Kiến trúc tập lệnh trong máy tính; Hệ thống bộ nhớ RAM, ROM, bộ nhớ phân cấp...Các nguyên tắc tổ chức vào ra, chuyên giao dữ liệu và các chế độ chuyển giao; ổ đĩa và RAID.	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
570.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp	Học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin trong doanh nghiệp là học phần chuyên ngành cho sinh viên ngành Thông tin – Thư viện chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng gồm 6 lĩnh vực kiến thức về: Những vấn đề cơ bản về thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; Giới thiệu tổng quan về Microsoft Excel 2010; Cơ sở dữ liệu trong excel như sắp xếp dữ liệu, lọc dữ liệu, các hàm trên cơ sở dữ liệu; Tổng hợp, phân tích và thống kê số liệu; Các hàm tài chính và Một số bài toán ứng dụng trong kinh doanh như: Bài toán dự báo kinh tế, Bài toán tìm mục tiêu, Bài toán qui hoạch tuyến tính, Bài toán phân tích tình huống, Bài toán phân tích độ nhạy, Bài toán tìm giao điểm của đường cung và đường cầu, Bài toán điểm hòa vốn.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
571.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Học phần “Hệ quản trị cơ sở dữ liệu” là học phần chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Thông tin – Thư viện (chuyên ngành Công nghệ	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm

		thông tin ứng dụng) gồm 6 lĩnh vực kiến thức về: Tổng quan Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access 2010 như Khái niệm cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, môi trường làm việc và các thành phần cơ bản của MS Access 2010; Xây dựng bảng bao gồm tạo bảng, trường và các thuộc tính, nhập liệu, mối quan hệ giữa các bảng; Truy vấn dữ liệu bao gồm Select Query, Crosstab Query; Xây dựng Form như khái niệm về Form, tạo Form, Kỹ thuật Main/Sub Form; Báo biểu (Report) và Macro – Tập lệnh.			trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
572.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thư viện	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về ứng dụng tin học trong hoạt động thư viện, các phần mềm về thư viện như Greenstone, ...các vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động thư viện, các lợi ích khi sử dụng các phần mềm cho hoạt động thư viện, ứng dụng một số phần mềm trong công tác hoạt động thư viện. Sau khi học xong sinh viên có thể cài đặt thêm ứng dụng phần mềm và sử dụng phần mềm Proshow Producer. Xây dựng video giới thiệu học liệu bằng phần mềm Proshow Producer.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
573.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu trữ	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khả năng ứng dụng CNTT vào công tác Văn thư – Lưu trữ, trong đó trọng tâm đi sâu vào phần quản lý văn bản đi, đến trong công tác văn thư và quản lý tra tìm tài liệu lưu trữ trong công tác lưu trữ. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ văn thư đi và đến một cách khoa học và có hiệu quả.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
574.	Quản trị dự án tin học	Học phần Quản trị dự án tin học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành của chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng, ngành Thông tin – Thư viện. Học phần Quản trị dự án tin học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Các khái niệm về Hệ thống, dự án và dự án CNTT; Phương pháp lập kế hoạch cho một dự án; Phương pháp kiểm soát và điều hành dự án tin học.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng

					số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
<b>XIX</b>	<b>Bộ môn Thông tin – Thư viện</b>				
575.	Tra cứu tin	Môn học Tra cứu tin cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tra cứu thông tin, bộ máy tra cứu thông tin, những kiến thức sâu về các dạng tra cứu thông tin, về hệ thống thông tin nói chung cũng như các kỹ năng tra cứu thông tin theo phương pháp truyền thống và hiện đại. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức để có khả năng đánh giá và thẩm định các nguồn tin cũng như các nguồn tra cứu truyền thống và hiện đại. Từ đó phổ biến thông tin đến người dùng tin. Ngoài các kiến thức và kỹ năng trên, sinh viên còn được trang bị kiến thức về Internet nói chung, các thư mục chủ đề và máy tìm tin cũng như các phương pháp tìm tin một cách có hiệu quả với các cơ sở dữ liệu trên Internet.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
576.	Thông tin học đại cương	Môn học Thông tin học đại cương trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và đại cương về thông tin và thông tin học. Bao gồm: Khái niệm; Các hình thức chuyển tải và kỹ thuật lưu giữ thông tin; Các loại hình thông tin. Những vấn đề chung của thông tin học: Khái niệm, lịch sử hình thành & phát triển, nhiệm vụ & đối tượng nghiên cứu, những khái niệm, phạm trù và phương pháp nghiên cứu của thông tin học và mối quan hệ của thông tin học với các ngành khoa học khác. Vai trò của thông tin trong phát triển kinh tế, xã hội. Các vấn đề của thông tin trong đời sống kinh tế - xã hội phát triển. Hoạt động quản trị thông tin trong xã hội bao gồm vai trò, các phương thức quản trị thông tin và các hoạt động quản trị thông tin trong các cơ quan thông tin.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
577.	Thư viện học đại cương	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về cơ sở lý luận thư viện học: đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, lịch sử thư viện học; mối quan hệ giữa thư viện học với các khoa học khác; các vấn đề lý luận về thư viện: khái niệm, các bộ phận cấu thành thư viện, lịch sử thư viện, các chức năng, nhiệm vụ và vai trò của thư viện; các nguyên lý tổ	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;

		chức sự nghiệp thư viện Việt Nam; các hệ thống thư viện chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm, tính chất, xu thế phát triển của nghề thư viện			+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
578.	Thư viện trường học	Học phần thư viện trường học là học phần cơ sở ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm khái niệm, chức năng, vai trò, mối quan hệ thư viện trường học và các quan điểm, nguyên tắc xây dựng phát triển thư viện trường học; Các tiêu chuẩn trong hoạt động thư viện trường học về cơ sở vật chất, về hoạt động nghiệp vụ, bảo quản, kiểm kê thanh lý tài liệu trong thư viện trường học; Kiến thức về công tác tổ chức phục vụ trường học và công tác tổ chức quản lý thư viện trường học.	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
579.	Xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở lý luận cơ bản về xây dựng và phát triển nguồn tin trong hoạt động thông tin thư viện, những hình thức phát triển nguồn tin. Sinh viên giải quyết những công việc thực tiễn như: Bổ sung, trao đổi, thanh lọc và chia sẻ nguồn lực thông tin; đồng thời áp dụng công nghệ thông tin trong công tác phát triển nguồn tin truyền thống và hiện đại	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng

					số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
580.	Người dùng tin	Học phần “Người dùng tin” cung cấp kiến thức cơ bản về người dùng tin, bạn đọc, công tác phục vụ người dùng tin...; vai trò, nhiệm vụ, các nguyên tắc của công tác phục vụ người dùng tin trong thư viện và trung tâm thông tin; các phương pháp nghiên cứu, khảo sát nhu cầu của người dùng tin trong xã hội. Tổ chức các dịch vụ thông tin thích hợp cho các nhóm người dùng tin. Tổ chức các hoạt động đào tạo người dùng tin giúp người dùng tin sử dụng nguồn lực thông tin một cách có hiệu quả nhất.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
581.	Sản phẩm và dịch vụ Thông tin – Thư viện	Học phần Sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện là học phần ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành Thư viện- Thiết bị trường học cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, lịch sử hình thành phát triển, mối quan hệ và vai trò của sản phẩm và dịch vụ trong hoạt động thông tin, thư viện. Các yếu tố bên ngoài và bên trong tác động tới sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ thông tin- thư viện cũng như xu thế phát triển của chúng. Kiến thức xây dựng và đánh giá các sản phẩm thông tin -thư viện truyền thống và hiện đại; Kiến thức tổ chức và đánh giá các dịch vụ thông tin - thư viện truyền thống và hiện đại. Cung cấp kiến thức khái niệm, các yếu tố và nội dung marketing sản phẩm thông tin- thư viện.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
582.	Tổ chức & quản lí hoạt động thông tin – thư viện	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở lý luận cơ bản về tổ chức và quản lý; các hình thức tổ chức và quản lý hoạt động thông tin thư viện ở nước ta. Sinh viên nắm vững giải quyết những công việc	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:

		<p>n như: Lập kế hoạch, thống kê, xây dựng định mức lao động khoa học, quản lý ngân sách, tổ chức lao động khoa học... Đồng thời sinh viên nắm được phương hướng tổ chức và quản lý hoạt động thông tin thư viện tại hoạt động thông tin - thư viện truyền thống và hiện đại.</p>			<p>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
583.	Những vấn đề cơ bản về công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông	<p>Học phần “Những vấn đề cơ bản về công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông” nhằm bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông. Học phần này hướng đến 2 nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí, vai trò của công tác thiết bị dạy học, phân loại, đặc điểm, hình thức sử dụng các loại hình thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông</li> <li>- Nghiệp vụ quản lý và nhiệm vụ của viên chức làm công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông.</li> </ul>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
584.	Thiết bị dạy học dùng chung ở cơ sở giáo dục	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan chung về hệ thống thiết bị dùng chung ở trường phổ thông; Khái quát về cấu tạo, tính năng, tác dụng, cách sử dụng, bảo dưỡng và bảo quản các thiết bị dùng chung trong nhà trường phổ thông. Sinh viên tự thực hành về sử dụng, bảo dưỡng và bảo quản các thiết bị dùng chung trong nhà trường; Kỹ thuật kết nối các thiết bị.</p>	3	0	<p>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</p>

					+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
585.	Thiết bị dạy học môn Mỹ thuật	Học phần Thiết bị dạy học môn Mỹ thuật là học phần kiến thức ngành Thông tin thư viện chuyên ngành Thư viện- Thiết bị trường học. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về giới thiệu, sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng các thiết bị dạy học mỹ thuật trong cơ sở giáo dục phổ thông, đóng vai trò quan trọng trong nâng cao bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác Thiết bị trường học	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
586.	Thiết bị dạy học môn Hóa học	Học phần thiết bị dạy học môn Hóa học là học phần bắt buộc chuyên ngành Thư viện- Thiết bị trường học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Hệ thống các thiết bị dạy học; phân loại thiết bị, cách tổ chức quản lý, bảo quản, sử dụng thiết bị, bảo quản sử dụng hóa chất, các kỹ thuật làm việc trong phòng thí nghiệm, các nguyên tắc đề pha chế dung dịch cũng như vận dụng cách pha chế để chuẩn bị các dụng cụ hóa chất làm một số thí nghiệm cơ bản trong chương trình phổ thông. Từ đó giúp người học phát huy tính tích cực, tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt và có kỹ năng để sử dụng tốt các thiết bị trường học nói chung và các thiết bị dạy học môn Hóa học nói riêng như: vận dụng các kiến thức đã học vào việc lựa chọn các thiết bị, hóa chất phù hợp với nội dung và phương pháp chuẩn bị thí nghiệm ở trường phổ thông.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
587.	Thiết bị dạy học môn Địa lý	Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thiết bị dạy học môn địa lí ở trường phổ thông. Từ đó định hướng cách sử dụng, lắp đặt, bảo quản, sửa chữa và quản lý TBDH hợp lý, khoa học góp phần nâng cao chất lượng dạy học tại trường phổ thông.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
588.	Thiết bị dạy học môn Sinh học	Học phần Thiết bị dạy học môn Sinh học là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào ngành Thông tin – Thư viện/Chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học, gồm các lĩnh vực kiến thức: Những vấn đề chung về thiết bị dạy học môn Sinh học, hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học môn Sinh học, tổ chức quản lý thiết bị dạy học môn sinh	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là

		học và thực hành chuẩn bị, sử dụng thiết bị dạy học theo một số bài thí nghiệm trong chương trình sinh học phổ thông.			điểm của học phần thực hành.
589.	Thiết bị dạy học môn Vật lý	Học phần Thiết bị dạy học môn Vật lý là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo Chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học, gồm các lĩnh vực kiến thức: Tìm hiểu chương trình vật lý và các loại hình Thiết bị sử dụng dạy học môn Vật lý; Chức năng, nguyên tắc và quy trình thực hiện các thí nghiệm vật lý; Nguyên tắc hoạt động, cấu tạo và tính năng của một số dụng cụ đo cơ bản sử dụng trong dạy học môn vật lý; Một số nguyên tắc tổ chức quản lý, bảo quản và bảo dưỡng thiết bị dạy học vật lý; Cách Lắp đặt, sử dụng thiết bị trong dạy- học môn vật lý ở trường THCS, THPT;	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
590.	Thiết bị dạy học môn Âm nhạc	Học phần thiết bị dạy học môn âm nhạc là học phần kiến thức chuyên ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thiết bị dạy học các môn âm nhạc ở trường phổ thông. Các tiêu chuẩn trong hoạt động thư viện trường học về các thiết bị giáo dục môn âm nhạc về hoạt động nghiệp vụ, phương pháp tiếp cận, bảo quản, kiểm kê thanh lý các thiết bị âm nhạc trong thư viện trường học; Kiến thức về công tác tổ chức phục vụ trường học và công tác tổ chức quản lý thư viện trường học.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
591.	Tự động hóa hoạt động thông tin thư viện	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về tự động hóa và hiện đại hóa trong các khâu, các hoạt động nghiệp vụ của hoạt động thông tin – thư viện hiện đại, bao gồm: Nội dung và nguyên tắc của tự động hóa; ứng dụng công nghệ thông tin tại hoạt động thông tin – thư viện; hệ thống các phần mềm chuyên dụng, phân tích các dự án mẫu về đầu tư công nghệ thông tin; các chuẩn công nghệ và chuẩn nghiệp vụ đang được áp dụng trong ngành Thông tin – thư viện; tìm hiểu các quy trình được tự động hóa trong hoạt động Thông tin – thư viện; các trang thiết bị đang được sử dụng hiện nay.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
592.	Thống kê học	Học phần cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản về thống kê học (các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chỉ tiêu thống kê, các loại thang đo,...). Qua đó, giúp cho học sinh tư duy, biết thu thập, tích lũy, xử lý và phân tích các dữ liệu số từ các hiện tượng, sự việc, tình hình xảy ra trong thực tế nhằm tìm hiểu bản chất và quy luật của các hiện tượng này. Đồng thời môn học này còn giúp sinh viên nắm được quá trình nghiên	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng

		cứu thống kê; Cách thức trình bày các số liệu thống kê; Tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng thống kê (Số trung bình cộng, số trung vị, môđ, Phương sai và độ lệch chuẩn) ; Ước lượng thống kê và kiểm định giả thiết thống kê.			số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
593.	Lý luận và phương pháp công tác văn thư	Học phần Lý luận và phương pháp công tác văn thư là học phần cơ sở ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản về kỹ năng, nghiệp vụ công tác văn thư: các khái niệm, nội dung, đặc điểm, yêu cầu, vị trí, ý nghĩa của công tác văn thư và các kiến thức về nội dung nghiệp vụ văn thư bao gồm soạn thảo và ban hành văn bản, quản lý văn bản đến, quản lý văn bản đi, quản lý và sử dụng con dấu, lập hồ sơ và lưu hồ sơ, tài liệu vào cơ quan lưu trữ	2	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
594.	Công tác văn thư lưu trữ	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về công tác văn thư lưu trữ; Kỹ năng thực hiện các quy trình nghiệp vụ văn thư và lưu trữ như: Quản lý văn bản đến, văn bản đi; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ vào lưu trữ cơ quan; thu thập và bổ sung tài liệu lưu trữ; xử lý tài liệu lưu trữ; tổ chức lưu trữ, sử dụng tài liệu lưu trữ	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;

					- Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
595.	Thiết bị dạy học các môn xã hội	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thiết bị dạy học các môn KHXH ở trường phổ thông. Nhận biết hệ thống thiết bị dạy học các môn KHXH ở trường phổ thông theo danh mục tối thiểu do Bộ GD&ĐT ban hành. Từ đó định hướng cách quản lý TBDH hợp lý. - Học phần cũng trang bị phương pháp tiếp cận giúp người học hiểu và biết cách sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng các thiết bị dạy học các môn KHXH ở trường phổ thông.	3	0	- Điểm đánh giá quá trình (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%).
596.	Xử lý thông tin 1 (biên mục, phân loại tài liệu)	Học phần Xử lý thông tin 1 là học phần ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, chức năng, yêu cầu, quy trình và lịch sử hình thành phát triển xử lý thông tin. Cung cấp lý luận chung về khái niệm, tiêu chuẩn, quy tắc, khổ mẫu và phương pháp xử lý hình thức tài liệu/ biên mục tài liệu. Cung cấp kiến thức về khái niệm, vai trò, các bảng phân loại và phương pháp phân loại tài liệu. Cung cấp kỹ năng xử lý hình thức tài liệu/ biên mục tài liệu theo tiêu chuẩn ISBD, AACR2, RDA, MARC21 và kỹ năng phân loại tài liệu theo khung phân loại DDC, 19 lớp.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
597.	Xử lý thông tin 2 (Xử lý nội dung tài liệu)	Học phần Xử lý thông tin 2 là học phần ngành Thông tin – Thư viện chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, vai trò, cấu trúc, phương pháp định chủ đề; khái niệm, vai trò, cấu trúc, phương pháp định từ khóa tài liệu; cung cấp kiến thức khái niệm, vai trò, cấu trúc, phương pháp biên soạn bài chú giải, biên soạn tóm tắt tài liệu; Cung cấp khái niệm, mục đích, đặc trưng và biên soạn bài tổng luận tài liệu. Cung cấp kỹ năng định chủ đề, định từ khóa tài liệu và biên soạn bài tóm tắt và chú giải tài liệu	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
598.	Thiết bị dạy học ở	Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thiết bị	3	0	- Điểm đánh giá quá trình

	trường Tiểu học	dạy học ở trường tiểu học. Từ đó định hướng công tác thiết bị dạy học tại trường tiểu học một cách hiệu quả và khoa học góp phần nâng cao chất lượng dạy học tại trường tiểu học.			(trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
599.	Thiết bị dạy học thể dục thể thao	Học phần Thiết bị dạy học Thể dục thể thao là học phần ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành Thư viện- Thiết bị trường học, gồm các lĩnh vực kiến thức: Tổng quan về thiết bị dạy học Thể dục thể thao, hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học Thể dục thể thao và thực hành chuẩn bị, sử dụng thiết bị dạy học thể dục thể thao trong chương trình giảng dạy môn thể dục ở trường phổ thông.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
600.	Thiết bị dạy học môn công nghệ	Học phần thiết bị dạy học môn công nghệ là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của của Ngành Thông tin – Thư viện/Chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan chung về hệ thống thiết bị dạy học môn công nghệ ở trường phổ thông; Khái quát về cấu tạo, tính năng, tác dụng, cách sử dụng, bảo dưỡng và bảo quản các thiết bị dạy học môn công nghệ trong nhà trường phổ thông. Sinh viên tự thực hành về sử dụng, bảo dưỡng và bảo quản các thiết bị dạy học môn công nghệ ở trường phổ thông.	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
601.	Thư viện số	Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về các khái niệm thư viện số;	1	1	Người học phải tham dự đầy

		<p> cơ sở hạ tầng thư viện số; sưu tập số; nguồn nhân lực và người dùng tin của thư viện số. Ngoài ra, môn học còn tập trung vào các kỹ năng thiết kế mô hình thư viện số, xây dựng dự án thư viện số, số hóa tài liệu và quản trị tài liệu số trên phần mềm DSpace. Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng thư viện số nền tảng, sinh viên có thể tiếp tục tự nghiên cứu, tự học để phát triển tốt nghiệp vụ thư viện số.</p>			<p>đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
602.	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	<p>Môn học cung cấp kiến thức về lý luận thông tin và quản lý; các cấp độ, loại hình thông tin lãnh đạo và quản lý. Nắm được vai trò, đặc điểm của thông tin trong công tác lãnh đạo và quản lý; các nguyên tắc, cơ sở khoa học và các bước thực hiện trong quá trình xây dựng hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý. Từ đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xử lý, phân tích, tổng hợp và xây dựng hệ thống thông tin phục vụ cho công tác lãnh đạo và quản lý</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
603.	Tổ chức cơ quan nhà nước	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống các cơ quan nhà nước, địa vị pháp lý của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, từ đó có các nhận thức liên quan đến quá trình hoàn thiện các cơ quan nhà nước theo hướng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa</p>	2	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:  + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;  + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;  + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;  + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;  <b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>

604.	Nhập môn công tác văn thư	Học phần Nhập môn công tác văn thư là học phần chuyên ngành Văn thư - Lưu trữ thuộc ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản chung nhất về công tác văn thư: các khái niệm, đặc điểm, yêu cầu, vị trí, ý nghĩa của công tác văn thư. Các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của công tác văn thư và tìm hiểu công tác văn thư hiện nay ở Việt Nam.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
605.	Lưu trữ học	Môn học Lưu trữ học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lưu trữ học. các quy trình nghiệp vụ cụ thể của công tác lưu trữ như: thu thập và bổ sung tài liệu lưu trữ; xử lý tài liệu lưu trữ; tổ chức lưu trữ, sử dụng tài liệu lưu trữ. Môn học giúp cho hoạt động nghiên cứu, tổ chức, cải cách hành chính của các cơ quan đạt hiệu quả cao	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
606.	Nghiệp vụ văn thư 1 (soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản)	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hệ thống văn bản quản lý hành chính nhà nước và các quy định về thể thức trình bày, quy trình soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản hành chính trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp hiện nay. Học phần trang bị cho người học kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính thông thường như: các quyết định (cá biệt), các loại báo cáo, công	3	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng</li> </ul> </li> </ul>

		văn, kế hoạch công tác, thông báo, tờ trình, biên bản... cũng như trình tự ban hành và quản lý các văn bản trên theo đúng quy định của nhà nước.			số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
607.	Nghiệp vụ văn thư 2 (lưu trữ hiện hành)	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm, hồ sơ, danh mục hồ sơ, lập hồ sơ; vị trí của việc lập hồ sơ; tác dụng của việc lập hồ sơ; yêu cầu của hồ sơ được lập; lập hồ sơ trong môi trường mạng. Bên cạnh đó học phần đưa ra các phương pháp lập hồ sơ như: lập danh mục hồ sơ; lập hồ sơ công việc; lập hồ sơ điện tử; lập hồ sơ nguyên tắc; tổ chức lập hồ sơ nhân sự; lập hồ sơ trong cơ quan. Học phần cung cấp các kiến thức về trách nhiệm nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan và phương pháp về nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan như: xác định thời hạn nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan; thành phần hồ sơ, tài liệu nộp lưu vào lưu trữ cơ quan; tổ chức việc nộp lưu vào lưu trữ cơ quan.	2	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
608.	Nghiệp vụ lưu trữ 1 (thu thập, xử lý tài liệu)	Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về một số khâu trong nghiệp vụ lưu trữ như xác định giá trị tài liệu; Thu nhập, bổ sung tài liệu lưu trữ; chỉnh lý tài liệu lưu trữ; các công cụ tra tìm tài liệu chủ yếu trong các lưu trữ. Bên cạnh đó học phần cung cấp các phương pháp về nghiệp vụ lưu trữ như: Tổ chức công tác xác định giá trị tài liệu; Thu thập, bổ sung tài liệu lưu trữ vào lưu trữ hiện hành và lưu trữ lịch sử; Chỉnh lý tài liệu lưu trữ.	2	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
609.	Nghiệp vụ lưu trữ 2 (bảo quản tài liệu, khai thác sử dụng văn bản)	Học phần cung cấp các kiến thức về khái niệm, ý nghĩa, nội dung, nguyên tắc, yêu cầu của một số khâu trong nghiệp vụ lưu trữ như thống kê tài liệu lưu trữ; bảo quản tài liệu lưu trữ; tổ chức và khai thác tài liệu lưu trữ. Các phương pháp thống kê tài liệu lưu trữ: Thống kê tài liệu lưu trữ hành chính; Thống kê tài liệu lưu trữ chuyên môn; Báo cáo thống kê tổng hợp; Bảo quản và sử dụng sổ sách thống kê. Phương pháp quản lý và tu bổ tài liệu trong kho lưu trữ: Sắp xếp tài liệu trong kho lưu trữ; tu bổ tài liệu lưu trữ. Các hình thức tổ chức và quản lý khai thác sử	2	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

		dụng tài liệu lưu trữ.			
610.	Lưu trữ tài liệu đa phương tiện	Học phần Lưu trữ tài liệu đa phương tiện là học phần chuyên ngành văn thư- lưu trữ cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, loại hình, đặc điểm, nguyên tắc, phương pháp và tiêu chuẩn lưu trữ tài liệu đa phương tiện; Cung cấp phương pháp thu thập, bổ sung, phân loại và tổ chức lưu trữ tài liệu đa phương tiện; Cung cấp kiến thức tổ chức bảo quản, lưu trữ và khai thác sử dụng tài liệu đa phương tiện	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> <p><b>- Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</p>
611.	Sử dụng và quản lý trang thiết bị văn phòng	Học phần Sử dụng và quản lý trang thiết bị văn phòng là học phần chuyên ngành Văn thư – Lưu trữ cung cấp cho người học hệ thống khái niệm chung về các loại trang thiết bị văn phòng; chức năng, công dụng và cách sử dụng các loại thiết bị trong văn phòng; cung cấp kỹ năng sử dụng và bảo quản một số thiết bị công nghệ trong công tác hành chính văn phòng; kỹ năng khắc phục sự cố đơn giản thường gặp và cách thức bảo dưỡng, bảo trì thiết bị văn phòng: Máy in, máy photocopy, máy chiếu, hệ thống trang âm, máy scanner, máy vi tính và hệ thống mạng.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
612.	Quản lý nhà nước trong công tác văn thư - lưu trữ	Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước trong công tác văn thư – lưu trữ. Từ đó hình thành quan điểm, bản lĩnh, trình độ, nghiệp vụ khi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về văn thư – lưu trữ	3	0	<p><b>- Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng</li> </ul>

					số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
613.	Công tác văn thư - lưu trữ trong các doanh nghiệp	Học phần Công tác văn thư - lưu trữ trong các doanh nghiệp là học phần chuyên ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, công tác văn thư trong các doanh nghiệp: khái niệm, nội dung, vị trí, ý nghĩa của công tác văn thư trong các doanh nghiệp, quản lý nhà nước về công tác văn thư, nội dung nghiệp vụ văn thư trong các doanh nghiệp. Công tác lưu trữ trong các doanh nghiệp: Khái niệm, đặc điểm công tác lưu trữ trong các doanh nghiệp Hoạt động nghiệp vụ của công tác lưu trữ trong các doanh nghiệp.	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
614.	Công tác văn thư- lưu trữ trong các cơ quan Nhà nước	Học phần Công tác văn thư - lưu trữ trong các cơ quan nhà nước là học phần chuyên ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản về cơ quan nhà nước, công tác văn thư trong cơ quan nhà nước: khái niệm, nội dung, đặc điểm công tác văn thư trong cơ quan nhà nước, quản lý nhà nước về công tác văn thư, nội dung nghiệp vụ văn thư trong cơ quan nhà nước. Công tác lưu trữ trong cơ quan nhà nước: Khái niệm, đặc điểm công tác lưu trữ trong cơ quan nhà nước đặc biệt là trong cơ quan Đảng. Hoạt động nghiệp vụ của công tác lưu trữ trong cơ quan nhà nước	4	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: + Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%; + Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%; + Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%; + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
615.	Tiêu chuẩn hóa trong công tác văn thư – lưu trữ	Học phần tiêu chuẩn hóa trong công tác văn thư lưu trữ là học phần ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành văn thư lưu trữ cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, mục đích, đối tượng của tiêu chuẩn	3	0	- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm:

		hóa và vai trò, nguyên tắc của tiêu chuẩn hóa trong công tác văn thư lưu trữ; Cung cấp các hệ thống văn bản pháp quy và các tiêu chuẩn trong công tác văn thư; Cung cấp các hệ thống văn bản pháp quy và các tiêu chuẩn trong công tác lưu trữ.			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
616.	Nghiệp vụ thư kí văn phòng	Học phần Nghiệp vụ thư ký văn phòng là học phần bắt buộc ngành Thông tin - Thư viện (chuyên ngành Văn thư lưu trữ) cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp của người thư ký văn phòng như nghiệp vụ với công văn, giấy tờ; tiếp khách - đãi khách; thu thập, xử lý và cung cấp thông tin, tổ chức liên lạc cho lãnh đạo; nghiệp vụ chuẩn bị và tổ chức hội nghị; nghiệp vụ chuẩn bị, tổ chức chuyên đi công tác cho lãnh đạo; nghiệp vụ giao tiếp hành chính...nhằm giúp các em nắm vững nghiệp vụ, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của người thư ký văn phòng nói riêng và cán bộ văn phòng nói chung.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%;</li> </ul> </li> <li>- <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).</li> </ul>
617.	Nghiệp vụ quản trị văn phòng	Học phần “Nghiệp vụ quản trị văn phòng” cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quản trị hành chính văn phòng. Đồng thời qua môn học sinh viên còn được trang bị những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng. Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng hình thành kỹ năng phân tích, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển cơ quan, doanh nghiệp.	3	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điểm đánh giá quá trình</b> (trọng số 50%), trong đó gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;</li> <li>+ Điểm thái độ, chiếm trọng số 5%;</li> <li>+ Điểm hồ sơ học phần, chiếm trọng số 5%;</li> </ul> </li> </ul>

					+ Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 30%; - <b>Điểm đánh giá cuối kỳ</b> (trọng số 50%).
618.	Lễ tân văn phòng	Học phần Lễ tân Văn phòng là học phần chuyên ngành thuộc khối kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Thông tin thư viện (chuyên ngành Văn thư - lưu trữ). Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về các khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc cơ bản của công tác lễ tân văn phòng; Nghi thức lễ tân văn phòng trong công tác đón tiếp khách tại cơ quan doanh nghiệp, giao tiếp qua điện thoại tại nơi làm việc, thứ tự ngôi thứ trong các sự kiện và tiệc chiêu đãi ngoại giao; Ngoài ra, Học phần còn tập trung vào các kỹ năng, gồm : Kỹ năng xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp, Kỹ năng đón tiếp khách, Kỹ năng sử dụng điện thoại tại nơi làm việc, Kỹ năng giải quyết phàn nàn cho khách và Kỹ năng phục vụ hội nghị, tiệc chiêu đãi ngoại giao.	1	1	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
619.	Tổ chức và bảo quản tài liệu	Học phần “Tổ chức và Bảo quản tài liệu” cung cấp cho sinh viên: Các kiến thức cơ bản về khái niệm tổ chức vốn tài liệu, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tổ chức vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện; Cơ sở và cách phân chia các loại kho tài liệu trên phạm vi toàn quốc và trong một thư viện ; Các yêu cầu và phương pháp sắp xếp tài liệu trong một thư viện; Nhiệm vụ, quy trình và các phương pháp kiểm kê vốn tài liệu (cả phương pháp kiểm kê truyền thống và phương pháp kiểm kê hiện đại); Các kiến thức cơ bản về khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của công tác bảo tồn, bảo quản vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện; Các nhóm nguyên nhân gây huỷ hoại tài liệu; Nội dung công tác bảo quản vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện.	1	2	Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
620.	Thực tế chuyên ngành	Học phần chuyên ngành sinh viên được tham quan, tìm hiểu thực trạng tổ chức hoạt động của các Trung tâm Thông tin, các hệ thống thư viện, các cơ quan văn thư lưu trữ, các trung tâm công nghệ thông tin hàng đầu trong nước và ngoài nước (nếu có điều kiện); Sinh viên nắm được các cách thức tổ chức hoạt động, quy trình nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường học, văn thư lưu trữ và công nghệ thông tin ứng dụng trong các hoạt động tại các điểm mà sinh viên đến; Sinh viên tiếp cận công tác bố	0	3	

		sung, thu thập, xử lý, bảo quản, lưu trữ, khai thác sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường học, văn thư lưu trữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.			
621.	Thực tập cuối khóa	Học phần thực tập chuyên ngành giúp sinh viên tìm hiểu, thực hành tổ chức hoạt động của các trung tâm Thông tin, các hệ thống thư viện, các cơ quan văn thư lưu trữ, các trung tâm công nghệ thông tin hàng đầu trong nước và ngoài nước (nếu có điều kiện); Sinh viên được thực hành tổ chức các quy trình hoạt động nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường học, văn thư lưu trữ và công nghệ thông tin ứng dụng trong các hoạt động tại các điểm mà sinh viên đến; Sinh viên trực tiếp làm các công tác bổ sung, thu thập, xử lý, bảo quản, lưu trữ, khai thác sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường học hoặc quản lý văn bản đến, đi, lập hồ sơ, lưu trữ, bảo quản hồ sơ trong hoạt động nghiệp vụ văn thư lưu trữ/ Sinh viên được thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.	0	5	
622.	Báo cáo tốt nghiệp	Báo cáo tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề về hoạt động thư viện – thiết bị trường học, văn thư lưu trữ, công nghệ thông tin ứng dụng trong thực tiễn giáo dục hiện nay. Đây là kết quả của quá trình sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần rèn luyện và nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của sinh viên.	0	7	

#### D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1.	Lịch sử ngành Quản lý văn hóa	2023	- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết môn học. - Từ 20/6 đến 20/9/2022: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình. - Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.
2.	Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Quản lý văn hóa	2023	- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết

			<p>môn học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 20/6 đến 20/9: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình.</li> <li>- Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.</li> </ul>
3.	Chính sách, pháp luật và chiến lược Quản lý Văn hóa ở Việt Nam	2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết môn học.</li> <li>- Từ 20/6 đến 20/9/2022: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình.</li> <li>- Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.</li> </ul>
4.	Quản trị nguồn nhân lực văn hóa	2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết môn học.</li> <li>- Từ 20/6 đến 20/9/2022: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình.</li> <li>- Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.</li> </ul>
5.	Quản lý dự án nâng cao và đánh giá các dự án văn hóa	2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết môn học.</li> <li>- Từ 20/6 đến 20/9/2022: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình.</li> <li>- Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.</li> </ul>
6.	Quản lý nghệ thuật biểu diễn	2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết môn học.</li> <li>- Từ 20/6 đến 20/9/2022: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình.</li> <li>- Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.</li> </ul>
7.	Một số vấn đề về công nghiệp văn hóa hiện nay	2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết môn học.</li> <li>- Từ 20/6 đến 20/9/2022: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình.</li> <li>- Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.</li> </ul>

8.	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh hiện nay	2023	- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết môn học. - Từ 20/6 đến 20/9/2022: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình. - Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.
9.	Quản lý hoạt động truyền thông hiện nay	2023	- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết môn học. - Từ 20/6 đến 20/9/2022: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình. - Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.
10.	Quản lý văn hóa và phát triển bền vững	2023	- Từ tháng 15/4 đến 6/6/2022: tổ chức Tập huấn triển khai nhiệm vụ biên soạn giáo trình; xây dựng đề cương chi tiết môn học. - Từ 20/6 đến 20/9/2022: tổ chức giao biên soạn, biên tập chỉnh sửa; thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình. - Tháng 3/2023 (Dự kiến): xuất bản giáo trình.

**E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Quản lý lễ hội trên địa bàn huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An gắn với phát triển du lịch.	Lô Thị Vân Anh	TS. Vũ Văn Tuyền	<p>Luận văn được kết cấu thành 3 chương, trong đó trình bày các vấn đề lớn để đạt được mục tiêu nghiên cứu của đề tài cụ thể như sau:</p> <p>Chương 1: Cơ sở lý luận về Quản lý lễ hội gắn với phát triển du lịch và tổng quan lễ hội trên địa bàn huyện Tương Dương</p> <p>Chương 1 của luận văn đã hệ thống hoá một số khái niệm về hoạt động lễ hội và quản lý lễ hội gắn với phát triển du lịch, nêu lên vai trò của quản lý lễ hội đối với phát triển du lịch, thể hiện sự cộng sinh của 2 vấn đề trong việc tương tác để cùng nhau phát triển. Qua tìm hiểu về nội dung quản lý lễ hội gắn với phát triển du lịch, luận văn đưa ra các vấn đề cần nghiên cứu là: Hoạt</p>

				<p>động xây dựng chiến lược quản lý lễ hội gắn với phát triển du lịch; Tổ chức thực hiện các chính sách quản lý lễ hội gắn với phát triển du lịch; Tổ chức đào tạo cán bộ và cộng đồng dân cư quản lý lễ hội; Sử dụng hợp lý nguồn lực và hợp tác để quản lý; Cuối cùng là thanh tra, kiểm tra hoạt động lễ hội gắn với phát triển du lịch.</p> <p>Thực tiễn về tiềm năng lễ hội trên địa bàn huyện Tương Dương gắn với phát triển du lịch đã được minh chứng bằng các lễ hội đặc sắc hàng năm được tổ chức trên địa bàn.</p> <p>Chương 2: Thực trạng công tác quản lý lễ hội trên địa bàn huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An gắn với phát triển du lịch.</p> <p>Lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện Tương Dương là các nghi lễ thể hiện sự cung kính với thần linh và tổ tiên, đồng thời là khoảng thời gian để cộng đồng dân cư trên địa bàn được vui chơi sau những ngày làm nông mệt nhọc. Lễ hội mang lại sự gắn kết cộng đồng và là niềm tự hào của người dân huyện Tương Dương. Trong giai đoạn vừa qua, được sự hỗ trợ về định hướng chính sách của chính quyền địa phương, huyện Tương Dương muốn mang nét văn hoá lễ hội địa phương mình giới thiệu tới các du khách. Bản tồn và phát huy giá trị văn hoá lễ hội gắn với du lịch trở thành mục tiêu phát triển của huyện. Phòng VH TT huyện cùng với chính quyền, các tổ chức chính trị, cộng đồng dân cư đã chung tay tổ chức và quản lý các lễ hội trên địa bàn một cách khoa học, văn minh, mang lại cho nhân dân và du khách cái nhìn đẹp về văn hoá cộng đồng dân tộc huyện Tương Dương. Công tác quản lý lễ hội được triển khai, phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị tổ chức, các cán bộ văn hoá được tập huấn nhiệm vụ quản lý lễ hội, nguồn lực tài chính cho lễ hội được phân bổ chặt chẽ và sử dụng hợp lý. Trong quá trình lễ hội diễn ra, nhờ sự hỗ trợ của các tổ chức chính trị và cộng đồng tự quản mà công tác an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, an toàn vệ sinh môi trường, ... được đảm bảo. Đoàn thanh tra liên ngành của Sở VH, TT &amp; DL và của huyện thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, xử lý sai phạm tránh tình trạng tiêu cực, tệ nạn trong lễ hội. Tuy nhiên, hoạt động quản lý lễ hội</p>
--	--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>gắn với phát triển du lịch của huyện Tương Dương vẫn vẫn còn nhiều tồn tại. Để lễ hội tiếp tục phát huy được nét đẹp văn hoá địa phương và gắn với phát triển du lịch, huyện cần có những giải pháp phù hợp cho giai đoạn sau.</p> <p>Chương 3: Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý lễ hội trên địa bàn huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An gắn với phát triển du lịch.</p> <p>Đại hội Đảng bộ huyện Tương Dương lần thứ XXVII đã đưa ra các phương hướng phát triển KTXH, trong đó xác định rõ quan điểm phát triển văn hoá địa phương, cụ thể là bảo tồn phát huy giá trị di sản lễ hội gắn với phát triển du lịch làm tiền đề phát triển kinh tế. Đồng thời căn cứ vào những tồn tại trong quá trình quản lý lễ hội huyện Tương Dương những năm qua, luận văn đưa ra 6 giải pháp giúp công tác quản lý lễ hội gắn với phát triển du lịch huyện Tương Dương hoàn thiện hơn. Các giải pháp gồm: Quy hoạch, tổ chức, quản lý lễ hội gắn với phát triển du lịch; Đầu tư toàn diện nhằm dung hoà giữa lợi ích bảo tồn giá trị di sản văn hoá lễ hội với phát triển du lịch; Phát triển nguồn nhân lực quản lý lễ hội gắn với phát triển du lịch; Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá lễ hội gắn với phát triển du lịch; Đẩy mạnh công tác bảo tồn và xã hội hoá nguồn lực tổ chức lễ hội; Xây dựng thương hiệu đi kèm đến lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Tương Dương.</p>
2		Xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trong giai đoạn hiện nay.	Dương Đình Minh	PGS.TS Nguyễn Thị Thục	<p>Đề tài đã nghiên cứu 3 nội dung chính với các kết quả cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về xây dựng ĐSVH và xây dựng NTM, đồng thời khẳng định vai trò của việc xây dựng ĐSVH cũng như việc thực hiện các phong trào TĐĐKXDĐSVH gắn với xây dựng NTM.</li> <li>- Đánh giá được thực trạng công tác xây dựng ĐSVH gắn với xây dựng NTM ở huyện Thiệu Hóa. Chỉ ra được những thuận lợi cũng như những khó khăn, hạn chế và chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác xây dựng ĐSVH gắn với xây dựng NTM ở huyện Thiệu Hóa</li> </ul>

					<p>- Đưa ra những giải pháp khả thi, có tính thực tiễn và hiệu quả, phù hợp với thực tiễn địa phương nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác xây dựng ĐSVH gắn với xây dựng NTM ở huyện Thiệu Hóa</p> <p>12. Khả năng ứng dụng trong thực tiễn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể ứng dụng trong công tác quản lý văn hóa và lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới ở huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Kết quả nghiên cứu của luận văn còn có thể sử dụng làm tư liệu tham khảo trong nghiên cứu giảng dạy các môn học văn hóa trong nhà trường và tập huấn về công tác xây dựng nông thôn mới.</li> </ul>
3		Quản lý Di tích và Lễ hội đền thờ Trung Túc Vương Lê Lai, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.	Lê Thị Thức	PGS.TS. Nguyễn Thị Thục	<p>1. Nghiên cứu những vấn đề lý luận và tổng quan về khu di tích lịch sử văn hoá quốc gia đặc biệt Lê Lai.</p> <p>Dựa trên hệ thống kiến thức được học tập, cùng cơ sở các tài liệu, giáo trình, công trình đã công bố, những kết quả nghiên cứu về di tích lịch sử - văn hóa; quản lý di tích lịch sử - văn hóa trong nước và nước ngoài, đã được tác giả tổng hợp, phân tích, từ đó làm cơ sở lý thuyết quan trọng cho việc nghiên cứu về khu di tích lịch sử đền Lê Lai.</p> <p>2. Đánh giá thực trạng công tác quản lý di tích, lễ hội đền thờ Trung Túc Vương Lê Lai.</p> <p>Phân tích rõ : Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tổ chức liên quan, Sở Văn Hoá, Phòng văn hoá, Ban văn hoá, Ban quản lý.... Qua đó phân tích, luận giải và làm rõ thực trạng các hoạt động quản lý khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt đền Lê Lai: Xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo tồn di tích; Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản pháp quy; Tổ chức phối hợp các nguồn nhân lực trong quản lý và phát huy giá trị di tích; Công tác nghiên cứu khoa học bảo vệ và phát huy giá trị di tích; Công tác quản lý các nguồn lực nhằm bảo vệ phát huy giá trị di tích; Công tác thanh tra, kiểm tra và khen</p>

					<p>thường.</p> <p>3. Luận văn đã tập trung nghiên cứu, phân tích thực trạng công tác quản lý di tích, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác quản lý ở di tích quốc gia đặc biệt Lê Lai vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế như: Nguồn nhân lực làm công tác quản lý di tích ở địa phương còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng; hạ tầng giao thông, cơ sở dịch vụ trong khu di tích chưa đáp ứng được yêu cầu của một di tích mang tầm vóc quốc gia, chưa xây dựng và phát huy các ngành nghề truyền thống phát triển du lịch bền vững... Từ kết quả đánh giá thực trạng công tác quản lý trong thời gian qua, đề tài nghiên cứu đã đề xuất những giải pháp nhằm từng bước nâng cao công tác quản lý di tích đền Lê Lai, đặc biệt là nâng cao vai trò trách nhiệm của cộng đồng địa phương cùng tham gia bảo vệ giữ gìn và phát huy các giá trị của di tích, đưa các giá trị của di tích sống cùng cộng đồng địa phương. Trong thời gian tới, việc quản lý, tu bổ, sử dụng đền Lê Lai cần phải được tiếp tục hoàn thiện. Cùng với công tác khảo sát, lập hồ sơ di tích, nghiên cứu các giá trị của hệ thống di tích liên quan đến thế kỷ XV, việc khoanh vùng, bảo vệ và xây dựng những quy định, quy chế cụ thể để quản lý, bảo vệ di tích là việc làm hết sức cần thiết nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của quá trình nông thôn hoá, của công tác quy hoạch sử dụng đất đai theo hướng hiện đại. Bên cạnh đó, việc nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, của cộng đồng dân cư gắn với di tích cũng là một điều kiện hết sức quan trọng không thể thiếu để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn, phát huy các giá trị của di tích quốc gia đặc biệt đền thờ Trung Túc Vương Lê Lai.</p>
4		Quản lý Khu di tích lịch sử - văn hóa Cửa Đạt huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa gắn với phát triển du lịch.	Lương Văn Sao	TS. Vũ Văn Tuyền	<p>Luận văn gồm 3 chương:</p> <p>Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý di tích lịch sử- văn hóa và tổng quan về khu di tích lịch sử- văn hóa Cửa Đạt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Chương 2: Thực trạng quản lý khu di tích lịch sử- văn hóa Cửa Đạt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý khu tích lịch sử- văn hóa Cửa Đạt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa</p>

					<p>gắn với phát triển du lịch.</p> <p>12. Khả năng ứng dụng trong thực tiễn: <i>(nếu có)</i></p> <p>Đánh giá công tác quản lý và phát huy giá trị của khu di tích lịch sử- văn hóa và danh lam thắng cảnh Cửa Đạt gắn với phát triển du lịch cũng như góp phần phát triển kinh tế- xã hội huyện Thường Xuân.</p> <p>Đưa ra quan điểm định hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý di tích đồng thời khai thác và phát triển du lịch bền vững nhằm góp phần phát triển kinh tế- xã hội huyện Thường Xuân. Đồng thời, luận văn có giá trị tham khảo cho các đơn vị quản lý di sản địa phương.</p>
5		Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa biển Sầm Sơn gắn với phát triển du lịch	Nguyễn Thị Hà Phuong	TS Lê Thanh Hà	<p>Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá biển, trong đó có những lễ hội đặc sắc của ngư dân, tạo nên nét văn hóa riêng có, rất thuận lợi cho phát triển du lịch, nhất là du lịch biển. Du lịch biển đang trở thành loại hình du lịch chủ đạo trong chiến lược phát triển du lịch của các tỉnh. Thành phố Sầm Sơn cũng là một trong những điểm du lịch được du khách yêu thích, và góp phần tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn vừa qua của Thành phố Sầm Sơn nói riêng và tỉnh Thanh Hoá nói chung.</p> <p>Nhận thức được tầm quan trọng đó, thành phố Sầm Sơn trong giai đoạn 2017-2021 đã và đang chú trọng đến công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá biển gắn với phát triển du lịch đã tạo ra sự thay đổi toàn diện hình ảnh về Sầm Sơn- Thành phố du lịch trong lòng du khách, xứng đáng là điểm nhận diện trên bản đồ du lịch Việt Nam và thế giới.</p> <p>Đối với công tác bảo tồn các giá trị văn hóa biển gắn với phát triển du lịch tại thành phố Sầm Sơn đã và đang được quan tâm bởi các chính sách, các hoạt động như duy tu, đã và đang có các hoạt động quan tâm đến đào tạo nhân lực, và thấy rõ được sự tiến bộ trong văn hoá ứng xử của người dân đối với khách du lịch. và hoạt động kiểm tra; song vẫn còn 1 số hạn chế về mức độ chậm trễ trong hoàn thiện hồ sơ di tích...Đối với công tác phát huy các giá trị văn hóa biển gắn với phát triển du lịch tại thành phố Sầm Sơn đã và đang được khai thác từ các tài nguyên như Thắng cảnh</p>

					<p>Sầm Sơn, Di tích lịch sử văn hóa, Nghề thủ công, phương thức mưu sinh truyền thống, Tín ngưỡng, Văn hóa ẩm thực. Hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức phát huy giá trị văn hóa biển gắn phát triển du lịch; Đã mở được các lớp tập huấn, Dán băng rôn, khẩu hiệu ủng hộ chiến dịch ở những nơi công cộng trên địa bàn huyện thu hút sự chú ý của mọi người. Song việc tham mưu văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa nhiều lúc, nhiều nơi còn chậm, lúng túng.</p> <p>Trên cơ sở đánh giá thực trạng, dựa trên các quan điểm về phát triển Thành phố Sầm Sơn năm 2030 tầm nhìn 2045, với những định hướng riêng cho bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa biển gắn với phát triển du lịch tại thành phố Sầm Sơn. Từ đó nghiên cứu đã đề xuất 5 nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa biển gắn với phát triển du lịch tại thành phố Sầm Sơn gồm: (i) Giải pháp về quy hoạch, cơ chế, chính sách trong bảo tồn và phát huy GTVHB gắn phát triển du lịch Thành phố Sầm Sơn (ii) Giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và phát triển khai thác sản phẩm du lịch từ giá trị văn hoá biển Sầm Sơn, (iii) Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (iv) Giải pháp về hợp tác phát triển, thông tin tuyên truyền, xúc tiến quảng bá, (v) Giải pháp về liên kết phát huy giá trị văn hóa biển để phát triển du lịch</p>
6		Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá	Nguyễn Hoài Nam	TS. Hoàng Bá Tường	<p>Tác giả Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa và quản lý văn hóa đối với hoạt động văn hóa trên địa bàn. Luận văn đã đánh giá được những kết quả đạt được trong quản lý văn hóa trong 5 năm qua từ năm 2017 - 2021 ở các nội dung sau:</p> <p>Phong trào xây dựng gia đình văn hóa trên địa bàn xã Vạn Thiện</p> <p>Phong trào xây dựng Thôn văn hóa</p> <p>Phong trào xây dựng đơn vị, cơ quan văn hóa</p> <p>Xây dựng con người với tư tưởng, phẩm chất, đạo đức và môi trường văn hóa lành mạnh</p>

					<p>Phong trào toàn dân rèn luyện theo gương Bác Hồ vĩ đại          Xây dựng đời sống văn hóa trong các tổ chức chính trị          Phong trào học tập, lao động sáng tạo          Xây dựng nếp sống văn hóa, môi trường văn hóa          Hoạt động của bưu điện văn hóa xã</p> <p>Bên cạnh đó tác giả đã chỉ ra được những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về văn hóa ở xã Vạn Thiện, tìm nguyên nhân của những hạn chế đó. Trên cơ sở đánh giá được thực trạng yếu kém trong khâu quản lý, đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa tại xã Vạn Thiện.</p>
7		Xây dựng đời sống văn hóa cho CBCS trong lực lượng Công an nhân dân tỉnh Quảng Nam	Nguyễn Hoàng Long	PGS.TS Nguyễn Thị Lan Hương	<p>Tác giả Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa và quản lý văn hóa đối với hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh và trong cơ quan Công an tỉnh Quảng Nam. Luận văn đã phản ánh được những kết quả trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, trong đó phản ánh cụ thể về nội hàm “Xây dựng lực lượng Công an nhân dân chấp hành nghiêm điều lệnh, xây dựng nếp sống văn hóa, vì nhân dân phục vụ” theo đúng tinh thần chủ trương của lãnh đạo Bộ Công an... trong 7 năm qua (2015 – 2021) ở các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng đời sống văn hóa và đời sống văn hóa cho lực lượng Công an nhân dân;</li> <li>-Những nội dung cơ bản của công tác xây dựng đời sống văn hóa cho cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân;</li> <li>-Thực trạng hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cho cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân tỉnh Quảng Nam;</li> </ul> <p>Bên cạnh đó, tác giả đã chỉ ra được những hạn chế trong công tác xây dựng đời sống văn hóa của cơ quan, chỉ ra được nguyên nhân của những hạn chế đó. Trên cơ sở đánh giá được thực trạng để đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng đời sống văn hóa cho cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân tỉnh Quảng Nam, bao gồm một số nhóm giải pháp cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+Nhóm giải pháp về tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện;</li> <li>+Nhóm giải pháp đối với cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân</li> </ul>

					<p>tỉnh Quảng Nam;</p> <p>+Nhóm giải pháp về xây dựng các thiết chế văn hóa, tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ tạo không gian vui chơi cộng đồng;</p> <p>+Nhóm giải pháp đối với đơn vị trong xây dựng đời sống văn hóa cho cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Quảng Nam.</p>
8		Phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển du lịch thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Trịnh Thị Hằng	TS Lê Thanh Hà	<p>Tỉnh Thanh Hóa nói chung và thành phố Thanh Hóa nói riêng là địa phương có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Trên địa bàn thành phố, các di sản văn hóa để phát triển du lịch chủ yếu bao gồm Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng (với điểm nhấn là Cầu Hàm Rồng anh hùng - Biểu tượng của Chiến thắng, Đền thờ Các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các anh hùng liệt sỹ, Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng...); Làng cổ Đông Sơn; Di chỉ khảo cổ Núi Đọ với nền Văn hóa Đông Sơn nổi tiếng, mà tiêu biểu là Trống đồng Đông Sơn; Khu di tích thắng cảnh núi Mật Sơn (mà tiêu biểu là núi Long, núi Hồ, và các di tích lịch sử...); Cụm di tích lịch sử văn hóa và thắng cảnh núi An Hoạch (nổi tiếng với Hòn Vọng Phu); Bảo tàng Lịch sử Thanh Hóa; Tượng đài Lê Lợi... Xung quanh thành phố Thanh Hóa là các điểm du lịch nổi</p>

					<p>tiếng như khu du lịch nghỉ dưỡng biển Sầm Sơn, vườn quốc gia Bến En, Di sản thế giới Thành nhà Hồ, khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh, di chỉ khảo cổ hang Con Moong, suối cá Cẩm Lương, động Từ Thức, đền Bà Triệu... Với những lợi thế về vị trí trung tâm của thành phố loại 1 - Đô thị Tinh li, về lịch sử - văn hóa, con người và tiềm năng tài nguyên du lịch phong phú đa dạng như vậy, thành phố Thanh Hóa có đủ điều kiện để xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, chất lượng cao, đủ khả năng cạnh tranh để phát triển ngành du lịch dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc tổ chức khai thác, phát huy các giá trị di sản văn hóa để phát triển du lịch của thành phố Thanh Hóa vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tạo ra được những sản phẩm du lịch đặc trưng, có chất lượng, mang thương hiệu thành phố để hấp dẫn khách du lịch. Chính vì vậy, hàng năm số lượng khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế đến thành phố Thanh Hóa còn hạn chế, đóng góp của ngành du lịch trong tổng thể kinh tế - xã hội của Thành phố chưa cao. Một trong những nguyên nhân quan trọng chưa thúc đẩy du lịch thành phố Thanh Hóa phát triển tương xứng với tiềm năng là Thành phố chưa có một chiến lược tổng thể phát triển du lịch trên địa bàn trên cơ sở đánh giá có hệ thống những tiềm năng, những điều kiện về kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và các nguồn lực khác cho phát triển du lịch. Chính vì thế, việc thu hút các nguồn lực đầu tư còn hạn chế.</p> <p>Việc tìm ra giải pháp để phát huy di sản văn hóa, tạo tính cạnh tranh hấp dẫn du lịch là vấn đề cấp thiết cần đặc biệt quan tâm hiện nay. Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề, tôi đã quyết định chọn đề tài: “Phát huy vai trò của di sản văn hóa trong phát triển du lịch thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa hiện nay” làm luận văn thạc sĩ Quản lý Văn hóa của mình, với hy vọng sẽ góp phần vào sự phát triển du lịch của thành phố Thanh Hóa nói riêng và của tỉnh Thanh Hóa nói chung.</p>
9		Quản lý Thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc, tỉnh	Trịnh Thị Lan	TS. Hà Đình Hùng	<p>Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở có vai trò, vị trí quan trọng trong công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và tổ chức các hoạt</p>

		<p>Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay</p>		<p>động văn hóa, văn nghệ, TDTT góp phần xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Thông qua các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong những năm qua, hệ thống TCVH cơ sở đã nhận được nhiều sự quan tâm. Từ những định hướng đó, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở đang từng bước được củng cố nângcao chất lượng hoạt động, nội dung phong phú, đáp ứng nhu cầu đông đảo của nhân dân.</p> <p>Công tác quản lý nhà nước về thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc trong giai đoạn từ 2019 đến nay đã thu được những kết quả tiêu biểu toàn diện về các mặt như việc quy hoạch đất đai, đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất ngày một khang trang, việc phối hợp quản lý triển khai và tổ chức các hoạt động từ huyện đến thôn ngày một đi vào nề nếp, việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý TCVH cơ sở được quan tâm, công tác thanh tra kiểm tra đã được lập kế hoạch thường xuyên, công tác thi đua khen thưởng hàng năm đã được triển khai và thực hiện.</p> <p>Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được thì việc quản lý và tổ chức các hoạt động tại các TCVH cơ sở trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế đó là một số cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các ban, ngành chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của văn hóa, kinh phí đầu tư của các thiết chế văn hóa, thể thao còn chưa đáp ứng được yêu cầu; một số đơn vị chưa đầu tư phát triển phòng trào văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao, hình thức sinh hoạt chưa phong phú hấp dẫn, chưa thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào việc quản lý và thụ hưởng các hoạt động tại hệ thống các nhà văn hóa...Chính vì vậy, việc tác giả thực hiện đề tài “Quản lý thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay” thực sự có ý nghĩa. Luận văn đã đạt được những kết quả như sau:</p> <p>Một là, luận văn đã hệ thống hóa các kết quả nghiên cứu; cơ sở lý luận về quản lý, tổ chức hoạt động các thiết chế văn hóa</p>
--	--	-------------------------------------------	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>cơ sở gắn với đơn vị địa phương.</p> <p>Hai là luận văn đã đánh giá thực trạng công tác quản lý và tổ chức hoạt động các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc</p> <p>Ba là, trên cơ sở những hạn chế và tồn tại, luận văn đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức hoạt động các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc trong bối cảnh hiện nay bao gồm: Giải pháp về quản lý đó là các giải pháp như: (i) Giải pháp đối với chủ thể quản lý; (ii) Giải pháp đối với hoạt động quản lý về thiết chế văn hóa cơ sở; (iii) Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động tại các thiết chế văn hóa cơ sở; (iv) Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý thiết chế văn hóa cơ sở; (v) Tăng cường việc tổ chức, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra và thi đua khen thưởng; (vi) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất văn hóa. Đồng thời tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị, đề xuất đối với Nhà nước và đối với Sở VH, TT&amp;DL Thanh Hóa.</p>
10		Quản lý di sản văn hoá vật thể vùng đệm khu di sản văn hoá thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Trương Thị Hiền	TS. Nguyễn Bá Linh	<p>- Luận văn đã hệ thống lại cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về quản lý di sản văn hóa vật thể là nền tảng để các nhà quản lý triển khai và thực hiện có hiệu quả công tác quản lý các di sản văn hóa vật thể trong khu vực Vùng đệm của khu di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ. Đồng thời, khái quát về khu di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, lịch sử hình thành, vị trí địa lý, điều kiện môi trường tự nhiên và tổng quan hệ thống di sản văn hóa vật thể tại khu vực Vùng đệm khu di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ. Khu vực Vùng đệm khu di sản Thành Nhà Hồ chứa đựng tất cả các yếu tố văn hóa vật thể góp phần làm nên tính hoàn chỉnh cho diện mạo kinh thành xưa. Quá trình kết nối di sản với hệ thống di tích dày đặc và đa dạng trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc sẽ là tiền đề cho công tác phát triển du lịch bền vững tại khu di sản Thành Nhà Hồ, trong đó, lấy Thành Nhà Hồ làm điểm tựa để thúc đẩy du lịch địa phương phát triển.</p> <p>- Luận văn đã trình bày thực trạng công tác quản lý di sản</p>

				<p>văn hóa vật thể trong Vùng đệm của khu di sản Thành Nhà Hồ hiện nay trên các phương diện về tổ chức bộ máy; về hoạt động quản lý; về các ưu điểm và mặt hạn chế, tồn tại.</p> <p>- Từ việc khái quát những thành công và những kinh nghiệm quản lý di sản văn hoá nói chung và di sản văn hoá vật thể nói riêng của các khu di sản thế giới tại Việt Nam, là cơ sở áp dụng trong thực tiễn để nâng cao hiệu quả công tác quản lý các di sản văn hoá vật thể trong Vùng đệm tại khu di sản Thành Nhà Hồ.</p> <p>- Trên cơ sở đánh giá những thực trạng, luận văn đã đưa ra các giải pháp cơ bản, có tính vận dụng trong thực tiễn về cơ chế, chính sách; về hoạt động tuyên truyền giáo dục; về hoạt động quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể; về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cấp bộ máy quản lý khu di sản nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý di sản văn hóa vật thể trong Vùng đệm khu di sản Thành Nhà Hồ</p> <p>- Tính mới của luận văn là đã phân tích và luận giải trên nhiều phương diện của công tác quản lý văn hóa Vùng đệm Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ hiện nay, với những cơ sở thực tiễn có tính thuyết phục, góp phần làm thay đổi nhận thức, quan niệm về mối quan hệ cộng hưởng của những vấn đề liên quan đến một khu di sản văn hóa thế giới. Nhận thức về không gian đảm bảo các giá trị văn hóa vật thể được phát triển bền vững không chỉ giới hạn trong khu vực lõi di sản mà cần thiết và đồng bộ cả không gian rộng lớn của Vùng đệm, bởi Vùng đệm chứa đựng các yếu tố cảnh quan di sản, các tài nguyên văn hóa và quan trọng là cộng đồng dân cư - nhân tố hàng đầu của quá trình sáng tạo, trao truyền, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc.</p> <p>12. Khả năng ứng dụng trong thực tiễn:</p> <p>- Từ kết quả nghiên cứu cụ thể và có hệ thống về công tác quản lý di sản văn hóa vật thể trong Vùng đệm khu di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa từ năm 2011 đến nay, luận văn là nguồn tài liệu tham khảo có hệ thống về các loại hình, giá trị di sản văn hóa thuộc Vùng đệm khu di sản</p>
--	--	--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ.</p> <p>- Những giải pháp được đưa ra trên cơ sở khảo sát, phân tích hiện trạng công tác quản lý các giá trị văn hóa vật thể Vùng đệm Di sản văn hóa thế giới là cơ sở giúp nhà quản lý định hướng chiến lược cho công tác quản lý di sản văn hóa vật thể trong Vùng đệm trong thời gian tới.</p>
11		<p>Quản lý hoạt động các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.</p>	<p>Phạm Văn Nam</p>	<p>TS. Hà Đình Hùng</p>	<p>Công tác quản lý thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện Như Xuân trong giai đoạn từ 2015 đến nay đã thu được những kết quả tiêu biểu toàn diện về các mặt như việc quy hoạch đất đai, đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất ngày một khang trang, việc phối hợp quản lý triển khai và tổ chức các hoạt động từ huyện đến thôn ngày một đi vào nề nếp, việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý TCVH cơ sở đã được quan tâm, công tác thanh tra kiểm tra đã được lập kế hoạch thường xuyên, công tác thi đua khen thưởng hàng năm đã được triển khai và thực hiện. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cuộc cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay thì việc quản lý và tổ chức các hoạt động tại các TCVH cơ sở trên địa bàn huyện Như Xuân cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế đó là chất lượng cán bộ quản lý, huy động các nguồn lực tham gia xây dựng các TCVH cơ sở, chất lượng của các hoạt động tổ chức chưa thực sự đồng đều ở các địa phương, chưa thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào việc quản lý và thụ hưởng các hoạt động tại hệ thống các nhà văn hóa. Trên cơ sở những hạn chế và tồn tại, luận văn đã đề xuất các giải pháp bao gồm: Giải pháp về quản lý đó là các giải pháp như: (i) Hoàn thiện xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; (ii) Nâng cao hiệu quả của công tác xã hội hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị; (iii) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý thiết chế văn hóa cơ sở; (iv) Thực hiện tốt công tác thanh tra kiểm tra và có chính sách thi đua khen thưởng phù hợp; Giải pháp về tổ chức hoạt động gồm các giải pháp: (i) Nâng cao nhận thức về chức năng và vai trò của các thiết chế văn hóa cơ sở; (ii) Nâng cao chất lượng của các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao</p>

					tại các TC VH cơ sở. Đồng thời tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị, đề xuất đối với Nhà nước và đối với Sở VH – TT&DL Thanh Hóa.
12		Quản lý và phát triển các chương trình Văn hóa tại Đài Phát thanh – Truyền hình Thanh Hóa	Lương Thị Thu Trang	TS Lê Thanh Hà	Bộ cục luận văn: Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương: Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về các chương trình văn hóa tại Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa. Chương 2: Thực trạng quản lý và phát triển các chương trình văn hóa tại Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa. Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển các chương trình văn hóa tại Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa.
13		Quản lý hoạt động thể thao quần chúng trên địa bàn huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	Đỗ Công Hưng	TS. Trịnh Ngọc Trung	Luận văn đã tập trung hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý hoạt động TDTT quần chúng thông qua nghiên cứu các nội dung: Làm rõ các khái niệm công cụ; phân tích ý nghĩa của phong trào TDTT quần chúng trong đời sống cộng đồng; Quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước đối với việc phát triển TDTT quần chúng; Nội dung quản lý về TDTT quần chúng. Phương pháp quản lý TDTT. Đây là những vấn đề lý luận quan trọng làm cơ sở để tác giả luận văn vận dụng vào nghiên cứu nội dung về quản lý hoạt động TDTT trên một địa bàn cụ thể - huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Khảo sát đánh giá thực trạng quản lý hoạt động TDTT quần chúng trên địa bàn huyện Yên Định. Nhìn chung, hoạt động TDTT QC đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trên nhiều nội dung. Địa phương thực hiện nghiêm túc, linh hoạt việc chỉ đạo, tổ chức hoạt động TDTT quần chúng cho các đối tượng, bảo tồn phát triển các loại hình TDTT truyền thống, đầu tư và huy động các nguồn lực tài chính xây dựng các công trình thể thao phục vụ hoạt động TDTT quần chúng,... Bên cạnh đó, thực trạng công tác quản lý hoạt động TDTT được đánh giá, phân tích trên các phương diện khá đầy đủ trong hoạt động TDTT quần chúng hiện nay gồm: Thực trạng tổ chức hoạt động Thể dục thể thao quần chúng ở xã, thị trấn; cơ sở vật chất công trình Thể dục thể thao

				<p>hiện tại trên địa bàn; tổng số giải thể thao tổ chức hằng năm, kinh phí hoạt động Thể dục thể thao huyện Yên Định giai đoạn (2017-2021)</p> <p>Luận văn đã đưa ra các giải pháp: Nâng cao nhận thức, đẩy mạnh công tác tuyên truyền; Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo phát triển TDTT quần chúng ở cơ sở; Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về TDTT; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ TDTT quần chúng; Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thể dục thể thao quần chúng; Tăng cường xã hội hóa TDTT quần chúng ở cơ sở. Đồng thời đưa ra một số kiến nghị và đề xuất phù hợp với tình hình thực tiễn tại huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.</p>
14	Quản lý di tích lịch sử - cách mạng trên địa bàn huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Hoàng Thị Bình	TS Lê Thị Thảo	<p>Tác giả luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề chung về quản lý nhà nước về di sản văn hóa, di tích văn hóa, di tích lịch sử cách mạng và đã đánh giá được những kết quả đạt được trong quản lý di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn huyện Thiệu Hóa trên các mặt sau:</p> <p>Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh, của huyện.</p> <p>Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng như: Kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, xếp hạng di tích, Công tác khoanh vùng, cắm mốc giới di tích được thực hiện nghiêm túc trên địa bàn 25 xã, thị trấn.</p> <p>Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử cách mạng được sự quan tâm của ban ngành và chính quyền các cấp và nhân dân trên địa bàn huyện.</p> <p>Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn huyện Thiệu Hóa đã được cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở và nhân dân quan tâm thực hiện, nhiều di tích đã được trùng tu, sửa chữa, nâng cấp, tôn tạo, gắn với quảng bá và phát triển du lịch, góp phần giáo dục truyền thống, quảng bá hình ảnh quê hương Thiệu Hóa, thu hút du khách đến tham quan, nghiên cứu qua đó góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị di tích, di sản văn hóa.</p>

					Bên cạnh đó tác giả đã chỉ ra những hạn chế trong công tác quản lý di tích lịch sử - cách mạng trên địa bàn huyện Thiệu Hóa và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn huyện Thiệu Hóa như: Kiện toàn bộ máy và mô hình quản lý, Tăng cường tổ chức triển khai thực hiện và tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng các hoạt động nghiệp vụ và huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực bảo vệ, phát huy giá trị di tích lịch sử - cách mạng, nâng cao vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích...
15		Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.	Đoàn Văn Dũng	TS Nguyễn Văn Dũng	<p>Đề tài đã nghiên cứu 3 nội dung chính với các kết quả cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về công tác quản lý di tích lịch sử - văn hóa, đồng thời khẳng định vai trò của công tác quản lý di tích lịch sử - văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.</li> <li>- Đánh giá được thực trạng công tác quản lý di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở huyện Như Thanh. Chỉ ra được những thuận lợi, khó khăn, hạn chế, cũng như những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác quản lý di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá.</li> <li>- Đưa ra những giải pháp khả thi, có tính thực tiễn và hiệu quả, phù hợp với thực tiễn địa phương nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác xây dựng quản lý di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá.</li> </ul>
16		Quản lý hoạt động truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Lê Hoài Thu	TS. Hoàng Bá Tường	<p>Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, làm rõ các vấn đề về cơ sở lý luận liên quan đến quản lý hoạt động truyền thanh cơ sở, luận văn đã phân tích, đánh giá một cách khách quan, trung thực đặc điểm của hoạt động quảng cáo và thực trạng công tác quản lý hoạt động truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Thanh Hóa từ năm 2017 - 2021; đồng thời đã rút ra ưu điểm, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong công tác quản lý hoạt động truyền thanh. Trên cơ sở đó, luận văn đã đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động truyền thanh cơ</p>

					<p>sở. Những giải pháp tập trung là: (i) Nhóm giải pháp về phát triển nguồn lực bao gồm: Xây dựng các cơ chế chính sách và huy động vốn đầu tư, Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực; Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật. (ii) Nhóm giải pháp về quản lý gồm: Tăng cường sự lãnh đạo của các Cấp ủy và Chính quyền địa phương; Giải pháp trong phân cấp quản lý; Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của truyền thanh trong cộng đồng dân cư các địa phương. (iii) Nhóm giải pháp về tổ chức hoạt động gồm: Đổi mới về hình thức tổ chức; Đổi mới về nội dung chương trình.</p> <p>Những vấn đề trên đây sẽ giúp cho các cơ quan quản lý, các đơn vị trực tiếp tham gia vào hoạt động truyền thanh cơ sở thực hiện tốt hơn công tác quản lý hoạt động truyền thanh, để thực sự phát huy chức năng, nhiệm vụ của nó trong đời sống xã hội.</p>
17		Quản lý và phát huy nguồn tư liệu về văn hóa ở Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa	Nguyễn Hồng Thư	TS. Nguyễn Bá Tường	<p>Trên cơ sở khảo sát, phân tích, làm rõ các vấn đề cơ sở lý luận về quản lý, phát huy nguồn tư liệu văn hóa và tổng quan về Đài phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa. Luận văn đã đánh giá một cách khách quan thực trạng công tác quản lý và phát huy nguồn tư liệu về văn hóa ở Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa từ năm 2017 đến năm 2022; đồng thời đã rút ra ưu điểm, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong công tác lưu trữ, bảo quản và phát nguồn tư liệu văn hóa trong sản xuất các chương trình.</p> <p>Trên cơ sở đó, luận văn đã đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và phát huy nguồn tư liệu văn hóa ở Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa trong thời gian tới. Trong các giải pháp được tác giả đề xuất thì giải pháp quan trọng nhất là nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của nguồn tư liệu văn hóa đối với một cơ quan báo chí truyền hình. Bởi với lợi thế nổi trội so với các loại hình báo chí khác, khán giả xem truyền hình được mắt thấy, tai nghe, cảm nhận được những thông điệp mà chương trình muốn truyền tải đến với công chúng thông qua việc kết hợp giữa hình ảnh, âm thanh, lời bình, âm nhạc, các kỹ xảo tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn người xem. Trong các yếu tố đó thì nguồn tư liệu văn hóa đóng vai trò rất quan trọng để</p>

				<p>những người làm chương trình xây dựng ý tưởng, kết cấu chương trình và quyết định cách thức thể hiện mỗi tác phẩm truyền hình. Trong những năm qua, đặc biệt từ năm 2017 trở về trước công tác quản lý và phát huy nguồn tư liệu này không được quan tâm chú trọng nên rất nhiều nguồn tư liệu văn hóa quan trọng này bị mất, bị hư hỏng ảnh hưởng rất nhiều đến việc sản xuất các chương trình. Do vậy phải có giải pháp để nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của nguồn tư liệu văn hóa từ đội ngũ cán bộ, quản lý đến mỗi phóng viên, biên tập viên, những người làm công tác tại bộ phận tư liệu mới nâng cao hiệu quả được công tác quản lý và phát huy nguồn tư liệu văn hóa ở Đài PT&amp;TH Thanh Hóa trong thời gian tới.</p> <p>Nhóm giải pháp thứ hai là việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng như cơ sở vật chất, các trang thiết bị máy móc phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản và khai thác nguồn tư liệu văn hóa. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý và phát huy nguồn tư liệu văn hóa hiện nay. Thông qua việc mời các chuyên gia văn hóa về trao đổi hay mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ lưu trữ, sản xuất các chương trình văn hóa, tạo ra các chương trình hấp dẫn, lôi cuốn người xem. Về các trang thiết bị, mặc dù đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính do phải tự chủ hoạt động và nguồn quảng cáo sụt giảm nhưng ban lãnh đạo Đài PT&amp;TH Thanh Hóa cũng cần tính toán hợp lý để đầu tư tăng cường các thiết bị lưu trữ, để các tư liệu văn hóa không bị mất do không đủ thiết bị lưu trữ.</p> <p>Nhóm giải pháp quan trọng nữa đó là việc phát huy hiệu quả nguồn tư liệu văn hóa không chỉ trên sóng Đài PT&amp;TH Thanh Hóa trên mà cả các Đài quốc gia và các Đài PT&amp;TH trong cả nước. Thông qua các cơ chế phối hợp cùng sản xuất hoặc trao đổi các chương trình. Nếu làm tốt được giải pháp này thì khán giả trong và ngoài nước sẽ có nhiều kênh để hiểu hơn về đất và người xứ Thanh, để thêm trân trọng và yêu quý miền đất địa linh nhân kiệt này. Và khán giả trong tỉnh cũng có thêm kênh thông tin để hiểu hơn về văn hóa các vùng miền trên cả nước.</p>
--	--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>Những giải pháp trên đây sẽ giúp cho Ban Giám đốc, các phòng ban, mỗi phóng viên, biên tập viên và viên chức tổ tư liệu làm tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và phát huy nguồn tư liệu văn hóa tại Đài PT&amp;TH Thanh Hóa trong thời gian tới.</p>
18		<p>Quản lý di tích lịch sử văn hóa núi An Hoạch (núi Nhồi), phường An Hưng, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa</p>	Phạm Thị Thu	TS. Lê Thị Thảo	<p>Tác giả luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề chung về công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa, di tích văn hóa và đã đánh giá được những kết quả đạt được trong quản lý di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn phường An Hưng trên các mặt sau:          Việc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh, của thành phố về công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa, di tích văn hóa.          Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.          Kêu gọi xã hội hóa tổ chức cá nhân trong việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích          Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn phường An Hưng đã được cấp ủy, chính quyền và nhân dân phường quan tâm thực hiện, nhiều di tích đã được nâng cấp, tôn tạo, gắn với quảng bá và phát triển du lịch, góp phần giáo dục truyền thống, quảng bá hình ảnh quê hương, thu hút du khách đến tham quan, nghiên cứu qua đó góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị di tích, di sản văn hóa.          Bên cạnh đó tác giả đã chỉ ra những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý di tích trên địa bàn phường An Hưng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn phường như: Xây dựng quy hoạch tổng thể mới về công tác quản lý nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa núi An Hoạch (núi Nhồi), gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở phường An Hưng. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác quản lý, bảo tồn, khai thác giá trị di tích lịch sử văn hóa; Tăng cường và nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương. Tăng cường tổ chức triển khai thực hiện và tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nâng</p>

					cao chất lượng các hoạt động nghiệp vụ và huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực bảo vệ, phát huy giá trị di tích lịch sử - cách mạng, nâng cao vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích...
19		Quản lý hoạt động Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Lê Thị Quý	TS. HàThúy Mai	<p>Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở VH-TT-DL, Sở TTTT, công tác quản lý các hoạt động văn hóa của Trung tâm văn hóa, TT,TT,&amp;DL Vĩnh Lộc đã đạt được những thành tích đáng được ghi nhận. Công tác tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các hoạt động văn hóa văn nghệ được tổ chức thường xuyên tạo sự phấn khích trong mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện.</p> <p>Bên cạnh những thành tích đã đạt được. Trung tâm cũng bộc lộ không ít khó khăn về công tác quản lý hoạt động của trung tâm. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng này cơ bản là do khó khăn về cơ sở vật chất hạ tầng, kinh phí xây dựng cơ sở vật chất chưa tiên xứng với sự phát triển của huyện nhà, đội ngũ cán bộ còn thiếu, năng lực chuyên môn hạn chế nên chưa phát huy hết vai trò quản lý các hoạt động của Trung tâm. Trên cơ sở những hạn chế và tồn tại, luận văn đã đề xuất các giải pháp bao gồm: (i) giải pháp về Chủ thể và cơ chế quản lý hoạt động, (ii) giải pháp về chính sách, (iii) giải pháp về tổ chức hoạt động, (iv) Giải pháp huy động nguồn lực, cơ sở vật chất, kinh phí; (v) Giải pháp về tăng cường hợp tác, xã hội hóa, (vi) Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, (vii) Giải pháp về thanh tra, kiểm tra, khen thưởng</p>
20		Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Văn Thị Tâm	TS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	<p>Khái quát về quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa cơ sở. Trong đó đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến nội dung đề tài.</p> <p>Khái quát về hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Sầm Sơn; khái quát hệ thống tổ chức bộ máy và nguồn lực quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Sầm Sơn;</p> <p>Phân tích, đánh giá hiện trạng công tác quản lý nhà nước tại</p>

					<p>các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Sầm Sơn. Từ đó chỉ ra những kết quả đã đạt được, những hạn chế bất cập và nguyên nhân.</p> <p>Đề xuất những giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về thiết chế văn hóa cơ sở, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Sầm Sơn.</p>
21		Quản lý nhà nước về lễ hội trên địa bàn thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Thị Kim Thanh	TS. Nguyễn Văn Dũng	<p>Khái quát về quản lý nhà nước về lễ hội trên địa bàn thành phố Sầm Sơn. Trong đó đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến nội dung đề tài.</p> <p>Khái quát về hệ thống quản lý lễ hội trên địa bàn thành phố Sầm Sơn; khái quát hệ thống tổ chức bộ máy và nguồn lực quản lý nhà nước đối với các lễ hội trên địa bàn thành phố Sầm Sơn;</p> <p>Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về lễ hội trên địa bàn thành phố Sầm Sơn. Từ đó chỉ ra những kết quả đã đạt được, những hạn chế bất cập và nguyên nhân.</p> <p>Đề xuất những giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về lễ hội, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với lễ hội trên địa bàn thành phố Sầm Sơn.</p>

#### G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

TT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo
1	Khách sạn Vinpearl	05	Cử nhân	Quản trị khách sạn
2	Khách sạn Thiên Ý	02	Cử nhân	Quản trị khách sạn
3	Khách sạn Long Anh	03	Cử nhân	Quản trị khách sạn
4	Khách sạn Sao Mai	02	Cử nhân	Quản trị khách sạn
5	Khách sạn Phú Hưng 3	05	Cử nhân	Quản trị khách sạn
6	FLC Sầm Sơn	05	Cử nhân	Quản trị khách sạn (Quản trị KS – Nhà hàng)
7	Nhà Hàng Hải sản KanDo	10	Cử nhân	Quản trị khách sạn (Quản trị nhà hàng)
8	Nhà Hàng White Place	05	Cử nhân	
9	Nhà Hàng King Place	05	Cử nhân	
10	Nhà hàng KH FOOD GARDEN	10	Cử nhân	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
11	Công ty TNHH Du lịch & dịch vụ Khám	03	Cử nhân	

	Phá Xứ Thanh			Du lịch
12	Công ty cổ phần Du lịch Xanh	02	Cử nhân	
13	Công ty TNHH thương mại du lịch Eagle	02	Cử nhân	

#### H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo Quốc tế : “Đẩy mạnh chất lượng hợp tác quốc tế đối với các cơ sở giáo dục Đại học khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh hiện nay”.	11/2022	Hội trường nhà Biểu diễn, trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa – số 561, Quang Trung, phường Đông Vệ , TP Thanh Hóa.	200
2	Hội thảo cấp trường: “Nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình dạy học”.	4/2023	Hội trường nhà Biểu diễn, trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa – số 561, Quang Trung, phường Đông Vệ , Thành phố Thanh Hóa.	150

#### I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Nghiên cứu giải pháp phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	TS. Nguyễn Thị Tình TS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Sở khoa học & Công nghệ Thanh Hóa	2020-2021	1.019.270.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng hợp, xử lý số liệu.</li> <li>- Báo cáo thực trạng và tiềm năng phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo hệ thống tiêu chí lựa chọn các điểm có tiềm năng phát triển loại hình du lịch tâm linh.</li> <li>- Báo cáo mô hình lý thuyết du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo kết quả triển khai thí điểm mô hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo giải pháp phát triển loại hình du lịch</li> </ul>

						<p>tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu.</li> <li>- Bài báo công bố kết quả nghiên cứu.</li> </ul>
2	Đánh giá mức độ tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa	ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp ThS. Vũ Thị Hạnh	Sở khoa học & Công nghệ Thanh Hóa	12/2021-5/2023	1.330.274.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch gắn với biểu hiện mức độ tổn thương đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010 đến năm 2020.</li> <li>- Báo cáo đánh giá mức độ phơi nhiễm, mức độ tổn thương và năng lực thích ứng du lịch tỉnh Thanh Hóa do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu từ năm 2010 đến năm 2020.</li> <li>- Báo cáo hệ thống giải pháp (công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2023, định hướng đến năm 2045.</li> <li>- Bản đồ số hóa bao gồm: bản đồ các yếu tố nhạy cảm, bản đồ các yếu tố khả năng thích ứng, bản đồ mức độ tổn thương.</li> <li>- Báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài.</li> <li>- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài.</li> <li>- Bài báo công bố kết quả nghiên cứu.</li> </ul>
3	Xây dựng mô hình tổ chức hoạt động Thể dục thể thao quần chúng ở xã, phường, thị trấn tỉnh Thanh Hóa	TS Trịnh Ngọc Trung ThS. Phạm Thị Hải Yến	Sở khoa học & Công nghệ Thanh Hóa	12/2021 - 5/2023	950.464.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo thực trạng công tác tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã, phường, thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2021.</li> <li>- Báo cáo 3 mô hình lý thuyết tổ chức hoạt động đối với 3 môn TDTT quần chúng ở xã, phường, thị trấn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo kết quả triển khai mô hình tổ chức hoạt động TDTT quần chúng ở xã, phường, thị trấn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo hệ thống giải pháp để phát triển TDTT quần chúng ở xã, phường, thị trấn trên địa</li> </ul>

						<p>bản tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài</li> <li>- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài.</li> <li>- Bài báo công bố kết quả nghiên cứu.</li> </ul>
4	<p>Nghiên cứu xây dựng bộ phần mềm công cụ hỗ trợ triển khai công tác dạy và học trực tuyến tại các trường Đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p>	<p>ThS. Trịnh Văn Anh ThS. Nguyễn Thị Nhung</p>	<p>Sở khoa học &amp; Công nghệ Thanh Hóa</p>	<p>12/2021 - 12/2023</p>	<p>1.373.859.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo thực trạng triển khai các mô hình dạy và học trực tuyến tại các trường Đại học và Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2016-2021.</li> <li>- Bộ công cụ phần mềm.</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm.</li> <li>- Báo cáo kết quả triển khai phần mềm tại một trường đại học và một trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài.</li> <li>- Bài báo công bố kết quả nghiên cứu .</li> </ul>
5	<p>Nghiên cứu giải pháp bố trí nghệ thuật không gian công cộng trên địa bàn Thành phố Thanh Hoá</p>	<p>TS. Trần Việt Anh TS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh</p>	<p>Sở khoa học &amp; Công nghệ Thanh Hóa</p>	<p>2022-2024</p>	<p>1.397.150.000</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Thực trạng bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trong không gian công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay</li> <li>- Báo cáo kinh nghiệm bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trong không gian công cộng</li> <li>- Báo cáo nghiên cứu lựa chọn các không gian công cộng đề xuất bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trên địa bàn thành phố Thanh Hóa</li> <li>- Mô hình mẫu dạng 3D trên phần mềm về bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trong không gian công cộng cho 06 không gian công cộng tiêu biểu trên địa bàn thành phố Thanh Hóa: Làng cổ Đông Sơn, Quảng trường Hàm Rồng, Công viên đề hữu Sông Mã, Công viên Hồ Đồng Chiếm, Công viên Hội An, Quảng trường Lam Sơn</li> <li>- Báo cáo kết quả Thiết kế mô hình mẫu dạng 3D trên phần mềm về bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trong không gian công cộng cho 06 không gian công cộng tiêu biểu trên địa bàn thành phố</li> </ul>

						<p>Thanh Hóa: Làng cổ Đông Sơn, Quảng trường Hàm Rồng, Công viên dê hữu Sông Mã, Công viên Hồ Đông Chiềc, Công viên Hội An, Quảng trường Lam Sơn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo giải pháp tổ chức thực hiện bố trí nghệ thuật hội hoa, điêu khắc trong không gian công cộng trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa</li> <li>- Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu</li> <li>- Báo cáo kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa</li> <li>- Báo cáo tổng hợp</li> <li>- Bài báo báo khoa học</li> </ul>
6	Xây dựng mô hình tư vấn tâm lý học đường cho các trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	TS.Nguyễn Thị Hồng ThS. Hoàng Thị Thanh Bình	Sở khoa học & Công nghệ Thanh Hóa	2022-2024	1.296.390.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Thực trạng hoạt động tư vấn tâm lý học đường cho học sinh trung học cơ sở ở tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo Kết quả triển khai mô hình tư vấn tâm lý học đường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Sổ tay tư vấn tâm lý học đường cho các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo hệ thống giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn tâm lý học đường cho các trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá</li> <li>- Báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài</li> <li>- Báo cáo kiến nghị với UBND tỉnh</li> <li>- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài</li> <li>- Bài báo khoa học công bố kết quả nghiên cứu của đề tài</li> </ul>
7	Nghiên cứu phát triển loại hình du lịch MICE gắn với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	TS Vũ Văn Tuyên ThS. Ngô Phương Thúy	Sở khoa học & Công nghệ Thanh Hóa	2022-2024	1.059.650.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo cơ sở lý luận về phát triển loại hình du lịch Mice.</li> <li>- Báo cáo Kinh nghiệm trong phát triển loại hình du lịch Mice và bài học cho tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo Thực trạng phát triển loại hình du lịch Mice trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Tiềm năng phát triển loại hình du lịch Mice trên địa bàn Thanh Hóa.</li> <li>- Báo cáo Xây dựng Mô hình lý thuyết về tổ chức hoạt động du lịch Mice.</li> <li>- Báo cáo triển khai thực hiện mô hình du lịch Mice gắn với không gian du lịch biển và gắn với các đô thị lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</li> <li>- Báo cáo Giải pháp phát triển loại hình du lịch Mice ở Thanh Hóa đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035.</li> <li>- Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu.</li> <li>- Báo cáo kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- Bài báo báo khoa học.</li> <li>- Báo cáo tổng hợp.</li> </ul>
--	--	--	--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

*Thanh Hóa, ngày 28 tháng 10 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thanh Hà**